

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

□ □ □

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

MÃ NGÀNH : 7320104

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC

Đà Nẵng, năm 2023

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Mục tiêu về kỹ năng cứng:

- + Có kỹ năng ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo khung châu Âu, 6 bậc, (tối thiểu sinh viên tốt nghiệp có trình độ B1).
- + Có kỹ năng tin học, toán học, phân tích xã hội học, nghiên cứu các vấn đề về truyền thông đa phương tiện...
- + Có kỹ năng phân tích tình huống, trình bày vấn đề...
- + Kỹ năng vận dụng linh hoạt và phù hợp các khối kiến thức đa dạng và kỹ năng được trang bị trong quá trình học tập và thực tập nghề nghiệp,
- + Kỹ năng làm chủ kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật truyền thông đa phương tiện.

- Mục tiêu về kỹ năng mềm:

- + Người học được trau dồi kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong công việc.
- + Có kỹ năng quản lý thời gian, làm việc dưới áp lực, tư duy sáng tạo, xác định mục tiêu.

1.2.3. Mục tiêu về phẩm chất đạo đức

- Mục tiêu về đạo đức cá nhân
 - + Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực, khách quan.
 - + Có ý thức phục vụ nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Mục tiêu về đạo đức nghề nghiệp
 - + Có ý thức phát triển chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ
 - + Có tinh thần yêu nghề, đam mê trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

1.2.4. Mục tiêu vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm TTĐPT như chuyên viên sản xuất, nhà sáng tạo, biên kịch, biên tập viên nội dung truyền thông, người dẫn chương trình, chuyên viên kinh doanh bản quyền TTĐPT...
- Các vị trí khác có liên quan đến lĩnh vực truyền thông đại chúng như chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh tại các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp tư nhân.
- Ngoài ra, người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo ngành TTĐPT ở bậc cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA (SO):

Ngay khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động ngành truyền thông.

2.1. Kiến thức

- **(SO 1)** Người học hiểu được các kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp cận hiệu quả hệ thống kiến thức ngành và chuyên ngành như ngôn ngữ, triết học, toán học, kinh tế, pháp luật, lịch sử, văn hóa, xã hội... Người học có khả năng xây dựng nền tảng hiểu biết về đời sống xã hội trong thực tiễn và vận dụng trong nghiên cứu chuyên môn.
- **(SO 2)** Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ sở ngành truyền thông đa phương tiện như loại hình truyền thông, xu hướng truyền thông. Xác định được đối tượng truyền thông, phân tích được nguyên tắc, tiêu chuẩn nghệ thuật đồ họa, web...
- **(SO 3)** Người học nắm chắc các kiến thức chuyên sâu trong nghề nghiệp, vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Đồng thời, người học phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông, vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

2.2. Kỹ năng

- (SO 4) Cử nhân Truyền thông đa phương tiện đáp ứng được yêu cầu ngoại ngữ đầu ra theo khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (B1 đối với chương trình tiếng Anh, N3 đối với chương trình tiếng Nhật, HSK3 đối với chương trình tiếng Trung). Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản (Word), trình bày bảng biểu (Excel), thiết kế bài thuyết trình (Powerpoint).

- (SO 5) Người học có kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, điều tra, dẫn chương trình, tổ chức sự kiện, xử lý các tình huống ... trong hoạt động nghề nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- (SO 6) Người học được định hướng tư tưởng, bồi dưỡng nhân cách đạo đức một cách đúng đắn và nhân văn, làm việc theo đúng pháp luật, có thái độ nghiêm túc, tự giác và có trách nhiệm và đam mê với học tập và công việc.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 134 tín chỉ (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, CHUẨN ĐẦU VÀO

Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học có điểm thi đầu vào đại học bằng hoặc cao hơn điểm tuyển sinh qui định hoặc Xét tuyển theo học bạ phổ thông.

6. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3197/QĐ-ĐHDT ngày 07/9/2021 của Đại học Duy Tân.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo: với khối lượng không dưới 121 tín chỉ;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất (đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao) và các môn thi chính trị cuối khóa.

7. THANG ĐIỂM

Theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3197/QĐ-ĐHDT ngày 07/9/2021 của Đại học Duy Tân.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng sau đó chuyển thành điểm chữ.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A (8,5 – 10,0)

B (7,0 – 8,4)

C (5,5 – 6,9)

D (4,0 – 5,4)

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P (5,0 – 10,0)

c) Loại không đạt:

F (dưới 4,0) Kém

- Theo quy chế của Bộ GD&ĐT: tính điểm trung bình chung:

- A tương ứng với 4
- B tương ứng với 3
- C tương ứng với 2
- D tương ứng với 1
- F tương ứng với 0

- Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 134 tín chỉ (23 TC tự chọn) (Không tính số tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

Ghi chú: TC = tín chỉ, LT = lý thuyết, TH = thực hành, TSG = tổng số giờ)

STT	Mã môn		Tên môn	Số TC	Số giờ tín chỉ		
	Chữ	Số			LT	TH	TSG
8.1. ĐẠI CƯƠNG (41 tín chỉ) – 14 TC lựa chọn							
8.1.1. Phương pháp (Học tập)			Bắt buộc (4 tín chỉ)				
1	PHI	100	Phương pháp luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2	2	0	30
2	COM	141	Nói & trình bày (tiếng Việt)	1	1	0	15
3	COM	142	Viết (tiếng Việt)	1	1	0	15
8.1.2. Công nghệ thông tin			Bắt buộc(3 tín chỉ)				
4	CS	201	Tin học ứng dụng	3	2	1	45
8.1.3. Khoa học tự nhiên			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
5	MTH	100	Toán cao cấp C	3	2	1	45
8.1.4. Khoa học xã hội			Bắt buộc				
8.1.4.1. Đạo đức & Pháp luật			Chọn 1 trong 3 (6 tín chỉ)				
6	DTE	201	Đạo đức trong công việc	2	2	0	30
7	LAW	201	Pháp luật đại cương	2	2	0	30
8	MED	268	Y đức	2	2	0	30
8.1.4.2. Tự chọn về xã hội			Chọn 2 trong 5 (10 tín chỉ)				

STT	Mã môn		Tên môn	Số TC	Số giờ tín chỉ		
	Chữ	Số			LT	TH	TSG
9	EVR	205	Sức khỏe môi trường	2	2	0	0
10	HIS	221	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	2	0	30
11	HIS	222	Lịch sử văn minh thế giới 2	2	2	0	30
12	AHI	392	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	2	0	30
13	AHI	391	Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam	2	2	0	20
8.1.4.3. Hướng nghiệp			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
14	DTE-HSS	102	Hướng nghiệp 1	1	1	0	15
15	DTE-HSS	152	Hướng nghiệp 2	1	1	0	15
8.1.5. Triết học & Chính trị			Bắt buộc (11 tín chỉ)				
16	HIS	362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0	30
17	PHI	150	Triết học Marx – Lenin	3	3	0	45
18	POS	151	Kinh tế chính trị Marx – Lenin	2	2	0	30
19	POS	361	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30
20	POS	351	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30
8.1.6. Ngoại ngữ			Chọn 12 trong 16 (16 tín chỉ)				
21	ENG	116	Reading – Level 1	1	1	0	15
22	ENG	117	Writing – Level 1	1	1	0	15
23	ENG	118	Listening – Level 1	1	1	0	15
24	ENG	119	Speaking – Level 1	1	1	0	15
25	ENG	166	Reading – Level 2	1	1	0	15
26	ENG	167	Writing – Level 2	1	1	0	15
27	ENG	168	Listening – Level 2	1	1	0	15
28	ENG	169	Speaking – Level 2	1	1	0	15
29	ENG	216	Reading – Level 3	1	1	0	15
30	ENG	217	Writing – Level 3	1	1	0	15
31	ENG	218	Listening – Level 3	1	1	0	15
32	ENG	219	Speaking – Level 3	1	1	0	15
33	ENG	266	Reading – Level 4	1	1	0	15
34	ENG	267	Writing – Level 4	1	1	0	15
35	ENG	268	Listening – Level 4	1	1	0	15
36	ENG	269	Speaking – Level 4	1	1	0	15
8.2. ĐẠI CƯƠNG NGÀNH (48 tín chỉ)							
8.2.1. Kiến thức bổ trợ			Bắt buộc (9 tín chỉ)				
37	AES	251	Đại cương mỹ học	3	3	0	45
38	PHI	306	Logic học	3	3	0	45
39	PSY	151	Đại cương tâm lý học	3	3	0	45
8.2.2. Cơ sở kiến thức truyền thông & Báo chí			Bắt buộc (9 tín chỉ)				
40	COM	201	Nhập môn truyền thông	3	3	0	45
41	COM	250	Đại cương sản phẩm truyền	2	2	0	30

STT	Mã môn		Tên môn	Số TC	Số giờ tín chỉ		
	Chữ	Số			LT	TH	TSG
			thông				
42	JOU	251	Cơ sở lý luận báo chí	2	2	0	30
43	JOU	360	Lịch sử báo chí (Thế giới & Việt Nam)	2	2	0	30
8.2.3. Việt Nam học			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
44	CUL	251	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	45
8.2.4. Xã hội học			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
45	SOC	151	Đại cương xã hội học	3	3	0	45
8.2.5. Ngôn ngữ học			Bắt buộc (4 tín chỉ)				
46	LIN	150	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0	30
47	LIN	261	Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp	2	2	0	30
8.2.6. Đồ án PBL			Bắt buộc (1 tín chỉ)				
48	COM	296	Tranh tài giải pháp PBL	1	1	0	15
8.2.7. Thiết kế truyền thông			Bắt buộc (11 tín chỉ)				
49	ART	221	Photography	2	2	0	30
50	ART	343	Thiết kế ấn phẩm	2	2	0	30
51	ID	301	Thiết kế logo	2	2	0	30
52	ID	354	Thiết kế sách	2	2	0	30
53	DMS	365	Video & Audio fundamentals	3	3	0	45
8.2.8. Tiếp thị			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
54	MKT	251	Tiếp thị căn bản	3	3	0	45
8.2.9. Văn học nước ngoài			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
55	LIT	372	Văn học phương Tây	2	2	0	30
8.2.10. Sự kiện			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
56	COM	335	Tổ chức sự kiện	2	2	0	30
8.2.11. Thực hành thực tế			Bắt buộc (1 tín chỉ)				
57	COM	348	Thực tập nhận thức	1	0	1	15
8.3. CHUYÊN NGÀNH (45 tín chỉ) – 9TC lựa chọn							
8.3.1. Kỹ năng giao tiếp			Chọn 2 trong 4 (8tín chỉ)				
58	COM	384	Nghệ thuật đàm phán	2	2	0	30
59	COM	435	Quan hệ công chúng	2	2	0	30
60	TOU	411	Quản trị sự kiện	2	2	0	30
61	COM	413	Kỹ năng dẫn chương trình	2	2	0	30
8.3.2. Báo chí			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
62	JOU	373	Ngôn ngữ báo chí	2	2	0	30
8.3.3. Văn học			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
63	LIT	412	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	3	3	0	45
8.3.4. Đồ án PBL			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
64	COM	396	Tranh tài giải pháp PBL	1	1	0	15
65	COM	496	Tranh tài giải pháp PBL	1	1	0	15
8.3.5. Quảng cáo &			Bắt buộc (3 tín chỉ)				

STT	Mã môn		Tên môn	Số TC	Số giờ tín chỉ		
	Chữ	Số			LT	TH	TSG
Chiêu thị							
66	MKT	364	Quảng cáo & chiêu thị	3	3	0	45
8.3.6. Báo chí & Truyền thông			Bắt buộc (13 tín chỉ)				
67	COM	483	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2	2	0	30
68	JOU	335	Báo in	2	2	0	30
69	JOU	386	Báo nói	2	2	0	30
70	JOU	435	Báo điện tử	2	2	0	30
71	JOU	439	Truyền hình	2	2	0	30
72	LAW	305	Luật báo chí	1	1	0	15
73	COM	423	Điều tra phóng sự	2	2	0	30
8.3.7. Thương hiệu			Bắt buộc (2 tín chỉ)				
74	COM	385	Nhận dạng thương hiệu	2	2	0	30
8.3.8. Tiếp thị			Bắt buộc (3 tín chỉ)				
75	MKT	404	Hành vi tiêu dùng	3	3	0	45
8.3.9. Mua & Bán			Bắt buộc				
76	IS	381	Thương mại điện tử	3	3	0	45
8.3.10. Thiết kế truyền thông			Bắt buộc (4 tín chỉ)				
77	ID	413	Thiết kế poster 1	2	2	0	30
78	DMS	464	Filmmaking, video & media practices	2	2	0	30
8.3.11. Tốt nghiệp			Chọn 1 trong 2 (10 tín chỉ)				
79	COM	448	Thực tập tốt nghiệp	5	5	0	75
80	COM	449	Khóa luận tốt nghiệp	5	5	0	75
		Tổng	134 TC				

9. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

9.1. Danh sách nhân sự chủ trì, xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

STT	Tên giảng viên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Vai trò	Ghi chú
1	Dương Xuân Sơn	PGS. TS	Lịch sử Báo chí	Chủ trì ngành	
2	Nguyễn Văn Dương	Tiến sĩ	Triết học	Chủ trì giảng dạy khối kiến thức Đại cương	
3	Hoàng Thị Hương	Tiến sĩ	Văn học	Chủ trì giảng dạy khối đại cương ngành	
4	Nguyễn Tiến Vụ	Tiến sĩ	Báo chí học	Chủ trì giảng dạy khối đại cương ngành	

5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tiến sĩ	Truyền thông báo chí	Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành	
---	-----------------------	---------	----------------------	---	--

9.2. Danh sách giảng viên giảng dạy

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Giảng viên giảng dạy	
	Chữ	Số					Học hàm, học vị
1	PHI	100	Phương pháp luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2	1	Trần Nhật Tân	TS
						Hà Như Hằng	TS
2	COM	141	Nói & trình bày (tiếng Việt)	1	1	Hoàng Thị Hương	TS
						Nguyễn Thành Khánh	TS
3	COM	142	Viết (tiếng Việt)	1	1	Bùi Thị Kim Phượng	Th.S
						Nguyễn Thị Kim Bài	Th.S
4	CS	201	Tin học ứng dụng	3	2	Lê Thanh Long	TS
						Bùi Kim Tuấn	Th.S
5	MTH	100	Toán cao cấp C	3	2	Nguyễn Phước Thế	TS
						Nguyễn Đức Hiền	TS
6	DTE	201	Đạo đức trong công việc	2	3	Bùi Thị Kim Chuyên	Th.S
						Phan Văn Sơn	Th.S
7	LAW	201	Pháp luật đại cương	2	2	Trần Quang Trung	Th.S
						Lê Thanh Long	Th.S
8	MED	268	Y đức	2	3	Võ Thị Hà Hoa	TS
						Nguyễn Thị Tâm	Th.S
9	EVR	205	Sức khỏe môi trường	2	2	Lê Thùy Trang	Th.S
						Nguyễn Thị Hồng Tình	Th.S
10	HIS	221	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	2	Hồ Thị Ái Phương	Th.S
						Trần Thị Diễm Trâm	Th.S
11	HIS	222	Lịch sử văn minh thế giới 2	2	2	Trần Thái Bảo	Th.S
						Nguyễn Thị Phương Thảo	Th.S
12	AHI	392	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	3	Huỳnh Thị Thu Mơ	Th.S
						Nguyễn Thị Sương	Th.S
13	AHI	391	Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam	2	4	Lê Phương Hiếu	Th.S
						Hồ Thị Thanh Thu	Th.S
14	DTE-HSS	102	Hướng nghiệp 1	1	3	Trương Thị Như Hằng	Th.S
						Trần Hoàng Thùy Linh	Th.S
15	DTE-	152	Hướng nghiệp 2	1	4	Ngô Thị Thảo Quỳnh	Th.S

	HSS					Nguyễn Thị Tường Vy	Th.S
16	HIS	362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	3	Nguyễn Mậu Minh	Th.S
						Trịnh Đình Thanh	Th.S
17	PHI	150	Triết học Marx – Lenin	3	3	Trịnh Đình Thanh	Th.S
						Nguyễn Văn Dương	TS
18	POS	151	Kinh tế chính trị Marx – Lenin	2	3	Nguyễn Thị Hải Lân	Th.S
						Đoàn Thị Cẩm Vân	Th.S
19	POS	361	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4	Nguyễn Văn Dương	TS
						Nguyễn Tấn Tài	Th.S
20	POS	351	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3	Đoàn Thị Cẩm Vân	Th.S
						Trần Thị Diễm Trâm	Th.S
21	ENG	116	Reading – Level 1	1	2	Trần Thị Minh Giang	TS
						Nguyễn Thị Bích Giang	Th.S
22	ENG	117	Writing – Level 1	1	4	Nguyễn Quỳnh Chi	Th.S
						Dương Hữu Phước	Th.S
23	ENG	118	Listening – Level 1	1	2	Nguyễn Bích Giang	Th.S
						Phan Thị Thủy Tiên	Th.S
24	ENG	119	Speaking – Level 1	1	2	Đỗ Thị Kim Cúc	Th.S
						Lê Hoàng Hoài Khanh	Th.S
25	ENG	166	Reading – Level 2	1	3	Phan Thị Như Gấm	Th.S
						Huỳnh Vũ Chí Tâm	Th.S
26	ENG	167	Writing – Level 2	1	4	Mai Lan Chi	Th.S
						Trương Thị Huệ	Th.S
27	ENG	168	Listening – Level 2	1	3	Lê Thị Diệu Hương	Th.S
						Đoàn Thị Diệu Lan	Th.S
28	ENG	169	Speaking – Level 2	1	3	Thái Trịnh Thảo Nguyên	Th.S
						Lê Thị Oanh	Th.S
29	ENG	216	Reading – Level 3	1	5	Trần Thị Thứ	Th.S
						Nguyễn Khánh Phượng	Th.S
30	ENG	217	Writing – Level 3	1	5	Trần Thị Minh Giang	TS
						Võ Nguyên Dạ Thảo	Th.S
31	ENG	218	Listening – Level 3	1	5	Mai Lan Thi	Th.S

						Đoàn Thị Thanh Trang	Th.S
32	ENG	219	Speaking – Level 3	1	6	Lê Thị Kim Uyên	Th.S
						Kiều Thị Đông Thanh	Th.S
33	ENG	266	Reading – Level 4	1	7	Lê Thị Oanh	Th.S
						Lê Thị Diệu Hương	Th.S
34	ENG	267	Writing – Level 4	1	7	Nguyễn Thị Kim Mẫn	Th.S
						Trần Thị Thúy Phượng	Th.S
35	ENG	268	Listening – Level 4	1	7	Nguyễn Xuân Tích	Th.S
						Mai Lan Thị	Th.S
36	ENG	269	Speaking – Level 4	1	7	Nguyễn Thị Diệu Trâm	Th.S
						Thái Trịnh Thảo Nguyên	Th.S
37	AES	251	Đại cương mỹ học	3	3	Nguyễn Thành Khánh	TS
						Nguyễn Thị Kim Bài	Th.S
38	PHI	306	Logic học	3	3	Nguyễn Mậu Minh	Th.S
						Đoàn Thị Cẩm Vân	Th.S
39	PSY	151	Đại cương tâm lý học	3	2	Ngô Thị Thảo Quỳnh	Th.S
						Nguyễn Thị Tường Vy	Th.S
40	COM	201	Nhập môn truyền thông	3	4	Đỗ Anh Đức	TS
						Trần Duy	TS
41	COM	250	Đại cương sản phẩm truyền thông	2	5	Vũ Tuấn Hà	TS
						Trần Duy	TS
42	JOU	251	Cơ sở lý luận báo chí	2	5	Trần Thị Ánh Nguyệt	TS
						Nguyễn Công Sáng	Th.S
43	JOU	360	Lịch sử báo chí (Thế giới & Việt Nam)	2	5	Hoàng Thị Hương	TS
						Nguyễn Tiến Vụ	TS
44	CUL	251	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Th.S
						Nguyễn Thị Diệu Mi	Th.S
45	SOC	151	Đại cương xã hội học	3	3	Bùi Thị Kim Phượng	Th.S
						Lê Thanh Tùng	Th.S
46	LIN	150	Dẫn luận ngôn ngữ	2	3	Trần Hoàng Thùy Linh	Th.S
						Lê Thị Hải	Th.S
47	LIN	261	Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp	2	4	Trần Hoàng Thùy Linh	Th.S
						Bùi Thị Kim Phượng	Th.S
48	COM	296	Tranh tài giải pháp PBL	1	4	Nguyễn Thị Tường Vy	Th.S

						Trương Thị Như Hằng	Th.S
49	ART	221	Photography	2	5	Trần Thanh Bình	Th.S
						Hoàng Hà	Th.S
50	ART	343	Thiết kế ấn phẩm	2	5	Phan Thị Duy Hạ	Th.S
						Nguyễn Thị Hạnh Phương	Th.S
51	ID	301	Thiết kế logo	2	6	Hoàng Quốc Việt	Th.S
						Nguyễn Văn Cường	Th.S
52	ID	354	Thiết kế sách	2	7	Trần Thanh Bình	Th.S
						Huỳnh Thị Thu Mơ	Th.S
53	DMS	365	Video & Audio fundamentals	3	6	Nguyễn Huy Trung	Th.S
						Lê Phương Hiếu	Th.S
54	MKT	251	Tiếp thị căn bản	3	5	Đỗ Văn Tín	TS
						Nguyễn Thị Thảo	Th.S
55	LIT	372	Văn học Phương Tây	2	5	Lê Thị Hải	Th.S
						Hoàng Thị Hương	TS
56	COM	335	Tổ chức sự kiện	2	6	Nguyễn Ngọc Hạnh Mi	Th.S
						Trương Thị Như Hằng	Th.S
57	COM	348	Thực tập nhận thức	1	7	Nguyễn Thị Tương Vy	Th.S
						Ngô Thị Thảo Quỳnh	Th.S
58	COM	384	Nghệ thuật đàm phán	2	3	Trương Thị Như Hằng	Th.S
						Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	Th.S
59	COM	435	Quan hệ công chúng	2	4	Võ Thị Kim Ngân	Th.S
						Nguyễn Thị Thanh Thảo	TS
60	TOU	411	Quản trị sự kiện	2	7	Nguyễn Huy Tuấn	TS
						Mai Xuân Bình	Th.S
61	COM	413	Kỹ năng dẫn chương trình	2	7	Trương Thị Như Hằng	Th.S
						Nguyễn Ngọc Lệ Chi	Th.S
62	JOU	373	Ngôn ngữ báo chí	2	4	Nguyễn Thị Lê Dung	Th.S
						Nguyễn Tiến Vụ	TS
63	LIT	412	Văn học Việt nam từ 1945 đến nay	3	4	Hoàng Thị Hương	TS
						Nguyễn Thành Khánh	TS
64	COM	396	Tranh tài giải pháp PBL	1	6	Hồ Thị Ái Phương	Th.S
						Bùi Thị Kim Phượng	Th.S

65	COM	496	Tranh tài giải pháp PBL	1	6	Ngô Thị Thảo Quỳnh	Th.S
						Lê Thị Hải	Th.S
66	MTK	364	Quảng cáo và chiêu thị	2	5	Trần Thanh Hải	Th.S
						Nguyễn Thị Thanh Thảo	TS
67	COM	483	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2	7	Hoàng Trương Chi Giao	Th.S
						Nguyễn Tiến Vụ	TS
68	JOU	335	Báo in	2	5	Võ Thị Kim Ngân	Th.S
						Dương Xuân Sơn	PGS.TS
69	JOU	386	Báo Nói	2	6	Hồ Dũng	Th.S
						Nguyễn Tiến Vụ	TS
70	JOU	435	Báo Điện tử	2	6	Nguyễn Công Sáng	Th.S
						Nguyễn Thị Lê Dung	Th.S
71	JOU	439	Truyền hình	2	6	Trương Vũ Quỳnh	Th.S
						Nguyễn Tiến Vụ	TS
72	LAW	305	Luật báo chí	2	8	Đỗ Cảnh Thìn	TS
						Trần Quang Trung	Th.S
73	COM	423	Điều tra và Phóng sự	2	7	Nguyễn Đức Vinh	Th.S
						Nguyễn Công Sáng	Th.S
74	COM	385	Nhận dạng thương hiệu	2	5	Hoàng Trương Chi Giao	Th.S
						Nguyễn Quốc Khánh	Th.S
75	MKT	404	Hành vi tiêu dùng	2	6	Nguyễn Huy Tuân	TS
						Nguyễn Phúc Kim Chuyên	Th.S
76	IS	381	Thương mại điện tử	3	5	Vũ Tuấn Hà	TS
						Nguyễn Thị Tuyên Ngôn	Th.S
77	ID	413	Thiết kết poster 1	2	7	Lương Xuân Hiếu	Th.S
						Trần Thanh Bình	Th.S
78	DMS	464	Filmmaking, Video & Media Practices	2	7	Đặng Ngọc Cường	TS
						Đỗ Thành Bảo Ngọc	Th.S

10. MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC HỌC PHẦN

ST T	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)						
	Chữ	Số			1	2	3	4	5	6	
1	PHI	100	Phương pháp luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2	X						

2	COM	141	Nói & trình bày (tiếng Việt)	1	X						
3	COM	142	Viết (tiếng Việt)	1	X						
4	CS	201	Tin học ứng dụng	3	X						
5	MTH	100	Toán cao cấp C	3	X						
6	DTE	201	Đạo đức trong công việc	2	X						
7	LAW	201	Pháp luật đại cương	2	X						
8	MED	268	Y đức	2	X						
9	EVR	205	Sức khỏe môi trường	2	X						
10	HIS	221	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	X						
11	HIS	222	Lịch sử văn minh thế giới 2	2	X						
12	AHI	392	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	X						
13	AHI	391	Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam	2	X						
14	DTE-HSS	102	Hướng nghiệp 1	1							X
15	DTE-HSS	152	Hướng nghiệp 2	1							X
16	HIS	362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	X						X
17	PHI	150	Triết học Marx – Lenin	3	X						X
18	POS	151	Kinh tế chính trị Marx – Lenin	2	X						X
19	POS	361	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X						X
20	POS	351	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X						X
21	ENG	116	Reading – Level 1	1					X		
22	ENG	117	Writing – Level 1	1					X		
23	ENG	118	Listening – Level 1	1					X		
24	ENG	119	Speaking – Level 1	1					X		
25	ENG	166	Reading – Level 2	1					X		
26	ENG	167	Writing – Level 2	1					X		
27	ENG	168	Listening – Level 2	1					X		
28	ENG	169	Speaking – Level 2	1					X		
29	ENG	216	Reading – Level 3	1					X		
30	ENG	217	Writing – Level 3	1					X		
31	ENG	218	Listening – Level 3	1					X		
32	ENG	219	Speaking – Level 3	1					X		
33	ENG	266	Reading – Level 4	1					X		
34	ENG	267	Writing – Level 4	1					X		
35	ENG	268	Listening – Level 4	1					X		
36	ENG	269	Speaking – Level 4	1					X		
37	AES	251	Đại cương mỹ học	3	X						
38	PHI	306	Logic học	3	X						
39	PSY	151	Đại cương tâm lý học	3	X						
40	COM	201	Nhập môn truyền thông	3		X					
41	COM	250	Đại cương sản phẩm truyền thông	2		X					
42	JOU	251	Cơ sở lý luận báo chí	2		X					
43	JOU	360	Lịch sử báo chí (Thế giới &	2		X					

			Việt Nam)							
44	CUL	251	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	X					
45	SOC	151	Đại cương xã hội học	3	X					
46	LIN	150	Dẫn luận ngôn ngữ	2	X					
47	LIN	261	Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp	2	X					
48	COM	296	Tranh tài giải pháp PBL	1	X					
49	ART	221	Photography	2			X			
50	ART	343	Thiết kế ấn phẩm	2			X			
51	ID	301	Thiết kế logo	2			X			
52	ID	354	Thiết kế sách	2			X			
53	DMS	365	Video & Audio fundamentals	3			X			
54	MKT	251	Tiếp thị căn bản	3		X				
55	LIT	372	Văn học Phương Tây	2	X					
56	COM	335	Tổ chức sự kiện	2					X	
57	COM	348	Thực tập nhận thức	1		X			X	X
58	COM	384	Nghệ thuật đàm phán	2					X	
59	COM	435	Quan hệ công chúng	2		X			X	X
60	TOU	411	Quản trị sự kiện	2					X	
61	COM	413	Kỹ năng dẫn chương trình	2		X			X	X
62	JOU	373	Ngôn ngữ báo chí	2		X				
63	LIT	412	Văn học Việt nam từ 1945 đến nay	3	X					
64	COM	396	Tranh tài giải pháp PBL	1	X				X	
65	COM	496	Tranh tài giải pháp PBL	1	X				X	
66	MTK	364	Quảng cáo và chiêu thị	2					X	
67	COM	483	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2		X			X	X
68	JOU	335	Báo in	2		X			X	X
69	JOU	386	Báo Nói	2		X			X	X
70	JOU	435	Báo Điện tử	2		X			X	X
71	JOU	439	Truyền hình	2		X			X	X
72	LAW	305	Luật báo chí	2	X					
73	COM	423	Điều tra và Phóng sự	2		X	X		X	
74	COM	385	Nhận dạng thương hiệu	2		X			X	
75	MKT	404	Hành vi tiêu dùng	2		X			X	
76	IS	381	Thương mại điện tử	3		X			X	
77	ID	413	Thiết kế poster 1	2		X	X		X	
78	DMS	464	Filmmaking, Video & Media Practices	2			X		X	
79	COM	448	Thực tập tốt nghiệp	5						X
80	COM	449	Khóa luận tốt nghiệp	5						X
			TỔNG		3 1	1 9	8	1 5	2 0	1 7

11. Đề cương chi tiết các học phần – đính kèm theo sau chương trình

12. Các chương trình đào tạo được tham khảo

- Chương trình đào tạo này được thiết kế theo chương trình khung ngành Truyền thông đa phương tiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo QĐ số 29/2005/QĐ-

BGD&ĐT, ngày 16 tháng 09 năm 2005.

- Chương trình còn có sự tham khảo chương trình đào tạo của trường Đại học KHXH & Nhân văn HN, TP Hồ Chí Minh; Khoa Báo chí Truyền thông, Trường Đại học Khoa Học Huế.
- Chương trình Truyền thông đa phương tiện của Học Viện Bưu chính Viễn thông Hà Nội

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

13.1. Sử dụng cơ sở vật chất trong quá trình đào tạo

Để đảm bảo phục vụ tốt cho quá trình đào tạo thì có hệ thống các phòng Lý thuyết được trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học hiện đại.

TT	MÃ PHÒNG	TÊN PHÒNG	CHỨC NĂNG
1	703 - 803 (254 NVL), 612 (03 QT), 501 – 502 – 503 – 504 – 505 (120 Hoàng Minh Thảo) và nhiều phòng học khác tại Trường	Phòng lý thuyết	- Giảng dạy các môn lý thuyết và thực hành.
2	P.104-D	Phòng máy tính	- Giảng dạy thực hành môn: Tin học ứng dụng (CS-201)

Trong tình hình dịch bệnh hoặc các trường hợp khác sinh viên không thể đến trường thì sẽ được học trên ứng dụng Zoom bản quyền của Trường qua hệ thống Sakai.

13.2. Các hình thức lớp học:

TT	Mã hình thức lớp	Hình Thức Lớp (tiếng Anh)	Hình Thức Lớp (tiếng Việt)	Mô Tả	Số giờ
1	DIS	DIScussion	Thảo Luận	Hỏi đáp giữa sinh viên với giảng viên	15h
2	FLD	FieLDwork	Dã Ngoại	Học qua tham quan/đi dã ngoại ngoài lớp học	45h
3	INT	INTernship	Thực Tập	Làm việc ở các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thực tế	45h
4	LEC	LECture	Lý Thuyết	Nghe giảng lý thuyết	15h
5	PRJ	PRoJect	Đồ Án	Học qua việc làm đồ án hoặc dự án	45h
6	REC	RECitation	Ôn Tập	Ôn tập lại những kiến thức (thường là lý thuyết)	16h
7	WOR	WORkshop	Workshop	Thực hành qua việc trực tiếp làm một việc gì đó, với sự góp mặt của nhiều người khác	30h

Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 giờ giảng lý thuyết + 30 giờ tự học;
 = 30 giờ thí nghiệm, thực hành + 15 giờ tự học;
 = (45 ÷ 90) giờ thực tập tại cơ sở;
 = 45 giờ thực hiện đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Ở học kỳ cuối của khóa học, căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, Khoa KHXH&NV sẽ xem xét, quyết định cho sinh viên được nhận đề tài Khóa luận tốt

ngành. Chương trình này sẽ được cập nhật thường xuyên đáp ứng sự phát triển của ngành mà khoa đang đào tạo, và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi lần cập nhật, các học phần trong chương trình đào tạo phải được Hội đồng Trường Đại học Duy Tân thông qua và được lưu giữ hồ sơ tại Phòng Đào tạo của trường và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự kiến mức học phí: 25 triệu/sinh viên/năm.

HIỆU TRƯỞNG

11. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

11.1. PHI 100 – Phương pháp luận (gồm nghiên cứu khoa học)

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

PHI 100 – Phương pháp luận

Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Trần Nhật Tân TS Hà Như Hằng Cơ Quan: Phòng 223, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng Ngày, giờ: Tư, 13:00-15:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Tư, 07:00-10:00 Phòng: 603 Cơ sở: 03 Quang Trung, Đà Nẵng

Sách giáo khoa:

1. Vincent Ryan Ruggiero (2014). *Becoming a critical thinker - 8th edition*. Cengage Learning - Australia.

Mô tả môn học: Thu thập thông tin, suy nghĩ và ra quyết định là những hoạt động thường nhật của mỗi người. Tuy nhiên, ngoại trừ với những quyết định lớn, người ta thường xem thường các phương pháp liên quan để tiếp cận quyết định sau cùng. Đến lúc phải đối mặt với những vấn đề hay quyết định lớn, người ta thường tỏ ra thiếu chuẩn bị. Học phần này vì vậy tập trung giới thiệu và thảo luận một số phương pháp thông dụng trong thu thập thông tin chính xác, suy nghĩ phê phán và ra quyết định một cách có hiệu quả. Người học được khuyến khích tự do tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của bản thân vì đây thật sự là những chủ đề mang tính “mở”.

Tổ Bộ môn:		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3 giờ	Hạnh Phúc là gì? (gồm giới thiệu về tam giác Maslow) Tự do quyết định hay số phận quyết định?	[REF 1] pp. 05-128 [TEXT 1] pp. 06 - 111 [TEXT 2] pp. 08-142
CONT.2	3 giờ	Kỹ năng thư viện	

		Các thủ thuật tìm kiếm thông tin trên Internet (Google Hacks) Bài kiểm tra số 01	[TEXT 1] pp. 78 [TEXT 2] pp. 80
CONT.3	3 giờ	Tư duy tự phê phán bản thân, suy nghĩ một cách công bằng Trích dẫn thông tin hay tài liệu của người khác (APAbb & MLA) Bài kiểm tra số 02	[TEXT 1] pp. 67 [TEXT 2] pp. 90
CONT.4	3 giờ	4 cấp độ suy nghĩ: không xét lại, chấp nhận thách thức, bắt đầu thật sự suy nghĩ, suy nghĩ thực tiễn Các thành tố trong suy nghĩ	[TEXT 1] pp. 67 [TEXT 2] pp. 103
CONT.5	3 giờ	Nghệ thuật ra quyết định một cách thông minh	[TEXT 1] pp. 43 [TEXT 2] pp. 81
CONT.6	3 giờ	Tranh luận trong khoa học và đời sống Bài kiểm tra số 03	[TEXT 1] pp. 102 [TEXT 2] pp. 20
CONT.7	3 giờ	Tranh luận trong kinh doanh	[TEXT 1] pp. 53 [TEXT 2] pp. 102
CONT.8	3 giờ	Suy nghĩ một cách chiến lược 2	[TEXT 1] pp. 40 [TEXT 2] pp. 115
CONT.9	3 giờ	Giới thiệu về nghiên cứu khoa học Bài kiểm tra số 04	[TEXT 1] pp. 15 [TEXT 2] pp. 94

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

TT	Hình Thức	Tỷ lệ % của Tổng điểm	Bài kiểm tra
1	Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15,00%	
2	Bài tập tìm kiếm sách và thông tin ở thư viện	20,00%	CONT.2
3	Bài tập trích dẫn tài liệu theo APA và MLA	20,00%	CONT.3
4	Bài tập nhóm về tranh luận lịch sử	20,00%	CONT.6
5	Bài tập viết giới thiệu và tóm tắt nghiên cứu khoa học	20,00%	CONT.9
	Tổng	100,00%	

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

CLO.1. Xác định được phương pháp làm việc và học tập, giải quyết công việc trong các tình huống khác nhau;

CLO.2. Phân tích được các tình huống để đưa ra phương pháp phù hợp, khoa học trong cách giải quyết;

CLO.3. Sử dụng được các phương pháp khoa học để thực hiện tốt công việc

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 TO - CONT 9	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Thảo luận, thực hành - Làm bài kiểm tra	L	SO 1	
CLO.2	- CONT.1 TO - CONT 9	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Thảo luận, thực hành - Làm bài kiểm tra	M	SO 1	
CLO.3	- CONT. TO - CONT 9	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Thảo luận, thực hành - Làm bài kiểm tra	H	SO 1	

11.2. COM 141 – Nói & Trình bày (tiếng Việt)

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

COM 141 - NÓI & TRÌNH BÀY (TIẾNG VIỆT)

Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
CON: 1 tín chỉ	HOÀNG THỊ HƯỜNG NGUYỄN THÀNH KHÁNH Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: H - 7:00-9:00 Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 223) Cell: +84-935323657 Email: hoangthihuong@duytan.edu.vn	COM 141 AC - Ba 13:00-17:15 Phòng 406, 209 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo khoa:

1. Lucas, Stephen E. (2009). *Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh [bản tiếng Việt, do Trương Thị Huệ, Nguyễn Mạnh Quang dịch].

Sách Tham khảo:

1. Clough, Barry (2011). *Kỹ năng nói trước công chúng*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Mô tả Môn học: Kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng trình bày trước công chúng, là một yêu cầu quan trọng trong cuộc sống. Bài trình bày hiệu quả giúp kết nối các cá nhân

với nhau. Do vậy, việc sinh viên được học cách thể hiện ý tưởng của mình với các nhóm khán giả khác nhau thông qua việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể hiệu quả, nắm bắt phản ứng của khán giả, bảo vệ và tranh luận cho quan điểm của mình theo hướng tích cực là hết sức quan trọng. Sinh viên trong khóa học này sẽ được học các loại bài phát biểu khác nhau như bài phổ biến thông tin, bài phát biểu thuyết phục, bài phát biểu tranh luận.

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	4 giờ	Tổng quan Về kỹ Năng trình Bày trước Công chúng; Hướng dẫn chọn Đề tài bài nói	[TEXT 1] pp. 1-28 [TEXT 1] pp. 81-104
CONT.2	4 giờ	Tổ chức và thiết kế bài nói: Phần Mở đầu, phần Thân bài và phần Kết luận	[TEXT 1] pp. 195-258 [REF 1] pp. 178-217
CONT.3	4 giờ	Ngôn ngữ và Ngôn ngữ hình thể	[TEXT 1] pp. 259-308 [REF 1] pp. 218-238
CONT.4	7 giờ	Bài phổ Biến thông Tin	[TEXT 1] pp. 357-382
CONT.5	6 giờ	Bài nói Thuyết phục	[TEXT] pp. 383-450 [REF 1] pp. 239-254
CONT.6	5 giờ	Tranh luận Nhóm	[TEXT 1] pp. 467-488

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Kiểm tra Thường kỳ	25%
Đồ án Nhóm	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	30%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Nhận biết* tầm quan trọng của trình bày trước công chúng.

CLO.2 *Chuẩn bị* một bài phát biểu thích hợp, có kế hoạch và được tổ chức tốt.

CLO.3 *So sánh* các dữ kiện và số liệu từ các góc nhìn khác nhau.

CLO.4 *Sử dụng* ngôn ngữ nói và ngôn ngữ hình thể hiệu quả trước một nhóm đồng khán giả.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	L	SO3	
CLO.2	CONT.2 đến CONT.3	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	
CLO.3	CONT.4 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO3	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.3. COM 142 – Viết (tiếng Việt)

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 142 – Viết (tiếng Việt)
Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LAB: 1 tín chỉ	Th.S Bùi Thị Kim Phượng Th.S Nguyễn Thị Kim Bài Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, Giờ: Sáu, 7:00-10:00 Điện Thoại: +84-236-3827111 (số nội bộ: 213)	Ngày, giờ: Sáu, 13:00-16:00 Phòng: 414 Cơ sở: Phan Thanh, Đà Nẵng, Việt Nam

*** Sách giáo khoa:**

1. Tạ Quang Hùng, Võ Thị Phương Oanh (2013), *Bí quyết nâng cao kỹ năng viết*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, Việt Nam.

*** Sách tham khảo:**

1. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2005), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, Việt Nam.

*** Mô Tả Môn Học:**

Viết (tiếng Việt) là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, hỗ trợ trong học tập và công tác sau này. Sinh viên có khả năng thể hiện ý

tưởng của mình một cách rõ ràng và súc tích bằng các loại văn bản khác nhau. Trong khóa học này, sinh viên sẽ tìm hiểu về các dạng bài luận chính của đại học bao gồm bài luận nguyên nhân –kết quả, bài tranh luận/ thuyết phục, bài luận phân loại và bài luận so sánh-đối chiếu. Họ cũng sẽ có cơ hội tìm hiểu về các phong cách viết văn bản văn phòng và kinh doanh khác nhau như các bản ghi nhớ, email, thư, các kiến nghị chính thức, v.v.

Chương trình học: Bằng cấp của Cử nhân Công nghệ mạng

Điều kiện tiên quyết (Các) Điều kiện tiên quyết

Môn học thuộc chương trình giáo dục		
Các môn học tiên quyết	Các môn học song hành	Course Status for Program
không	Nói và trình bày TV	<input checked="" type="checkbox"/> Required (R) <input type="checkbox"/> Selected Elective (SE) <input type="checkbox"/> Elective (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Content No.	Amount of Time	Course Topic	Readings
CONT.1	6 giờ	Đoạn văn và văn bản	[TEXT 1] pp. 22-27 [REF 1] pp. 99-133 [REF 1] pp. 52-54 [TEXT 1] pp. 23-29 [REXT 1] pp. 41-52 [REF 1] pp. 118-123
CONT.2	8 giờ	-Bài luận nguyên nhân –kết quả, -Bài tranh luận/ thuyết phục, -Bài luận phân loại -Bài luận so sánh-đối chiếu.	[TEXT 1] pp. 30-36 [TEXT 1] pp. 83-91 [TEXT 1] pp. 54-62 [TEXT 1] pp. 30-36
CONT.3	6 giờ	Bài luận phân tích và phê bình văn học và phim ảnh	[TEXT 1] pp. 116-150 [TEXT 1] pp. 151-231
CONT.4	4 giờ	Kế hoạch & Chương trình làm việc	[TEXT 1] pp. 241-243
CONT.5	6 giờ	Viết văn bản nhật dụng (bản ghi nhớ, thư / email, lịch biểu)	[TEXT 1] pp. 232-240

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ & TRỌNG SỐ ĐIỂM

Hình thức Đánh giá	Điểm (%)
Chuyên cần (thông qua hỏi đáp tức thì)	15%
Kiên tra thường kỳ	30%
Đồ án nhóm	20%
Kết thúc môn	35%
Tổng	100%

MỤC TIÊU MÔN HỌC

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. Nhận biết, xác định được các loại văn bản cần viết trong những tình huống khác nhau;

CLO.2. Phân tích được đối tượng người đọc để viết được văn bản phù hợp với ngữ cảnh;

CLO.3. Chuẩn bị và sử dụng được các định dạng chung/ công thức để viết một văn bản phù hợp yêu cầu về tính chính xác, tính thống nhất, tính mạch lạc và rõ ràng.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)
MA TRẬN MỨC ĐỘ LIÊN HỆ GIỮA MỤC TIÊU MÔN HỌC – CHUẨN ĐẦU
RA**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn Đầu Ra	Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Bài đọc	- Hỏi đáp tức thì - Kiểm tra thường kỳ	L	SO 3	
CLO.2	CONT.2 to CONT.5	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Thực hành nhóm	- Hỏi đáp tức thì - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	M	SO 3	
CLO.3	CONT.2 to CONT.5	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Bài đọc -Thực hành nhóm	- Hỏi đáp tức thì - Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO 3	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.4. CS 201 – Tin học ứng dụng

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Công nghệ Thông tin
CS 201 – Tin học ứng dụng
Học kỳ I – Năm học: 1**

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin lớp học
LEC: 02 tín chỉ LAB: 01 tín chỉ	TS Lê Thanh Long Th.S Bùi Kim Tuấn Văn phòng: P. 201, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Giờ ở Văn phòng: Tư/Sáu, 13:00-16:00 Tel: (+84) 2363-827-111 (số nội bộ: 201)	Ngày, giờ: Hai (13:00-16:15), Năm (17:45-20:45) Phòng: 209 Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

1. Trần Công Nghiệp (2020), Tin học ứng dụng, NXB Khoa học kỹ thuật

Sách tham khảo:

1. Đào Viết Thuận (2018), Tin học ứng dụng, NXB Đại học kinh tế quốc dân..

Mô tả môn học: Môn học bao gồm 2 phần chính: MS Excel nâng cao và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access. Ở phần Exce nâng cao, môn học cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thống kê, tổng hợp và phân tích số liệu. Còn ở phần 2, môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, các thao tác và kỹ năng tổ chức, quản lý và khai thác dữ liệu trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access. Ngoài ra, môn học cũng giúp người học có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản trên hệ quản trị CSDL MS Access.

Tổ Bộ Môn: Hệ thống thông tin		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
CS101- Tin học đại cương		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung Đọc
CONT. 1	3g	Các hàm cơ sở dữ liệu trong Excel	[REF 1] tr. 12-19 [REF 1] tr. 1-6
CONT. 2	6g	Tổng hợp, thống kê và phân tích số liệu với Subtoatal, Consolidate và PivotTable.	[REF 1] tr. 20-29 [REF 2] tr. 7-14
CONT. 3	6g	Tìm kiếm mục tiêu với GoalSeek, Solver	[REF 1] tr. 30-38 [REF 2] tr. 15-17
CONT. 4	6g	Bảng dữ liệu (Table)	[TEXT 1] Chương 1 [REF 1] tr. 44-63 [REF 2] tr. 18-22
CONT. 5	6g	Truy vấn dữ liệu	Chương 2 [REF 1] tr. 64-95 REF 2] tr. 23-28
CONT. 6	6g	Biểu mẫu	Chương 3 [REF 1] tr. 96-108 [REF 2] tr.29-31
CONT. 7	6g	Báo biểu	Chương 4 [REF 1] tr. 109-116 [REF 2] tr. 32-36
CONT. 8	6g	Macro + Ôn tập	[REF 1] tr. 117-123 [REF 2] tr. 36-39

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu và thảo luận	5%
Bài tập về nhà	5%

Thực hành	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%
Đồ án cá nhân	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	45%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Nhận biết* các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu (database, field, record), về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access (Table, Query, Form, Report, Macro).

CLO.2. *Sử dụng* các chức năng trong Excel để tổng hợp, thống kê và phân tích số liệu.

CLO.3. *Sử dụng* hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access để tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác dữ liệu và xây dựng các ứng dụng quản lý đơn giản.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1, 4,5,6,7,8	Giảng bài trên lớp Thảo luận Bài đọc	Thảo luận Kiểm tra Giữa kỳ	M	SO9	
CLO.2	CONT.1, 2,3	Giảng bài trên lớp Thực hành Bài đọc	Thảo luận Thực hành Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO9	
CLO.3	CONT.4, 5,6	Giảng bài trên lớp Thực hành Bài đọc Thảo luận	Đồ án nhóm Thực hành Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO9	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L= Low hay Thấp, M- Medium hay Trung bình, và H= Cao

11.5. MTH 100 – Toán cao cấp C

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Toán

MTH 100 – Toán cao cấp C

Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	TS Nguyễn Phước Thế TS Nguyễn Đức Hiền	Ngày, giờ: Hai, 13:00-17:15

REC: 1 tín chỉ	Văn phòng: phòng 707, cơ sở 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Giờ ở văn phòng: Năm (07:00-11:00), Bảy (07:00-11:00) Điện thoại: (+84) 236-3827-111 (số nội bộ: 707)	Phòng: 305 Cơ sở: 03 Quang Trung
-------------------	--	---

Sách giáo khoa:

1. Barnett, Raymond A., Byleen, Karl E. & Ziegler, Michael R. (2017). *Giải tích cho Kinh tế, Quản trị, Khoa học Sự sống và Xã hội*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Hồng Đức [bản Tiếng Việt, do Đại học Duy Tân dịch]

Sách tham khảo:

1. Bradley, Gerald L. & Hoffmann, Laurence D. (2010). *Calculus for Business, Economics, and the Social and Life Sciences* (phiên bản 10.). New York, Hoa Kỳ: Nhà xuất bản McGraw-Hill.

Mô tả môn học: Môn học này trình bày những nội dung cơ bản về:

- Hàm số một biến (bao gồm định nghĩa, công thức, tính chất của một số hàm số cơ bản), các hàm cơ bản, phương pháp xây dựng mô hình toán; các khái niệm: giới hạn, đạo hàm, sự liên tục của hàm số một biến cùng các tính chất, quy tắc tính và các ứng dụng của đạo hàm trong bài toán thực tế.
- Tích phân của hàm một biến (bao gồm định nghĩa, tính chất, các phương pháp tính tích phân) và ứng dụng của tích phân trong bài toán thực tế.
- Phép tính vi tích phân của hàm nhiều biến và các ứng dụng trong bài toán thực tế.

Tổ Bộ Môn: Toán		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Bắt buộc

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	23 giờ	Vi phân của hàm một biến và ứng dụng	[TEXT 1]: tr. 3-315 [REF 1]: tr. 1-356
CONT.2	11 giờ	Tích phân của hàm một biến và ứng dụng	[TEXT 1]: tr. 319-421 [REF 1]: tr. 371-540
CONT.3	11 giờ	Phép tính hàm nhiều biến và ứng dụng	[TEXT 1]: tr. 424-469 [REF 1]: tr. 557-628

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Phát biểu & Thảo luận (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Kiểm tra giữa kỳ	15%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Ghi nhớ* được công thức và tính chất của một số hàm số cơ bản; định nghĩa về giới hạn, sự liên tục, đạo hàm, tích phân của hàm số.

CLO.2 *Giải quyết* được các bài toán về hàm số (1 biến và hai biến): vẽ đồ thị, xây dựng các mô hình hàm số cơ bản, tính giới hạn, tính đạo hàm, tính tích phân và tìm cực trị của hàm số.

CLO.3 *Áp dụng* được kiến thức về hàm số, đạo hàm, tích phân để giải các bài toán ứng dụng trong thực tế.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Lý thuyết (LEC) Bài tập (REC)	Kiểm tra thường kỳ	M	SO2	
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Lý thuyết (LEC) Bài tập (REC)	Kiểm tra thường kỳ Kiểm tra giữa kỳ	M	SO2	
CLO.3	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Lý thuyết (LEC) Bài tập (REC)	Kiểm tra thường kỳ Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ	M	SO2	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, H = High hay Cao.

11.6. DTE 201 – Đạo đức trong công việc

ĐẠI HỌC DUY TÂN Khoa Quản trị kinh doanh DTE 201 – ĐẠO ĐỨC TRONG CÔNG VIỆC Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Bùi Thị Kim Chuyên Th.S Phan Văn Sơn Cơ Quan: Phòng 201, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Tư, 09:00-11:00 Điện Thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Ba, 13:00-16:15 Phòng: 305 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

1. Laura P.Hartman – Joe DesJardins (2011). *Đạo đức kinh doanh*. TP Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Mô tả môn học: Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng cho mỗi cá nhân về đạo đức trong công việc, trách nhiệm xã hội của công ty và quyền lợi của người lao động. Mục đích của khóa học nhằm giúp người học hiểu các quan điểm về đạo đức, nhấn mạnh đến phương pháp ra quyết định đạo đức cho cá nhân trong công việc để hướng đến một môi trường sống và làm việc ngày càng tốt hơn.

Tổ bộ môn: Tài chính Ngân hàng		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	6 giờ	Tổng quan về đạo đức trong công việc	- [TEXT 1] tr. 1-37
CONT.2	4 giờ	Ra quyết định đạo đức cho cá nhân trong công việc	- [TEXT 1] tr. 38-71
CONT.3	6 giờ	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	- [TEXT 1] tr. 123-164
CONT.4	6 giờ	Ra quyết định đạo đức: trách nhiệm của chủ công ty và quyền lợi của người lao động	- [TEXT 1] tr. 212-290
CONT.5	4 giờ	Đạo đức và tiếp thị	- [TEXT 1] tr. 360-431
CONT.6	4 giờ	Kinh doanh, môi trường và tính bền vững	- [TEXT 1] tr. 432-490

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Đồ án nhóm	25%
Kiểm tra Giữa kỳ	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	30%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Nhận biết* được các quan điểm về đạo đức, đạo đức trong công việc.

CLO.2. *Phân tích* được khía cạnh đạo đức trong các hành động của cá nhân và người khác.

CLO.3. *Áp dụng* điều chỉnh cách sống, làm việc của cá nhân tốt hơn, đóng góp lợi ích cho cộng đồng.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Đồ án nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO10	
CLO.2	CONT.2 CONT.4 CONT.5 CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Đồ án nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO10	
CLO.3	CONT.1 Đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Đồ án nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO10	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao

11.7. LAW 201 – Pháp luật đại cương

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Luật

LAW 201 – Pháp luật đại cương

Học kỳ I – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Trần Quang Trung Th.S Lê Thanh Long Văn phòng: Phòng 503, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam. Ngày, giờ: Ba, 7:00-10:00 Điện thoại: (+84) 2363-650-403	Ngày, giờ: Hai, 13:00-17:15 Phòng: 305 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

1. Lê Thị Châu (2021). *Sách giáo khoa Pháp luật Đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Lao Động.

Sách tham khảo:

1. Nguyễn, Thủy T. T. (2015). *Sách giáo khoa Pháp luật Đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản giáo dục.

Mô tả môn học: Môn học này cung cấp cho sinh viên tất cả những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Tổ bộ môn: Lý Luận - Hiến Pháp – Hành Chính		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	4 giờ	Đại cương về nhà nước và pháp luật	[TEXT 1] tr. 5-43 [TEXT 1] tr. 44-99
CONT.2	3 giờ	Hệ thống pháp luật	[TEXT 1] tr. 100-133 [TEXT 1] tr. 51-54
CONT.3	3 giờ	Quan hệ pháp luật	[TEXT 1] tr. 55-61
CONT.4	3 giờ	Thực hiện pháp luật vi phạm pháp luật Trách nhiệm pháp lý	[TEXT 1] tr. 67-73 [TEXT 1] tr. 62-66
CONT.5	3 giờ	Luật Hiến pháp Việt Nam	[TEXT 1] tr. 212-251
CONT.6	4 giờ	Luật Dân sự Việt Nam	[TEXT 1] tr. 124-178
CONT.7	3 giờ	Luật Hình sự Việt Nam	[TEXT 1] tr. 252-291 [REP1] tr. 239-245
CONT.8	3 giờ	Luật Lao động Việt Nam	[TEXT 1] tr. 179-211
CONT.9	4 giờ	Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	[TEXT 1] tr. 292-314

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (Qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Mô tả* được hệ thống pháp luật của Việt Nam.

CLO.2 *Xác định* được cấu trúc của Quy phạm pháp luật, các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật.

CLO.3 *Sử dụng* được các quy định của pháp luật vào trong cuộc sống để bảo vệ lợi ích của bản thân, gia đình và xã hội.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra giữa kỳ.	L	SO2	
CLO.2	CONT.2 CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	M	SO2	
CLO.3	CONT.5 CONT.6 CONT.7 CONT.8 CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	M	SO2	

11.8. MED 268 – Y đức

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Y

MED 268 – Y ĐỨC

Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Võ Thị Hà Hoa Th.S Nguyễn Thị Tâm Cơ Quan: Phòng 214, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 07:00-11:00 Điện Thoại: (+84) 2363-827-111 (số nội bộ: 214)	Ngày, Giờ: Theo lịch của phòng đào tạo Phòng: Theo lịch của phòng đào tạo

Sách giáo khoa:

1. Phạm Thị Minh Đức, (2012). *Sách giáo khoa Tâm Lý và Đạo Đức Y Học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đoàn Xuân Dũng và cộng sự, (2015). *Y đức và luật định*. NXB Thông tin và truyền thông.

sách tham khảo:

1. Mitchell D.Feldman, John F.Christensen (2008). *Behavioral medicine: A guide for clinical practice, third edition*.
2. John Oates (2014), *Code of Human Research Ethics*. The British Psychological Society.
3. Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Khánh Linh (2019). *Y Đức*. Khoa Y - Đại học Duy Tân

Mô tả môn học:

Đạo đức y khoa là một môn học tập hợp các nguyên tắc đạo đức, niềm tin và giá trị hướng dẫn bác sĩ lâm sàng trong việc đưa ra lựa chọn về chăm sóc y tế. Cốt lõi của đạo đức y khoa là ý thức của bác sĩ lâm sàng về đúng sai và niềm tin của bác sĩ lâm sàng về quyền và nhiệm vụ của bác sĩ lâm sàng trong chăm sóc sức khỏe. Suy nghĩ cẩn thận về các khía cạnh đạo đức của các quyết định chăm sóc sức khỏe giúp bác sĩ lâm sàng đưa ra lựa chọn đúng đắn, tốt đẹp, và công bằng.

Tổ bộ môn: Y Tế Công Cộng – Khoa Y

Điều Kiện Tiên Quyết	Điều Kiện Đồng Hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự/Nội dung/ Đề mục	Thời Lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	16	Tâm lý học – Tâm lý y học	[TEXT 1] Tâm lý học [TEXT 1] Tâm lý y học [TEXT 1] Tâm lý bệnh nhân [TEXT 1] Giao tiếp với bệnh nhân [TEXT 1] Liệu pháp tâm lý trong thực hành lâm sàng.

			[TEXT 1] tr. 01-29 [REF 1] tr. 1-130
CONT. 2	10	Đạo đức y học	[TEXT 1,2] Đạo đức Y học, lịch sử đạo đức Y học và lời thề tốt nghiệp nghề Y [TEXT 1,2] Nguyên lý đạo đức y học [TEXT 1,2] Quan hệ thầy thuốc và bệnh nhân [TEXT 1,2] Quan hệ thầy thuốc và đồng nghiệp [TEXT 1,2] Quan hệ thầy thuốc và cộng đồng xã hội [TEXT 1] tr. 30-92 [TEXT 1,2] tr. 1-657 [REF 1] tr. 1-352 [REF 3] tr. 30-92
CONT.3	4	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh	[TEXT 1,2] Đạo đức trong nghiên cứu y sinh [TEXT 1] tr. 93-121 [TEXT 2] tr. 352-378 [REF 2] tr. 1-46

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần	15%
Kiểm tra giữa kỳ	30%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 Phân tích được những diễn biến và phương pháp quản lý tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh.

CLO.2 Áp dụng được những nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp và phương pháp tâm lý để tạo sự đồng thuận và hợp tác của người bệnh và người nhà đối với các quyết định chẩn đoán và điều trị.

CLO.3 Xử trí trong tình huống giao tiếp khó như người bệnh kích động, những đối tượng dễ tổn thương, bị bạo hành, chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp những thông tin về diễn biến xấu của bệnh, trung thực thừa nhận sự thiếu thông tin và sai sót nếu có.

CLO.4 Sử dụng được các nguyên lý đạo đức y học trong thực hành lâm sàng. Thể hiện được tâm huyết với quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân bằng thực hành tốt và duy trì chuẩn mực chuyên môn, đạo đức, văn hóa y khoa.

CLO.5 Áp dụng được các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 – CONT.2	- Giảng bài (LEC) - Thực hành (DIS) - Thảo luận - Bài đọc	- Quiz - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO10	
CLO.2	CONT.1 – CONT.2	- Giảng bài (LEC) - Thảo luận (DIS) - Thực hành đóng vai	- Quizzes - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO10	
CLO.3	CONT.1 – CONT.3	- Giảng bài (LEC) - Thực hành - Thảo luận(DIS) - Bài đọc	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO10	
CLO.4	CONT.1 – CONT.3	- Giảng bài (LEC) - Thực hành - Thảo luận(DIS) - Bài đọc	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO10	
CLO.5	CONT.4	- Giảng bài (LEC) - Thực hành - Thảo luận (DIS) - Bài đọc	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO10	

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: *L = Low (Thấp), M = Medium (Trung bình), H = High (Cao)*

11.9. EVR 205 - Sức khỏe môi trường

ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA Khoa học Xã hội & Nhân văn
EVR 205 – Sức khỏe môi trường
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Lê Thuỳ Trang Th.S Nguyễn Thị Hồng Tình Cơ quan: 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 08:00-11:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Tư, 13:00-1500 Phòng: 307 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Nguyễn Hữu Nghị- Sách giáo khoa Môi trường và sức khỏe con người- Đại học Huế - Năm 2006

Sách tham khảo:

1. 1-WHO - Programmes on Health and Environment - Health and Environment in Sustainable Development -1992.

Mô Tả Môn Học: Môn học giúp sinh viên từ nguyên lý tổng quát dựa trên những phương pháp nghiên cứu nhằm thu tập những thông tin cơ bản về sức khỏe, sự phân bố và yếu tố quyết định sự phân bố đó các chất ô nhiễm (các nguy cơ) vào trong môi trường đất, nước, không khí, môi trường lao động... và đánh giá sự ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng...

Tổ bộ môn: Khoa học môi trường		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2 giờ	Nhập môn môi trường và sức khỏe	[TEXT 1] tr. 1-26
CONT. 2	4 giờ	Cơ sở sinh thái và bệnh tật	[TEXT 1] tr. 37-57 [REF 1] tr. 17-29
CONT. 3	6 giờ	Quản lý nguy cơ môi trường và sức khỏe	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98
CONT. 4	6 giờ	Lượng giá nguy cơ từ các chất ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122
CONT. 5	6 giờ	Hệ thống quản lý môi trường và sức khỏe cộng	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187

		đồng	
CONT. 5	6 giờ	Đề xuất giải pháp	[TEXT 1] tr. 175-186 [REF 1] tr. 125-137

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần + thảo luận	20 %
Kiểm tra giữa học kỳ	30%
Thi cuối học kỳ	50 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* được các yếu tố nguy cơ từ môi trường và các bệnh có liên quan đến môi trường và để có thể đưa ra được các biện pháp kiểm soát các bệnh này.

CLO.2 *Phân tích* và đánh giá được những tác động từ các chất ô nhiễm áo ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, giúp nhà quản lý đưa ra được các quyết định, các giải pháp nhằm quản lý các nguy cơ đó.

CLO.3 Đề xuất các giải pháp quản lý hợp lý cho những vấn đề sức khỏe từ ô nhiễm môi trường tại Việt Nam, như quản lý các nguy cơ có liên quan tới các nguồn thải, kiểm soát véc tơ truyền bệnh .v.v...

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH(SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	ND.1	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	L	SO1	
CLO.2	ND.1 đến ND.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận(DIS)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO1	
CLO.3	ND.1 đến ND.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận(DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	

Ghi chú: Các cấp độ liên hệ: L = Dễ, M = Trung bình, và H = Khó

11.10. HIS 221 – Lịch sử văn minh thế giới 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
HIS 221 – Lịch sử văn minh thế giới 1
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Hồ Thị Ái Phương Th.S Trần Thị Diễm Trâm Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng Ngày, giờ: Ba, 09:00-11:00 Điện thoại: (+84) 2363-827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-9:00 Phòng: 407 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Tạ, Hùng Q., Trịnh, Toàn T., Nguyễn, Tuyết T. & Nhóm Trí Tuệ (2012), *Các nền văn minh thế giới, Cuốn 1*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn học.

Sách tham khảo:

1. Vũ, Ninh D. (chủ biên) (2007), *Lịch sử văn minh thế giới*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Giáo dục.
- 2.

Mô tả môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong thời kỳ Cổ đại. Nội dung của mỗi chương sẽ làm rõ những điều kiện hình thành nền văn minh, giới thiệu trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội, những thành tựu về văn hóa vật chất và tinh thần của một số nền văn minh cổ đại bao gồm Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã.

Tổ Bộ Môn: Quan Hệ Quốc Tế -VNH		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	2 giờ	Cuộc cách mạng thời đồ đá và ra đời các nền văn minh.	[TEXT 1] tr. 24-69 [REF 1] tr. 7-11
CONT.2	4 giờ	Văn minh Lưỡng Hà	[TEXT 1] tr. 70-86 [REF 1] tr. 30-48
CONT.3	4 giờ	Văn minh Ai Cập	[TEXT 1] tr. 86-105 [REF 1] tr. 13-30
CONT.4	4 giờ	Văn minh Ấn Độ	[TEXT 1] tr. 106-122 [TEXT 1] tr. 236-277 [REF 1] tr. 69-99

CONT.5	6 giờ	Văn minh Trung Quốc	[TEXT 1] tr. 122-142 [TEXT 1] tr. 157– 195 [TEXT 1] tr. 685-765 [REF 1] tr. 100-150
CONT.6	4 giờ	Văn minh Hy Lạp	[TEXT 1] tr. 196-235 [REF 1] tr. 184-189 [REF 1] tr. 194-248
CONT.7	4 giờ	Văn minh La Mã	[TEXT 1] tr. 278–311 [REF 1] tr. 189-248
CONT. 8	2 giờ	Ôn tập	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Xác định* thời gian, vị trí của các nền văn minh tiêu biểu thời Cổ đại.

CLO.2 *Phân tích* được những điều kiện hình thành của các nền văn minh tiêu biểu thời kỳ Cổ đại.

CLO.3 *Trình bày* được những thành tựu văn hóa vật chất và tinh thần của các nền văn minh tiêu biểu thời kỳ Cổ đại.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.2 đến CONT.7	Lý thuyết (LEC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	L	SO2	

CLO.2	CONT.1 đến CONT.7	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	
CLO.3	CONT.2 đến CONT.8	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO2	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.11. HIS 222 – Lịch sử văn minh thế giới 2

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
HIS 222 – Lịch sử văn minh thế giới 2
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Trần Thái Bảo Th.S Nguyễn Thị Phương Thảo Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Tư, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 236-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Hai, 09:15-11:15 Phòng: 307 Cơ sở: 209 Phan Thanh

Sách giáo khoa:

1. Tạ, Hùng Q., Trịnh, Toàn T., Nguyễn, Tuyết T. và Nhóm Trí Tuệ (2012), *Các nền văn minh thế giới, Cuốn 2 : từ năm 1750 đến nay*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn học.

Sách tham khảo:

1. Nguyễn, Thảo P., (2019), *Tập bài giảng Lịch sử văn minh thế giới 2 của giảng viên*, Đại học Duy Tân.

Mô tả môn học: Lịch sử văn minh thế giới 2 tóm tắt lại những sự kiện lịch sử và những phát triển khoa học kỹ thuật của văn minh nhân loại từ năm 1750 cho đến nay. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về phát triển xã hội cận hiện đại như sự chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, các cuộc phát kiến địa lý và những cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới. Những cuộc phát kiến địa lý và những con đường mới đến châu Á bằng đường thủy đã thúc đẩy văn minh châu Âu trên khắp thế giới nhưng chỉ là lớp “veneer” mỏng cho các nền văn minh địa phương lâu đời.

Tổ Bộ môn: Quan Hệ Quốc Tế - VNH		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	HIS 221 - Lịch sử văn minh thế giới 1	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT. 1	4 giờ	Nước Nga thời kỳ trung đại	[TEXT 1] tr. 30 – 54 [REF 1] tr. 2 - 11
CONT. 2	6 giờ	Châu Mỹ La Tinh dưới thời thực dân Phương Tây	[TEXT 1] tr. 58 – 107 [REF 1] tr. 11 - 33
CONT. 3	6 giờ	Xã hội Châu Phi dưới thời kỳ buôn bán nô lệ	[TEXT 1] tr. 113 -157 [REF 1] tr. 22 - 36
CONT. 4	8 giờ	Các đế quốc Hồi giáo trên thế giới Kiểm tra giữa kỳ	[TEXT 1] tr. 162– 206 [REF 1] tr. 37 - 44
CONT. 5	4 giờ	Các cuộc cách mạng công nghiệp ở phương Tây (1750 – 1914)	[TEXT 1] tr. 259 – 364 [REF 1] tr. 51 - 57
CONT. 6	2 giờ	Tác động của biến đổi toàn cầu đến các nước Châu Á Châu Mỹ La Tinh (1830 – 1930) Các nước công nghiệp hóa ở châu Á Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại Các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tiêu biểu ở châu Phi và châu Á Sự hồi sinh của các quốc gia ở Đông Á sau chiến tranh thế giới Cách mạng giải phóng dân tộc và giành độc lập ở Việt Nam Quá trình toàn cầu hóa trên thế giới Ôn tập	[TEXT 1] tr. 211 – 305 [REF 1] tr. 45 – 50 [TEXT 1] tr. 259 – 990 [REF 1] tr. 57 – 110

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (<i>qua Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Ghi nhớ* sự phát triển của các nền văn minh trên thế giới từ năm 1750 đến nay.

CLO.2. Phân tích những mối quan hệ của những nền văn minh trên thế giới.

CLO3. Vận dụng những sự kiện lịch sử trong quá khứ để giải quyết vấn đề lịch sử hiện nay

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	-CONT.1 -CONT.2 -CONT.3 -CONT.4 -CONT.5	-Lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc -Ôn tập (REC)	-Hỏi đáp Tức thì -Kiểm tra Giữa kỳ -Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO2	
CLO.2	-CONT.1 -CONT.2 -CONT.3 -CONT.4 -CONT.5	-Lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Ôn tập (REC) -Học nhóm (GRP)	-Hỏi đáp Tức thì -Kiểm tra Thường kỳ -Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	
CLO.3	-CONT.1 -CONT.2 -CONT.3 -CONT.4 -CONT.5	-Lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Ôn tập (REC)	-Hỏi đáp Tức thì -Kiểm tra Thường kỳ -Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO2	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, H = High hay Cao

11.12. AHI 392 – Lịch sử kiến trúc phương Tây
ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
AHI 392– lịch sử kiến trúc phương Tây
Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Huỳnh Thị Thu Mơ Th.S Nguyễn Thị Sương Cơ quan: 03 – Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 08:00-11:00 Điện thoại: (+84) 236-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Tư/Bảy, 13:00-15:00 Phòng: 307 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

1. Sách giáo khoa:

[1] PGS.TS Đặng Thái Hoàng, 2006, Sách giáo khoa lịch sử kiến trúc thế giới tập 1, NXB Xây Dựng

[2] PGS.TS Đặng Thái Hoàng, 2006, Sách giáo khoa lịch sử kiến trúc thế giới tập 2, NXB Xây Dựng

2. Sách tham khảo:

[1] PGS.TS Lê Thanh Sơn, 2002, Kiến trúc Phương Tây, NXB Trẻ

Mô Tả Môn Học:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nền kiến trúc phương Tây tiêu biểu từ thời kỳ Công xã nguyên thủy đến thời kỳ Hiện đại thế kỷ XX. Trong đó xuyên suốt sơ bộ về lịch sử các thời kỳ quan trọng: Thời kỳ cổ đại – Thời kỳ trung đại – Thời kỳ Phục Hưng – Thời kỳ cận hiện đại với các bối cảnh về điều kiện tự nhiên, bối cảnh xã hội văn hoá tôn giáo... ảnh hưởng đến sự hình thành nên các loại hình kiến trúc đặc trưng và đặc điểm của các loại hình kiến trúc đó. Qua đó sinh viên hiểu được quy luật phát triển kiến trúc và được trang bị một phần kỹ năng lý luận để vận dụng vào thực hành thiết kế kiến trúc.

Tổ bộ môn: Kiến trúc mỹ thuật		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện đồng Hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2 giờ	Kiến trúc thời nguyên thủy	[TEXT 1] tr. 1-26
CONT. 2	4 giờ	Kiến trúc Ai cập cổ đại	[TEXT 1] tr. 37-57 [REF 1] tr. 17-29
CONT. 3	6 giờ	Kiến trúc Lương hà – Ba tư	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98

CONT. 4	6 giờ	Kiến trúc Hi Lạp	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122
CONT. 5	6 giờ	Kiến trúc thời kỳ Phục Hưng	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187
CONT. 5	6 giờ	Kiến trúc hiện đại	[TEXT 1] tr. 175-186 [REF 1] tr. 125-137

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần + thảo luận	20 %
Kiểm tra giữa học kỳ	30%
Thi cuối học kỳ	50 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các nền kiến trúc phương Tây gồm: Bối cảnh tự nhiên – xã hội, phân kỳ lịch sử kiến trúc, loại hình và các đặc điểm kiến trúc...

CLO.2 Có khả năng tư vấn, lý luận kiến trúc, thuyết trình, tư duy phản biện logic khoa học bằng văn bản và giao tiếp đàm phán, khả năng làm việc hợp tác nhóm

CLO.3 Nhận biết và kiến giải được các loại hình và đặc điểm của các nền kiến trúc Phương Tây; Nâng cao khả năng suy luận logic và trình bày trước đám đông

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	L	SO3	
CLO.2	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H		
CLO.3	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	

Ghi chú: Các cấp độ liên hệ: L = Dễ, M = Trung bình, và H = Khó

AHI 391 – Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam**ĐẠI HỌC DUY TÂN****Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn****AHI 391– Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam****Học kỳ II – Năm học: 2**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Lê Phương Hiếu Th.S Hồ Thị Thanh Thu Cơ quan: Phòng 223 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 08:00-11:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Tư/Bảy, 13:00-15:00 Phòng: 307 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

[1] PGS.TS Đặng Thái Hoàng, 2012, Văn hoá và kiến trúc phương Đông, NXB Xây Dựng Hà Nội

[2] Hội kiến trúc sư Việt Nam, 2015, Lịch sử kiến trúc Việt Nam, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội

Sách tham khảo:

[1] Trần Hùng, 2010, Đặc sắc đô thị Phương Đông, NXB Xây dựng Hà Nội

Mô Tả Môn Học:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nền kiến trúc phương Đông và Việt Nam. Trong đó tập trung chủ yếu tìm hiểu về các nền văn hoá sớm nhất của Phương Đông là Ấn Độ - Trung Quốc – Indonesia – Campuchia – Nhật Bản và đặc biệt Việt Nam, những chặng đường lịch sử, với các bối cảnh về điều kiện tự nhiên, bối cảnh xã hội văn hoá tôn giáo... ảnh hưởng đến sự hình thành nên các loại hình kiến trúc đặc trưng và đặc điểm của các loại hình kiến trúc đó. Qua đó sinh viên hiểu được quy luật phát triển kiến trúc và được trang bị một phần kỹ năng lý luận để vận dụng vào thực hành thiết kế kiến trúc.

Tổ bộ môn: kiến trúc mỹ thuật		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện đồng Hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2 giờ	Giới thiệu môn học và Kiến trúc cổ Ấn Độ	[TEXT 1] tr. 1-26
CONT. 2	4 giờ	Kiến trúc cổ Trung Quốc	[TEXT 1] tr. 37-57 [REF 1] tr. 17-29
CONT. 3	6 giờ	Kiến trúc cổ Nhật Bản	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98
CONT. 4	6 giờ	Sơ lược quá trình phát triển của kiến trúc Việt	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122

		Nam	
ND. 5	6 giờ	Kiến trúc Phật giáo: Chùa - Tháp	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187
ND. 6	6 giờ	Kiến trúc Nho giáo: Văn miếu – Văn chỉ	[TEXT 1] tr. 175-186 [REF 1] tr. 125-137

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần + thảo luận	20 %
Kiểm tra giữa học kỳ	30%
Thi cuối học kỳ	50 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các nền kiến trúc phương Đông & Việt Nam gồm: Bối cảnh tự nhiên – xã hội, phân kỳ lịch sử kiến trúc, loại hình và các đặc điểm kiến trúc tiêu biểu

CLO.2 Có kỹ năng phân tích đánh giá lý luận kiến trúc trong bối cảnh phát triển xã hội với công tác sáng tác kiến trúc, bảo tồn tôn tạo di sản văn hóa kiến trúc

CLO.3 Nhận biết và kiến giải được các loại hình và đặc điểm của các nền kiến trúc Phương Đông & Việt Nam; Nâng cao khả năng suy luận logic và trình bày trước đám đông

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	ND.1	Lý thuyết (LEC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	L	SO4	
CLO.2	ND.1 đến ND.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO4	
CLO.3	ND.1 đến ND.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO4	

Ghi chú: Các cấp độ liên hệ: L = Dễ, M = Trung bình, và H = Khó

11.13. DTE-HSS 102 – Hướng nghiệp 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
DTE-HSS 102 – Hướng nghiệp 1
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Trương Thị Như Hằng Th.S Trần Hoàng Thùy Linh Văn phòng: Phòng 320, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, Giờ: 7:00-11:00, 13:00-17:00 Điện Thoại: (+84) 236-3827-111 (số nội bộ: 213)	Ngày, Giờ: Năm, 07:00-09:00 Phòng: 201 Cơ sở: 03 Quang Trung

Tài liệu học tập:

1. Sổ tay học tập
2. Qui chế 43: Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GDĐT
3. Qui định 421A: Về đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của ĐH Duy Tân
4. Qui định 172: Về nội dung cuộc vận động xây dựng văn hóa “Đại học Duy Tân” của ĐH Duy Tân
5. Qui định 1975: Về Qui định thực hiện nếp sống văn hóa học đường đại học Duy Tân của ĐH Duy Tân
6. Qui định Nội qui phòng học

. Mô Tả Môn Học:

Môn học Hướng nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường học tập tại Đại học Duy Tân. Qua đó, hướng dẫn cho sinh viên làm quen với phần mềm quản lý học tập, những qui chế liên quan đến quá trình học tập, thi cử, tốt nghiệp cũng như những qui định của Nhà trường trong suốt thời gian học đại học tại Trường Đại học Duy Tân. Ngoài ra, học phần này còn dạy cho sinh viên phương pháp học đại học; cung cấp những thông tin hướng nghiệp giúp sinh viên xây dựng mục tiêu, phương pháp và kế hoạch học tập hiệu quả trong 4 năm học đại học.

Tổ Bộ môn: Tổ Báo chí – Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có		Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	2	Bài 1: Giới thiệu về môi trường học Đại học tại Trường Đại học Duy Tân.	[REF 1] pp. 2 – 14 [REF 2] pp. 1 - 20

CONT.2	2	Bài 2: Giới thiệu về Khoa KHXH&NV và ngành đào tạo.	[REF 1] pp. 17 – 18 [REF 2] pp. 21 - 35
CONT.3	2	Bài 3: Những vấn đề của sinh viên năm I.	[REF 1] pp. 18 – 32 [REF 2] pp. 36 - 47
CONT.4	3	Bài 4: Phương pháp học Đại học.	
CONT.5	3	Bài 5: Giới thiệu hệ thống PORTAL hỗ trợ học tập MYDTU	[REF 1] pp. 35 – 50 [REF 2] pp. 48 - 53
CONT.6	3	Bài 6: Một số nội quy, quy định đào tạo tín chỉ	[REF 1] pp. 51 – 56 [REF 2] pp. 54 - 61

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Đồ án Cá nhân	15%
Thực hành thực tế	15 %
Kiểm tra Cuối kỳ	40%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Xác định* được hướng nghề nghiệp đào tạo của mình.

CLO.2 *Phân tích* được các phương pháp học tập ở bậc đại học.

CLO.3 *Vận dụng* được các công cụ quản lý học tập trên website <http://Mydtu>

CLO.4 *Nhận biết* được các nội quy, qui định và qui chế đào tạo

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) - Thực hành (PRA) -Thảo luận (DIS)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	H	SO7	
CLO.2	CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	M	SO7	
CLO.3	CONT.5	-Giảng lý thuyết (LEC) - Thực hành (PRA)	- Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO7	

		-Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)				
CLO.4	CONT 6	-Giảng lý thuyết (LEC) - Thực hành (PRA)	- Đồ án cá nhân	H	SO7	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.14. DTE-HSS 152 – Hướng nghiệp 2

ĐẠI HỌC DUY ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

DTE-HSS 152 – Hướng nghiệp 2

Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin về Giảng Viên	Thông Tin về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Ngô Thị Thảo Quỳnh Th.S Nguyễn Thị Tường Vi Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Sáu, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, Giờ: Năm, 07:00-09:00 Phòng: 201 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách Giáo khoa:

1. Vĩnh, Thắng, (2013), *Top 10 kỹ năng mềm cho bạn trẻ*. Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam: Nhà xuất bản Trẻ.

Sách Tham khảo:

1. Hường, Hoàng T., (2019). *Giáo trình nội bộ Hướng Nghiệp 2*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân.

Mô Tả Môn Học: Hướng nghiệp cho sinh viên là một quá trình liên tục và kéo dài cho đến những năm cuối cùng của bậc đại học. Đối với sinh viên khoa KHXH & NV nói chung, ngành Truyền thông đa phương tiện thì sau khi ra trường, ngoài tầm bằng cử nhân, sinh viên cần tích lũy nhiều để có cơ hội tìm kiếm được một công việc tốt trong tương lai. Khóa học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức : (1) Tổng quan về những vấn đề cốt lõi của ngành học (2) Tổng quan về kỹ năng mềm trong ngành nghề liên quan đến lĩnh vực xã hội nhân văn, (3) Các tiêu chuẩn đạo đức cơ bản cần có khi làm việc trong lĩnh vực xã hội nhân văn.

Tổ Bộ Môn: Tô Báo chí – Truyền thông

Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
DTE- HSS 102 Hướng nghiệp 1	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc

CONT. 1	2 giờ	Bài 1: Tổng quan về những vấn đề cốt lõi của ngành học	[REF 1] pp. 1-21
CONT. 2	16 giờ	Bài 2: Tổng quan về kỹ năng mềm trong ngành nghề liên quan đến lĩnh vực xã hội nhân văn	[TEXT 1] pp. 1-2 [TEXT 1] pp. 3-4 [TEXT 1] pp. 5-7 [TEXT 1] pp. 8-11 [TEXT 1] pp. 12-15 [TEXT 1] pp. 16-19 [TEXT 1] pp. 20-23 [REF 1] pp. 22-67
CONT. 3	2 giờ	Bài 3: Các tiêu chuẩn đạo đức cơ bản cần có khi làm việc trong lĩnh vực xã hội nhân văn	[REF1] pp. 88-93
CONT. 4	10 giờ	Thực hành, thực tế	TEXT 1] pp. 12-15 [TEXT 1] pp. 16-19 [TEXT 1] pp. 20-23 [REF1] pp. 88-93

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10 %
Phát biểu thảo luận (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10 %
Thực hành & thực tế	25 %
Đồ án cá nhân	15 %
Kiểm tra cuối kỳ	40 %
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Hiểu* được những vấn đề cốt lõi của ngành học.

CLO.2 *Vận dụng* được các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc

CLO.3 *Phân tích* được các tình huống xảy ra trong quá trình thực hiện công việc.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
----------------------	----------------------	---------------------	--------------------	-----------------	---------------------------	--------------------------

CLO.1	CONT. 1	Lý thuyết (LEC)	Chuyên cần (Hỏi đáp Tức thì)	M	SO7	
CLO.2	CONT. 2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Thảo luận (Hỏi đáp Tức thì) Thực hành thực tế Đồ án cá nhân Kiểm tra cuối kỳ	H	SO7	
CLO.3	CONT. 3 Đến CONT. 4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Thảo luận (Hỏi đáp Tức thì) Thực hành thực tế Đồ án cá nhân Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO7	

Ghi chú: L = Low (Thấp), M = Medium (Trung bình), and H = High (Cao).

11.15. HIS 362 – Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Nguyễn Mậu Minh Th.S Trịnh Đình Thanh Văn phòng: Phòng 405, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 14:00-16:00 Số điện thoại: (+84) 0236-3827-111 (số nội bộ: 405)	Ngày, giờ: Sau, 07:00-10:15 Phòng: 613 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách Giáo khoa:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia sự thật.

Sách Tham khảo:

1. Nguyễn Mậu Minh (2020), *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân

Mô tả Môn học: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành

công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VNXHCN.

Tổ Bộ Môn: LLCT		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
POS361 - Tư tưởng Hồ Chí Minh	PHI 150- Triết học Mác – Lênin PHI 151- Kinh tế chính trị học Mác- Lênin POS 351- Chủ nghĩa xã hội khoa học	Không

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	2	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	[TEXT 1] pp. 1-12 [REF 1] pp. 6-9
CONT.2	3	Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)	[TEXT 1] pp. 13-58 [REF 1] pp. 10-30
CONT.3	3	Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	[TEXT 1] pp. 59-113 [REF 1] pp. 31-58
CONT.4	5	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 1918)	[TEXT 1] pp. 114-203 [REF 1] pp. 59-120
CONT.5	2	Kết luận	[TEXT 1] pp. 204-216 [REF 1] pp. 121-133
CONT.6	5	Học ngoại khóa ở bảo tàng Quân khu 5	
CONT.7	10	Tiểu luận	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (hỏi đáp tức thì)	15%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Bài Tiểu luận	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 Trình bày được những nội dung cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ.

CLO.2 Nhận định được các vấn đề lý luận để bồi dưỡng thế giới quan phương pháp luận và phân tích được những thắng lợi cơ bản của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

CLO.3 Vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích được những vấn đề kinh tế - xã hội đất nước. Từ đó có thái độ tích cực, đúng đắn bảo vệ sự lãnh đạo và đường lối đổi mới của Đảng.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT. 1 đến CONT. 5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Hỏi đáp tức thì	H	SO1	
CLO.2	CONT. 2 đến CONT. 5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Hỏi đáp tức thì	H	SO1	
CLO.3	CONT. 5 đến CONT.7	Lý thuyết (LEC)	Kiểm tra thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Tiểu luận	M	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, and H = High hay Cao.

11.16. PHI 150 – Triết học Marx – Lenin

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

PHI 150 – Triết học Marx – Lenin

Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Trịnh Đình Thanh TS Nguyễn Văn Dương Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 0236-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-10:15 Phòng: 613 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Thành phố Hà Nội Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật

Sách tham Khảo:

2. Trịnh Đình Thanh (2019), *Bài giảng Triết học Mác - Lênin*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Mô Tả Môn Học: Môn Triết học Mác - Lênin là môn học nghiên cứu về quá trình hình thành, bổ sung, phát triển triết học Mác - Lênin gắn liền với lịch sử và vai trò của Các Mác, Ăngghen, Lênin: là những kiến thức triết học cơ bản về Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Là khoa học về sự vận động và phát triển của thế giới, về vai trò của con người trong việc cải tạo thế giới; về những vấn đề mang tính quy luật trong tư duy và xã hội. Môn học này góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, là cơ sở để luận giải thực tiễn và xu hướng xã hội.

Tổ Bộ Môn: LLCT		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện đồng Hành	Cơ sở đánh giá
Không	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự nội dung đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	3 giờ	Triết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội	[TEXT 1] pp. 1-52 [REF 1] pp. 1-10
CONT.2	4 giờ	Vật chất và ý thức	[TEXT 1] pp. 53-83 [REF 1] pp. 1-22
CONT.3	4 giờ	Phép Biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức	[TEXT 1] pp. 83-124 [REF 1] pp. 24-36
CONT.4	3 giờ	Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Giai cấp và dân tộc	[TEXT 1] pp. 126-174 [REF 1] pp. 36-55
CONT.5	3 giờ	Nhà nước và Cách Mạng	[TEXT 1] pp. 174-189 [REF 1] pp. 56-60
CONT.6	4 giờ	Ý thức xã hội; Triết học về con người	[TEXT 1] pp. 189-223 [REF 1] pp. 61-68
CONT.7	9 giờ	Học ngoại khóa tại các bảo tàng	
CONT.8	15 giờ	Tiểu luận	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần (<i>qua hỏi đáp tức thì</i>)	15%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Bài tập nhóm	20%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA CỦA MÔN HỌC(SOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 Ghi nhớ được các khái niệm triết học cơ bản trong chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

CLO.2 Trình bày được các nội dung cơ bản của môn học như biện chứng, quy luật, phạm trù, giá trị phương pháp luận, giá trị thực tiễn

CLO.3 Áp dụng được phương pháp luận biện chứng duy vật và thế giới quan duy vật biện chứng để nhận thức, lý giải thực tiễn một cách khách quan, khoa học và hướng tới hình thành thế giới quan khoa học, cách mạng, khẳng định và bảo vệ giá trị bền vững của triết học Mác trong bối cảnh hiện nay.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT. 6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Chuyên cần	H	SO1	
CLO.2	CONT. 4 đến CONT. 5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Chuyên cần	H	SO1	
CLO.3	CONT.5 đến CONT.8	Lý thuyết (LEC)/	Kiểm tra thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Tiểu luận	M	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.17. POS 151 – Kinh tế chính trị Marx – Lenin

ĐẠI HỌC DUY TÂN

POS 151 – Kinh tế chính trị Marx – Lenin

Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Nguyễn Thị Hải Lê Th.S Đoàn Thị Cẩm Vân Văn phòng: Phòng 221, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-11:00 Số điện thoại: (+88) 0236-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Ba, 07:00-10:15 Phòng: 613 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách Giáo khoa:

1. Bộ Giáo dục và Đào Tạo (2021). *Kinh tế chính trị Mác – Lênin*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam, NXB Chính Trị Quốc gia sự thật

Sách Tham khảo:

2. Nguyễn Thị Hải Lê (2019). *Kinh tế chính trị Mác – Lênin*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Đại Học Duy Tân

Mô Tả Môn Học: Môn học này cung cấp những tri thức cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới hiện nay. Như vấn đề hàng hóa thị trường vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Tổ Bộ Môn: LLCT		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC VÀ THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	1 giờ	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-lênin	[TEXT 1] pp. 7-20 [REF1] pp.1-6
CONT.2	2 giờ	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	[TEXT 1] pp. 21-52 [REF1] pp. 7- 19
CONT.3	3 giờ	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	[TEXT 1] pp. 53-79 [REF1] pp. 20-41
CONT.4	3 giờ	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	[TEXT 1] pp. 80-106 [REF1] pp. 42- 53
CONT.5	3 giờ	Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	[TEXT 1] pp. 107-140 [REF1] pp. 54- 64
CONT.6	3 giờ	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	[TEXT 1] pp. 141-186 [REF1] pp. 64- 69
CONT.7	6 giờ	Học ngoại khóa tại các bảo tàng	
CONT.8	9 giờ	Tiểu luận	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần (qua hỏi đáp tức thì)	15%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Tiểu luận	20%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Trình bày* được những nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của đất nước và thế giới

CLO.2 *Nhận định* được bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước

CLO.3 *Vận dụng* các kiến thức của môn học để phân tích các hiện tượng kinh tế, xã hội, thực tiễn của đất nước.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 Đến CONT. 8	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	- Kiểm tra thường kỳ - Kiểm tra cuối kỳ - Hỏi đáp tức thì	H	SO1	
CLO.2	CONT.2 Đến CONT. 5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	- Kiểm tra thường kỳ - Kiểm tra cuối kỳ - Hỏi đáp tức thì	H	SO1	
CLO.3	CONT.2 đến CONT. 7	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	- Bài tiểu luận - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, and H = High hay Cao.

11.18. POS 361 – Tư tưởng Hồ Chí Minh

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
POS 361 – Tư tưởng Hồ Chí Minh
Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Nguyễn Văn Dương Th.S Nguyễn Tấn Tài Cơ Quan: Phòng 405, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 14:00-16:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 405)	Ngày, Giờ: Năm, 07:00-10:15 Phòng: 613 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách Giáo khoa:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

Sách Tham khảo:

1. Nguyễn Văn Dương (2020). *Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân.

Mô tả Môn học: Môn tư tưởng Hồ Chí Minh ngoài chương mở đầu giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương: chương I trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về quá trình vận động, phát triển cách mạng Việt Nam.

Tổ Bộ Môn: LLCT		
Điều kiện Tiên quyết Không	Điều kiện Đồng hành Không	Cơ sở Đánh giá Không

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3	Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn tư tưởng Hồ Chí Minh	[TEXT 1] pp. 9-24 [REF 1] pp. 2-5
CONT.2	3	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	[TEXT 1] pp. 25-56 [REF 1] pp. 6-11
CONT.3	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	[TEXT 1] pp. 57 - 95 [REF 1] pp. 12-18
CONT.4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	[TEXT 1] pp. 96-127 [REF 1] pp. 19-24
CONT.5	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam	[TEXT 1] pp. 128-162 [REF 1] pp. 25-29
CONT.6	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	[TEXT 1] pp. 163-203 [REF 1] pp. 30-32
CONT.7	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	[TEXT 1] pp. 204-228 [REF 1] pp. 33-34
CONT.8	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	[TEXT 1] pp. 229-284 [REF 1] pp. 35-39

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần	15%
Kiểm tra thường kỳ	10%

Bài Tiểu luận	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, cơ sở, quá trình hình thành, bổ sung phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống những quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh

CLO.2 Phân tích được các nội dung cơ bản của việc sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam

CLO.3 Đánh giá được khả năng vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta; xác định đầy đủ hơn trách nhiệm xã hội của bản thân trong việc tu dưỡng, rèn luyện, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) •	Kiểm tra Thường kỳ • Kiểm tra Cuối kỳ Hỏi đáp tức thì •	M	SO1	
CLO.2	CONT. 3 CONT. 4 CONT. 5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) •	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Hỏi đáp tức thì •	H	SO1	
CLO.3	CONT.6 CONT.7 CONT.8	• Lý thuyết (LEC) • Thảo luận (DIS) •	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ Hỏi đáp tức thì • Bài tập nhóm •	H	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, and H = High hay Cao.

11.19. POS 351 – Chủ nghĩa xã hội khoa học

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Lý luận chính trị
POS 351 – CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
 Học kỳ: I - Năm học: 2021 - 2022

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	ĐOÀN THỊ CẨM VÂN Văn phòng: Phòng 405, 209 Phan Thanh, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: T - 7:00-9:00 Tel.: +84-236-3650403 (Số nội bộ: 405) Cell: +84-905774382 Email: doantcamvan@dtu.edu.vn	POS 351

Sách Giáo khoa:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Giáo Trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Sách Tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo Trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Mô tả Môn học: Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác – Lênin. Dựa vào cơ sở lý luận của triết học và kinh tế chính trị học Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa cùng những vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội khoa học, “giai cấp công nhân”, “sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân”, “dân chủ xã hội chủ nghĩa”, “đảng cộng sản” là những phạm trù cơ bản nhất.

Tổ Bộ Môn: Mác – Lênin		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	2 giờ	Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	[TEXT 1] pp. 7-26
CONT.2	2 giờ	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	[TEXT 1] pp27-47 [REF 1] pp. 31-42
CONT.3	2 giờ	CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH	[TEXT 1] pp. 48-67 [REF 1] pp. 78-91
CONT.4	2 giờ	Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN	[TEXT 1] pp. 68-88
CONT.5	2 giờ	Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên	[TEXT 1] pp. 89-104

		minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	[REF 1] pp. 107-120
CONT.6	3 giờ	Vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	[TEXT] pp. 105-127
CONT.7	2 giờ	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH	[TEXT 1] pp. 128-144 [REF 1] pp. 60-73
CONT. 8	9 giờ	Tiểu luận nhóm (Không tại lớp)	[TEXT] pp. 105-127
CONT. 9	6 giờ	Ngoại khóa (Không tại lớp)	[TEXT] pp. 105-127

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Tiểu luận Nhóm	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Ghi nhớ* các khái niệm, nội dung cốt lõi của môn học

CLO.2 *Áp dụng* các thông tin của môn học và thông tin thực tiễn ngoại khóa để chuẩn bị tốt bài tập cá nhân và bài tập nhóm tiểu luận.

CLO.3 *Sắp xếp lại* các nội dung cốt lõi của môn học để *phát biểu các đánh giá cá nhân* về các thông tin thực tiễn có liên quan khách quan, đa chiều, thể hiện bản lĩnh và lập trường chính trị vững vàng.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 Đến CONT.4	Lý thuyết (LEC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.2	CONT.3 CONT.6 CONT.8 CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Tiểu luận Kiểm tra thường kỳ	M	SO1	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.7	Lý thuyết (LEC) Thảo luận	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	H	SO1	

		(DIS) Học nhóm (GRP)	Tiểu luận Kiểm tra Cuối kỳ			
--	--	-------------------------------	-------------------------------	--	--	--

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High

11.20. ENG 116 – Reading – Level

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 116 – Reading – Level 1
Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	TS Trần Thị Minh Giang Th.S Nguyễn Thị Bích Giang Cơ Quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Bảy, 14:00-16:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, Giờ: Hai, 09:15-11:15 Phòng: 402, 21 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University, *READING LEVEL 1*, Danang.
2. DFL Duy Tan University, *READING LEVEL 2*, Danang.

Sách tham khảo:

1. Park Hye Yeong, Jeong Ji Won (2012), *ABC ToEIC RC*, NXB Tổng hợp TP HCM.
2. David Cho (2012), *Hackers TOEIC Start Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM.
3. Nexus Ltd (2012), *ToEIC Smart Red Book Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM.
4. Anne Taylor, Casey Malarcher (2007), *Starter ToEIC Third edition*, NXB Trẻ.

Mô tả môn học: Môn học này gồm 30 bài học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số điểm ngữ pháp cơ bản cũng như vốn từ vựng cần thiết và một số dạng bài đọc nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu trong bài thi TOEIC.

Tổ bộ môn: anh văn cơ bản		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Không		

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	2 giờ	Grammar: - Tenses	- [TEXT 1] Tr. 4-14 - [REF 1] Tr. 10-30 - [REF 4] Tr. 20-46	
CONT. 2	2 giờ	Vocabulary	- [TEXT 1] Tr. 18-32 - [REF 1] Tr. 31-45 - [REF 2] Tr. 40-54	
CONT. 3	2 giờ	Reading comprehension	- [TEXT 1] Tr. 37-62 - [REF 1] Tr. 50-70 - [REF 3] Tr. 61-83	

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 4	3 giờ	Grammar: - Subject – Verb Agreement	- [TEXT 2] Tr. 4-13 - [REF 1] Tr. 31-45 - [REF 2] Tr. 47- 53	
CONT. 5	3 giờ	- Vocabulary - Adjectives - Adverbs	- [TEXT 2] Tr. 14-32 - [REF 2] Tr. 54- 65 - [REF 3] Tr. 40-55	
CONT. 6	3 giờ	Reading - Letters and E- mails - Advertisements - Notices / Announcements - Articles / Reviews - Memorandums	- [TEXT 2] Tr. 33- 66 - [REF 2] Tr. 71-81 - [REF 3] Tr. 84- 95	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

CLO.1. Nhận biết các điểm văn phạm đã nêu, từ vựng hay gặp trong bài thi toeic, các dạng bài đọc và các dạng câu hỏi có liên quan.

CLO.2. Phân biệt và giải thích được các điểm văn phạm, từ vựng đã học và các dạng câu hỏi trong bài đọc hiểu.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào bài thi đọc hiểu Toeic thực tế ở mức độ (200-250)

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp	- Quizzes - Mini test - Bài tập về	L	SO 4	

		- Thảo luận	nhà			
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 -	- Giảng bài Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO 4	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Bài đọc - Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	- Bài tập nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 4	

11.21. ENG 117 – Writing – Level 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 117 – Writing – Level 2
Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Quỳnh Chi Th.S Dương Hữu Phước Cơ Quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Tư, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Năm, 07:00- 10:15 Phòng: 703, 184 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University (2015), *English Writing Level 3*, Danang.
2. DFL Duy Tan University (2016), *English Writing Level 4*, Danang.

Sách tham khảo:

1. Alice Oshima and Ann Hogue (2013), *Writing Academic English- Fourth Edition*, Pearson Education.
2. John Boswell, [Lee Hyejeong](#), [Kim Hyeonju](#), [David S. McCormick](#) (2009), *Tomato Toeic Writing Flow*, NXB Tổng hợp TP HCM.
3. San Francisco Education Consulting (2012), *New TOEIC- Writing Coach*, NXB Tổng hợp TP HCM.

Mô tả môn học: Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nội dung sau:

1. Ngữ pháp về mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ, thể câu bị động.
2. Ôn tập về câu đơn, câu ghép và câu phức.
3. Các kiến thức căn bản về hình thức, cấu trúc, ngôn ngữ thông dụng trong thư hướng dẫn và chỉ dẫn, yêu cầu và phản hồi câu yêu cầu.
4. Ngôn ngữ thông dụng trong thư phản nản và phản hồi thư phản nản.
5. Hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.
6. Cung cấp cho sinh viên các vốn từ và kiến thức để có thể viết hoàn thiện một đoạn văn của một bài tiểu luận và kỹ năng để viết mỗi phần của một bài luận hoàn chỉnh.
- 7.

Tổ bộ môn		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện đồng Hành	Cơ sở Đánh giá
Không		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	6	Writing A Sentence Based On A Picture - Adjective Clauses (who, which, that, whom, whose, quantity & quality phrases) - Noun Clauses - Passive voice	- [TEXT 1] pg. 3-34 - [REF 1] pg. 172-174, 194-208, 230-249,	
CONT. 2	5	Responding To A Written Request - Giving “how to” instructions - Writing directions - Inquiries and Responding to inquiries	- [TEXT 1] p. 36- 55 - [REF 2] p. 72 -87, 104-119 - [REF 3] p. 85 -93,	
CONT. 3	4	Writing An Opinion Essay - Writing general introductory sentences - Writing a complete introductory paragraph 58 - Giving reasons and examples - Developing key ideas by giving reasons and examples	- [TEXT 1] p. 57-66 - [REF 1] p. 59-69 - [REF 2] p. 170 -171 - [REF 3] p. 112 -115,	
CONT. 4	4	Writing A Sentence Based On A Picture - Revision: simple compound, complex sentences	- [TEXT 1] p. 1-32 - [REF 2] p. 14-50 - [REF 3] p. 14-67	
CONT. 5	5	Responding To A Written Request - An overview of an email complaining letter - Useful languages for emails of complaining and explaining - Writing response for complaining email letter	- [TEXT 1] P. 33-58 - [REF 2] p. 120-135 - [REF 3] P. 85-89	
CONT. 6	6	Writing An Opinion Essay -Writing a concluding paragraph - Writing a simple essay	- [TEXT 1] P.59-74 - [REF 1] p. 72-77 - [REF 3] P.106-116	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5 %
Phát biểu & Thảo luận	10 %
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Xác định* các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Xác định các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.2. *Phân biệt* các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Phân biệt các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.3. *Viết* câu sử dụng các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Viết câu sử dụng các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.4 *Vận dụng* các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi viết TOEIC thực tế đạt mức 200 điểm.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà	M	SO 4	

		- Bài đọc	- Kiểm tra thường kì			
CLO.2	- CONT.2	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kì	M	SO 4	
CLO.3	- CONT.3	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kì	M	SO 4	
CL0.4	- CONT.4	- Thực hành - Đánh giá	- Kiểm tra thường kì - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO 4	

11.22. ENG 118 – Listening – Level 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Ngoại ngữ

ENG 118 – Listening – Level 1

Học kỳ I – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Bích Giang Th.S Phan Thị Thủy Tiên Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 14:00-17:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 214)	Ngày, giờ: Hai, 13:00-15:00 Phòng: 503 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

1. Listening- Level 1,2 (Sách giáo khoa nội bộ)

sách tham khảo:

1. Terry Hong (2005), *Longman New ToEIC- Listening Comprehension*, HCM City Publisher.

1. Grant Trew (2010), *Tactics for ToEIC- Listening*, Oxford University Press.

Mô tả môn học: Đây là học phần được thiết kế theo cách tiếp cận nâng cao dần từ những bước cơ bản, giúp sinh viên có thể dễ dàng nắm bắt được các kỹ năng nghe cần thiết, bước đầu tiệm cận với bộ môn listening dành cho chương trình anh văn không chuyên, làm quen với một số dạng đề căn bản và các cấu trúc hay gặp nhất. Chương trình nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về nghe mô tả tranh và luyện nghe phần nghe mô tả tranh về người. Ngoài ra, sinh viên làm quen và luyện nghe các câu hỏi đáp có các câu hỏi với Who, Where, When, Why; các bài hội thoại ngắn và các bài nói ngắn.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Không có		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	3 giờ	Photographs: -Photographs of People -Photographs of Objects / Animals	- [TEXT 1] Tr. 1 - 28 - [REF 1] - [TEXT 2] Tr. 6 - 17 - [REF 2]	
CONT. 2	3 giờ	Questions - Responses: - WH - questions, Yes - No questions - Questions with Who, Where, When, Why	- [TEXT 1] Tr.29 - 38 - [REF 1] - [TEXT 2] Tr. 31 - 85 - [REF 2]	
CONT. 3	4 giờ	Short Conversations: Short Conversations - Questions with Where and What	- [TEXT 1] Tr. 39 - 50 - [REF 1] - [TEXT 2] Tr. 91 - 97 - [REF 2]	
CONT. 4	4 giờ	Short Talks	- [TEXT 2] Tr. 107 - 113 - [REF 2]	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	05%
Thái độ, thảo luận	10%
Bài kiểm tra thường kỳ	20%
Bài tập về nhà	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Nhận biết được thông tin về mô tả tranh, các câu hỏi-đáp, các bài hội thoại ngắn và các bài nói ngắn để điền từ đúng và chọn câu trả lời đúng với xác suất cao.

CLO.2. Vận dụng kiến thức đã học, các kỹ thuật làm bài, các chiến lược hiệu quả để kiểm tra đạt kết quả cao.

CLO.3. Sử dụng kiến thức tại trường để áp dụng vào thực tế công việc sau này.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Làm việc theo cặp, nhóm	- Bài tập - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Bài tập - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	
CLO.3	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Đồ án nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.23. ENG 119 – Speaking – Level 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 119 – Speaking – Level 1
Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Đỗ Thị Kim Cúc Th.S Lê Hoàng Hoài Khanh Cơ Quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 7:00-9:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Năm, 07:00-10:15 Phòng: 703 Cơ sở: 184 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University (2014), *Speaking level 1, 2*, Danang.

Sách tham khảo:

- San Francisco Education Consulting (2012), *New TOEIC- Speaking Coach*, NXB Tổng hợp TP HCM.
- Grant Trew (2011), *Tactics for TOEIC- SPEAKING*, Oxford University Press.
- Sarah Cunningham, Peter Moor (2005), *New Cutting Edge*, Longman elt.
- Collins (2013), *Skills for the ToEIC Test- Speaking and Writing*, NXB Tổng hợp TP HCM.

Mô tả môn học: Môn học này gồm 30 bài học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nhập môn về rèn luyện thực hành kỹ năng nói tiếng Anh theo format của TOEIC, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản từ rèn luyện ngữ âm, phát âm nguyên âm, phụ âm, nguyên âm đôi, trọng âm và ngữ điệu tiếng Anh. Luyện tập kỹ năng miêu tả tranh, trả lời câu hỏi tình huống, trả lời câu hỏi dựa trên thông tin cho sẵn cũng như biết trình bày quan điểm ý kiến của mình về các vấn đề được đưa ra.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Không có		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	4	Read aloud - Introduction to Toeic Speaking Test, Part 1, and English - Some common Troublesome Sounds, Word Stress and Intonation. - Tips for improving reading a SGK aloud and practice.	- [SPL1] Tr. 1-5 - [SPL1] Tr. 6-11 - [SPL2] Tr. 3-7	
CONT. 2	4	Describe a picture - Introduction To Part 2 and Picture Types - How to describe pictures about action and situation - Common expressions used to introduce picture description & Practice. - Some tips to improve picturedescription - Vocabulary and common expressions in picture description.	- [SPL1] Tr. 20-25 - [SPL1] Tr. 26- 30 - [SPL 1] Tr. 31-39 - [SPL 2] Tr. 8-12 - [SPL 2] Tr. 13-18	
CONT. 3	4	Respond to questions - Introduction to Part 3 and Question Types - Typical Topics for Part 3 - Practice Responding To Questions - Some suggested guides to respond to questions with “	- [SPL 1] Tr.41-45 - [SPL 1] Tr. 46- 48 - [SPL 1] Tr.49- 51 - [SPL 2] Tr. 22- 25 - [SPL2] Tr.26- 29	

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
		Who, What. Which” - Some suggested guides to respond to questions with “Where, When, Why & How” - Structuring your responses		
CONT. 4	3	Respond to questions using information provided - Introduction to Part 4 and some common SGK Types. - Tips and Tasks for Answering Effectively. - Common words & Expressions in some SGK types. - Structuring your responses – Tip 1 - Structuring your responses – Tip 2	- [SPL 2] Tr. 30-35 - [SPL 1] Tr. 52- 57 - [SPL1] Tr. 58- 63 - [SPL 2] Tr.40- 46	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu & Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Nhận biết được các âm, trọng âm của từ, ngữ điệu của câu, các loại tranh, các loại câu hỏi, các tình huống nêu ra.

CLO.2. Sử dụng được các quy tắc phát âm để đọc bài SGK, sử dụng được các cấu trúc cơ bản để miêu tả tranh, trả lời câu hỏi và trình bày quan điểm.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi nói ToEIC thực tế ở mức độ 250-300

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1	- Giảng dạy	- Quizzes	L	SO 9	

	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận	- Mini test - Bài tập về nhà			
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	- Bài tập nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.24. ENG 166 – Reading – Level 2

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 166 – Reading – Level 2
Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Phan Thị Như Gấm Th.S Huỳnh Vũ Chí Tâm Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Sáu, 07:00-9:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Năm, 07:00-9:00 Phòng: 404 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University (2014), *Reading – Level 3*, Danang.
2. DFL Duy Tan University (2015), *Reading level 4*, Danang.

Sách tham khảo:

1. Park HyeYeong, JeongJi Won (2012), *ABC ToEIC RC*, NXB Tổng hợp TP HCM.
2. David Cho (2012), *Hackers TOEIC Start Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM.
3. David Cho (2012), *Hackers TOEIC Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM.
4. Paul Edmunds, Anne Taylor (2007), *Developing Skills for the TOEIC Test*, First News.

Mô tả môn học:

Môn học này gồm 30 bài học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp và đọc hiểu trong đó có các điểm ngữ pháp liên quan đến động từ nguyên mẫu có To & Danh động từ, liên từ, giới từ, mệnh đề quan hệ cũng như các kiến thức cơ bản về từ vựng tập trung vào các hình thức so sánh, một số dạng bài đọc đơn thuộc các thể loại Thông tin, Thư mời, Hoá đơn, Lịch trình, Bảng điều tra và các dạng bài đọc kép trong đó gồm email, thư, quảng cáo, thông báo, bài báo, và các mẫu đơn từ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và các chiến lược cơ bản để làm bài đọc TOEIC. Hệ thống bài tập áp dụng theo dạng trắc nghiệm sát với định hướng bài thi ToEIC phù hợp với từng dạng bài cụ thể giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt và ôn tập.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá

Reading level 1 (IS)	<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)
----------------------	---

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	2	Grammar - To-infinitives - Gerund	- [TEXT 1] Tr. 6-32 - [REF 1] Tr. 97- 117	
CONT. 2	2	Vocabulary - Comparison	- [TEXT 1] Tr. 34- 54 - [REF 1] Tr. 59 - 66	
CONT. 3	2	Reading	- [TEXT 1] Tr. 65- 85 - [REF 2] Tr.222-227 - [REF 1] Tr.212-213	
CONT. 4	2	Conjunctions and Prepositions	- [TEXT 1] Tr. 4-58 - [REF 3] Tr. 188 – 193 - [REF K 3] Tr. 174 – 187 - [REF 4] Tr. 130 – 132 - [REF 3] Tr. 133 - 156	
CONT. 5	3	Noun Clauses And Relative Clauses	- [TEXT 1] Tr. 58-95 - [REF 3] Tr. 194 – 211 - [REF 4] Tr. 118 – 120 - [REF 1] Tr. 157 - 168	
CONT. 6	3	Double Passages	- [TEXT 1] Tr. 96 - 145 - [REF 3] Tr. 428- 452 - [REF 4] Tr. 214-215	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Nhận biết các điểm văn phạm về liên từ, giới từ, mệnh đề danh từ, mệnh đề quan hệ, các từ vựng về các kết hợp từ, các dạng bài đọc kép và các dạng câu hỏi có liên quan.

CLO.2. Phân biệt và giải thích được các điểm văn phạm, từ vựng đã nêu và các dạng câu hỏi trong bài đọc hiểu.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi đọc hiểu Toeic thực tế ở mức độ (400-450)

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận	- Quizzes - Mini test - Bài tập về nhà	L	SO 9	
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 -	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Bài đọc - Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	- Bài tập nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.25. ENG 167 – Writing – Level 2

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 167 – Writing – Level 2
Học kỳ II – Năm học: 2**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Mai Lan Chi Th.S Trương Thị Huệ Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-10:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, Giờ: Năm, 07:00-9:00 Phòng: 404 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University (2015), *English Writing Level 3*, Danang.
2. DFL Duy Tan University (2016), *English Writing Level 4*, Danang.

Sách tham khảo:

1. Alice Oshima, Ann Hogue (2013), *Writing Academic English– Fourth Edition*, Pearson Longman.
2. John Boswell, Lee Hyejeong, Kim Hyeonju, David S. McCormick (2009), *Tomato*

Toeic Writing Flow, NXB Tổng hợp TP HCM.

3. San Francisco Education Consulting (2012), *New TOEIC – Writing Coach*, NXB Tổng hợp TP HCM.

Mô tả môn học: Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nội dung sau:

1. Ngữ pháp về mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ, thể câu bị động.
2. Ôn tập về câu đơn, câu ghép và câu phức.
3. Các kiến thức căn bản về hình thức, cấu trúc, ngôn ngữ thông dụng trong thư hướng dẫn và chỉ dẫn, yêu cầu và phản hồi câu yêu cầu
4. Ngôn ngữ thông dụng trong thư phàn nàn và phản hồi thư phàn nàn.
5. Hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.
6. Cung cấp cho sinh viên các vốn từ và kiến thức để có thể viết hoàn thiện một đoạn văn của một bài tiểu luận và kỹ năng để viết mỗi phần của một bài luận hoàn chỉnh.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG 127 ENG LEVEL 1-IS		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	6	Writing A Sentence Based On A Picture - Adjective Clauses (who, which, that, whom, whose, quantity & quality phrases) - Noun Clauses - Passive voice	- [TEXT 1] tr. 3-34 - [REF 1] tr. 172-174, 194-208, 230-249,	
CONT. 2	5	Responding To A Written Request - Giving “how to” instructions- Writing directions - Inquiries and Responding to inquiries	- [TEXT 1] tr. 36- 55 - [REF 2] tr. 72 -87, 104-119 - [REF 3] tr. 85 -93,	
CONT. 3	4	Writing An Opinion Essay - Writing general introductory sentences - Writing a complete introductory paragraph 58 - Giving reasons and examples - Developing key ideas by giving reasons and examples	- [TEXT 1] tr. 57-66 - [REF 1] tr. 59-69 - [REF 2] tr. 170 -171 - [REF 3] tr. 112 -115, - -	
CONT. 4	4	Writing A Sentence Based On A Picture	- [TEXT 1] tr. 1-32 - [REF 2] tr. 14-50	

		- Revision: simple compound, complex sentences	- [REF 3] tr. 14-67	
CONT. 5	5	Responding To A Written Request - An overview of an email complaining letter - Useful languages for emails of complaining and explaining - Writing response for complaining email letter	- [TEXT 1] tr. 33-58 - [REF 2] tr. 120-135 - [REF 3] tr. 85-89	
CONT. 6	6	Writing An Opinion Essay - Writing a concluding paragraph - Writing a simple essay	- [TEXT 1] tr. 59-74 - [REF 1] tr. 72-77 - [REF 3] tr. 106-116	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5 %
Phát biểu & Thảo luận	10 %
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

CLO.1. *Xác định* các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Xác định các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.2. *Phân biệt* các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Phân biệt các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.3. *Viết* câu sử dụng các mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động để viết mô tả tranh dựa trên các từ đã cho; ngôn ngữ để đưa ra hướng dẫn và chỉ dẫn, đưa ra các câu hỏi và trả lời các câu hỏi bằng cách viết thư trả lời e-mail; hoàn thành đoạn giới thiệu, phát triển ý tưởng quan trọng bằng cách đưa ra lý do và ví dụ bằng văn bản một bài luận ý kiến.

Viết câu sử dụng các câu đơn, câu phức, câu ghép, ngôn ngữ thông dụng cho email khiếu nại và email phản hồi khiếu nại, viết kết luận của bài luận và kỹ năng để viết mọi phần của một bài luận hoàn chỉnh;

CLO.4 Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi viết TOEIC thực tế đạt mức 200 điểm.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 -	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kì	M	SO 9	
CLO.2	- CONT.2	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kì	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.3 -	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kì	M	SO 9	
CLO.4	- CONT.4	- Thực hành - Đánh giá	- Kiểm tra thường kì - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO 9	

11.26. ENG 168 – Listening – Level 2

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Ngoại ngữ

ENG 168 – Listening – Level 2

Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Lê Thị Diệu Hương Th.S Đoàn Thị Diệu Lan Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-09:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-9:00 Phòng: 404 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. DFU (2015), *Listening LEVEL 3- 4*, Danang.

Sách tham khảo:

1. Jinhyeop. B (2017), *Rainbow TOEIC*, NXB Tổng Hợp TP HCM.

Mô tả môn học: Môn học này trang bị cho sinh viên các chiến lược cơ bản để làm bài thi nghe TOEIC các phần mô tả tranh, câu hỏi và đáp, hội thoại ngắn và bài nói ngắn. Môn học này còn cung cấp cho sinh viên từ vựng liên quan đến dịch vụ khách hàng, giải trí, bài quảng cáo...Giúp cho sinh viên có được một cái nhìn tổng quát về cục diện bài thi và nắm được các chiến lược làm bài đúng với tỷ lệ cao cũng như tận dụng tối ưu thời gian thi.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Không có		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	7	Part I - Photographs: - Photographs of objects/ scenes	[TEXT 3] Tr. 1 - 16 [REF] Tr. [TEXT 4] Tr. 1-22 [REF K] Tr. 20-70	
CONT. 2	7	Part II - Questions- Responses: - Questions with What, Be/do/have, can/could/may/might/shou ld	[TEXT 3] Tr. 17 - 51 [REF] Tr. [TEXT 4] Tr. 23-30 [REF] Tr. 78- 118	
CONT. 3	8	Part III: Short Conversations: - Questions with Who, What, When, How, Why - Typical work at the workplace - Seminars - Customer service - Shopping - Leisure	[TEXT 3] Tr. 53-70 [REF] Tr. [TEXT 4] Tr. 31 - 67 [REF] Tr. 122 - 223	
CONT. 4	8	Part IV: Short Talks: - Questions with Who, What, Where and How - Recorded messages - Public Announcement - Advertisements - Event Speeches - Tour Instructions	[TEXT 3] Tr. 70 - 80 [REF] Tr. [TEXT 4] Tr. 68 - 104 [REF] Tr.	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Thái độ, thảo luận	10%
Kiểm tra thường kỳ	20%
Kiểm tra giữa kỳ	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Nhận biết* các chiến lược nghe cho từng phần trong bài thi nghe TOEIC.

CLO.2. *Nhận biết* từ vựng liên quan đến dịch vụ khách hàng, giải trí, bài quảng cáo...

CLO.3. *Sử dụng* được các chiến lược nghe, tránh bẫy khi nghe từng phần trong bài thi nghe TOEIC: mô tả tranh, câu hỏi và đáp, hội thoại ngắn và bài nói ngắn và chọn được câu trả lời đúng cho từng dạng câu hỏi.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT. 1 - CONT 12	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài nghe - Làm việc cá nhân	- Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO9	
CLO.2	- CONT. 3 - CONT 12	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Bài nghe - Làm việc cá nhân	- Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO9	
CLO.3	- CONT. 1 - CONT 12	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài nghe - Làm việc theo cặp, nhóm	- Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO9	

11.27. ENG 169 – Speaking – Level 2

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 169 – Speaking – Level 2
Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Thái Thịnh Thảo Trinh Th.S Lê Thị Oanh Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 08:00-11:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Năm, 09:15-11:15 Phòng: 502 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. DFL Duy Tan University (2015), *Speaking level 3- 4*, Danang.

Sách tham khảo:

- San Francisco Education Consulting (2012), *New TOEIC – Writing Coach*, NXB Tổng hợp TP HCM.
- Grant Trew (2011), *Tactics for TOEIC- SPEAKING*, Oxford University Press.
- Sarah Cunningham, Peter Moor (2005), *New Cutting Edge*, Longman elt.
- Collins (2013), *Skills for the ToEIC Test- Speaking and Writing*, NXB Tổng hợp TP HCM.
- Bruce Rogers (1997), *Complete Guide to the ToEIC Test*, Heinle & Heinle Pub.

Mô tả môn học: Môn học này gồm 30 bài học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nhập môn về rèn luyện thực hành kỹ năng nói tiếng Anh theo format của TOEIC. Luyện tập kỹ năng miêu tả tranh, trả lời câu hỏi tình huống, trả lời câu hỏi dựa trên thông tin cho sẵn, biết cách thiết kế một bài nói trình bày cách giải quyết các vấn đề thường xảy đến trong cuộc sống hằng ngày được đưa ra, cũng như biết trình bày quan điểm ý kiến của mình về bất kỳ phương diện, khía cạnh nào.

Tô bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Không có		<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	3	Describe a picture - Cohesion and Structuring a Response in Picture Description - Consolidation of Part 2,3 & 4	- [SPL3] Tr. 3-8 - [SPL4] Tr. 2-14	
CONT. 2	3	Respond to questions using information provided		

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
		- Consolidation of Part 2,3 & 4	- [SPL4] Tr. 2-14	
CONT. 3	4	Propose a solution - Introduction to Part 5 – Propose a Solution- and Types of Voicemail Message - Explaining Reasons and Responding to Difficult Requests - Further Practice for Toeic Part 5 - Set phrases for Offering Solutions - Practice Proposing a Solution	- [SPL 3] Tr.16-20 - [SPL 3] Tr. 20- 29 - [SPL 4] Tr.15- 24 - [SPL 4] Tr. 25- 28	
CONT. 4	5	Express an opinion - Introduction to Part 6 – Express An Opinion- and Types of Topics . - Common Ways to Express Opinions . - Tips to improve your opinion expressions for Part 6 - Practice Expressing your Opinions – Topics related to Companies - Practice Expressing your Opinions – Topics related to Parents and Children - Practice Expressing your Opinions – Other topics	- [SPL 3] Tr. 33-37 - [SPL 3] Tr. 37- 46 - [SPL 3] Tr. 48- 50 - [SPL 4] Tr.29- 34 - [SPL 4] Tr.35- 44 [SPL 4] Tr.45- 69	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu & Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Làm chủ và kiểm soát* được việc nói những bài nói thực hành tiếng đơn giản (mô tả tranh, đọc đoạn văn,....).

CLO.2. Phát âm lưu loát và tự tin hơn, từ đó dẫn đến xóa bỏ hoàn toàn thói quen rụt rè và nhút nhát khi giao tiếp Tiếng anh với người nước ngoài nói riêng và trong cuộc sống nói chung.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức xã hội và kỹ năng mềm diễn đạt ý, từ đó phát triển được xa hơn những phương pháp đã học vào các bài tranh luận, thuyết trình trước đám đông, phong thái sẽ được tự nhiên và chuyên nghiệp hơn.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận theo cặp, nhóm - Làm việc cá nhân	Quizzes Mini test - Bài tập về nhà	L	SO9	
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes Bài tập nhóm Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO9	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	Bài tập nhóm Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO9	

11.28. ENG 216 – Reading – Level 3

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 216 – Reading – Level 3
Học kỳ II – Năm học: 2**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Trần Thị Thứ Th.S Nguyễn Khánh Phương Cơ Quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-09:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-09:00 Phòng: 403 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Reading – Level 3 – DFL Duy Tan University, 2014

Sách tham khảo:

1. Park HyeYeong&JeongJi Won (2012), *ABC ToEIC RC*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt
2. David Cho (2012), *Hackers TOEIC Start Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt

Mô tả môn học: Môn học này gồm 15 bài học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số điểm ngữ pháp cơ bản tập trung vào Động từ nguyên mẫu có To & Danh động từ cũng như các kiến thức cơ bản về từ vựng tập trung vào các hình thức so sánh và một số dạng bài đọc hiểu thuộc các thể loại Thông tin, Thư mời, Hoá đơn, Lịch trình, Bảng điều tra nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu trong bài thi TOEIC.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG116 – Reading – Level 1 ENG166 – Reading – Level 2		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	5	Grammar - To-infinitives as a Noun, an Adjective/Adverb - Common Verbs, Nouns, and Adjectives Followed by a To-infinitive - Functions of a Gerund - Verbs Followed by a Gerund - Common Expressions Followed by a Gerund - Verbs Followed by either a Gerund or a To-infinitive - Practice with ToEIC Actual Questions	- [TEXT 1] Tr. 6-8 - [REF 1] Tr. 97-99 - [TEXT 1] Tr. 9-12 - [REF 1] Tr. 100-106 - [TEXT 1] Tr. 13-16 - [REF 1] Tr. 109-110 - [TEXT 1] Tr. 17-22 - [REF 1] Tr. 111-112 - [TEXT 1] Tr. 23-32 - [REF 1] Tr. 114-117	
CONT. 2	5	Vocabulary - Comparison of Equality - Comparatives - Superlatives - Other Structures of Comparison - Practice with ToEIC Actual Questions	- [TEXT 1] Tr. 34-35 - [REF 1] Tr. 59 - [TEXT 1] Tr. 36-38 - [REF 1] Tr. 60 - [TEXT 1] Tr. 39-41 - [REF 1] Tr. 61 - [TEXT 1] Tr. 42-44 - [TEXT 1] Tr. 45-54 - [REF 1] Tr.63-66	

CONT. 3	5	Reading Comprehension - Information - Invitations - Invoices - Schedules - Surveys	- [TEXT 1] Tr. 65-61 - [REF 2] Tr.222-227 - [TEXT 1] Tr. 62-67 - [REF 2] Tr.240-245 - [TEXT 1] Tr. 68-72 - [REF 1] Tr.212-213 - [TEXT 1] Tr. 73-79 - [REF 1] Tr.212-213 - [TEXT 1] Tr. 80-85 - [REF 1] Tr.212-213	
---------	---	--	--	--

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu & Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

CLO.1. Nhận biết các điểm văn phạm đã nêu, từ vựng hay gặp trong bài thi toEIC, các dạng bài đọc và các dạng câu hỏi có liên quan.

CLO.2. Phân biệt và giải thích được các điểm văn phạm, từ vựng đã học và các dạng câu hỏi trong bài đọc hiểu.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi đọc hiểu ToEIC thực tế ở mức độ 250-300

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận	- Quizzes - Mini test - Bài tập về nhà	L	SO 9	
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 -	- Giảng bài Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Bài đọc - Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	- Bài tập nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra	H	SO 9	

			Cuối kỳ			
--	--	--	---------	--	--	--

11.29. ENG 217 – Writing – Level 3

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 217 – Writing – Level 3
Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Trần Thị Minh Giang Th.S Lê Hoàng Hoài Khanh Cơ Quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, Giờ: Ba, 07:00-9:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, Giờ: Hai, 07:00-9:00 Phòng: 403 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. ENGLISH WRITING LEVEL 3 – DFL Duy Tan University, 2013

Sách tham khảo:

- Collins – *Skills for the TOEIC Test*, Harper Collins Publishers Ltd 2012
- New TOEIC – Writing Coach*, San Francisco Education Consulting, 2012
- Grant Trew - *Tactics for TOEIC – WRITING*, Oxford -University Press, 2011

Mô tả môn học: Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại câu cơ bản và nâng cao, mẫu viết e-mail cơ bản và nâng cao, cấu trúc viết luận cơ bản, nhằm giúp rèn luyện kỹ năng viết và các chiến lược cơ bản để làm bài thi TOEIC.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG 167		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	2 giờ	Adjective Clauses (Who, What, Which- as the Subject)	- [TEXT 1] Tr. 4-10 - [REF 1] Tr. 109-124	
CONT. 2	2 giờ	Adjective Clauses 2 (Who, What, Which- as the Object)	- [TEXT 1] Tr. 11-16 - [REF 1] Tr. 109-124	
CONT. 3	2 giờ	Adjective Clauses 3 (Whose + Quantity & Quality)	- [TEXT 1] Tr. 17-22 - [REF 2] Tr. 23-32	
CONT. 4	2 giờ	Noun Clauses	- [TEXT 1] Tr. 23-29 - [REF 2] Tr. 33-42	
CONT. 5	2 giờ	Passive Voice	- [TEXT 1] Tr. 30-35	

			- [REF 2] Tr. 42-50	
CONT. 6	2 giờ	Reviews	- [TEXT 1] Tr. 36-39	
CONT. 7	2 giờ	Giving “How to” instructions (1)	- [TEXT 1] Tr. 41-44 - [REF 2] Tr. 85-89	
CONT. 8	2 giờ	Giving “How to” instructions (2)	- [TEXT 1] Tr. 45-49 - [REF 2] Tr. 85-89	
CONT. 9	2 giờ	Writing directions	- [TEXT 1] Tr. 50-52 - [REF 2] Tr. 125-140	
CONT.10	2 giờ	Inquiries	- [TEXT 1] Tr. 53-57 - [REF 2] Tr. 125-140	
CONT.11	2 giờ	Responding to inquiries	- [TEXT 1] Tr. 58-61 - [REF 2] Tr. 125-140	
CONT.12	2 giờ	Writing general introductory sentences	- [TEXT 1] Tr. 63-66 - [REF 1] Tr. 141-146	
CONT.13	2 giờ	Writing a complete introductory paragraph	- [TEXT 1] Tr. 67-68 - [REF 1] Tr. 144-145	
CONT.14	2 giờ	Giving reasons and examples	- [TEXT 1] Tr. 69-71 - [REF 1] Tr. 147-156	
CONT.15	2 giờ	Developing key ideas by giving reasons and examples	- [TEXT 1] Tr. 72-73 - [REF 1] Tr. 147-156	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu & Thảo luận	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Nhận biết được các loại câu cơ bản: câu đơn, câu ghép, câu phức, câu ghép – phức; nhận biết cách viết email trả lời với các nội dung: đưa ra một số hướng dẫn để thực hiện một việc cụ thể, chỉ dẫn đường, đưa ra yêu cầu và trả lời yêu cầu; nhận biết cách viết mỗi phần của bài luận trình bày quan điểm.

CLO.2. Sử dụng được các loại câu cơ bản để viết câu miêu tả tranh, viết e-mail trả lời yêu cầu, và viết luận.

CLO.3. Thực hành viết câu, email phúc đáp, viết phần mở bài hoàn chỉnh cho bài luận, cấu trúc trình bày lý do và cấu trúc đưa ra ví dụ trong bài luận, phát triển ý chính của bài luận bằng cách viết câu trình bày lý do và câu đưa ra ví dụ.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 to - CONT.15	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Chuyên cần - Thái độ & thảo luận - Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO9	
CLO.2	- CONT.1 to - CONT.15	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Chuyên cần - Thái độ & thảo luận - Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO9	
CLO.3	- CONT.1 to - CONT.15	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Chuyên cần - Thái độ & thảo luận - Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO9	

11.30. ENG 218 – Listening – Level 3

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Ngoại ngữ

ENG 218 – Listening – Level 3

Học kỳ II – Năm học: 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Mai Lan Chi Th.S Đoàn Thị Thanh Trang Cơ quan: Phòng 604, 21 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Giờ hành chính Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-9:00 Phòng: 403 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:*English Listening Level 3 – DFL Duy Tan University, 2014***sách tham khảo:**1. *ABC TOEIC by Lee Soo-Yong, NXB Nhân Trí Việt*2. Grant Trew - *Tactics for TOEIC – Listening, Oxford University Press, 2011***Mô tả môn học:**

Nắm được dạng thức của một bài thi nghe TOEIC, biết được các chiến lược làm bài cho mỗi phần

Môn học này phát triển kỹ năng nghe cho sinh viên với các cấu trúc, câu hỏi, câu trả lời phổ biến trong phần nghe của bài thi TOEIC.

Phần 1 : Miêu tả đồ vật, phong cảnh

Cách chiến lược để nghe và nhận diện câu đúng trong tranh có miêu tả về đồ vật, phong cảnh

Phần 2: Hỏi – đáp

Làm quen với các dạng câu hỏi What/ Be/ Do/ Have/ Can/ Could/ Will/ Would/ Should/ May

Phần 3: Đoạn hội thoại ngắn

Nghe và làm quen với dạng câu hỏi với Who/ What/ When/ How and Why

Phần 4: Bài nói ngắn

Nghe và làm quen với dạng câu hỏi với Who/ When and How

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG 168– Listening level 2		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	2 giờ	Part I: Photographs of Objects/ Scenes Statement Analysis + Practice	[TEXT 1] Tr. 4-8 [REF 1] Tr. 13-16	
CONT. 2	2 giờ	Part I: Photographs of Objects/ Scenes Common Vocabulary Practice with Possible Statements Practice with TOEIC Actual Questions	[TEXT 1] Tr. 9-14 [REF 1] Tr.17-20	
CONT. 3	2 giờ	Part II: Questions and Responses Questions with What Questions Structures Practice- Questions with What	[TEXT 1] Tr. 15-20	
CONT. 4	2 giờ	Part II: Questions and Responses Common Vocabulary	[TEXT 1] Tr. 21-26	

		Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions		
CONT. 5	2 giờ	Part II: Questions and Responses Questions with Be/ Do/ Have Questions Structures Practice- Questions with Be/ Do/ Have	[TEXT 1] Tr. 27-30 [REF 1] Tr.63-70	
CONT. 6	2 giờ	Part II: Questions and Responses Common Vocabulary Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions	TEXT 1] Tr. 30-32 [REF 1] Tr.59-62	
CONT. 7	2 giờ	Part II: Questions and Responses Questions with Can/ Could/ Will/ Would/ Should/ May Questions Structures Practice- Questions with Can/ Could/ Will/ Would/ Should/ May	TEXT 1] Tr. 33-35 [REF 1] Tr.71-74	
CONT D. 8	2 giờ	Part II: Questions and Responses Common Vocabulary Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions	TEXT 1] Tr. 36-38	
CONT. 9	2 giờ	Part III: Short conversations Questions with Who/ What/ When and How Question Groups Practice	TEXT 1] Tr. 39-42	
CONT. 10	2 giờ	Part III: Short conversations Common Vocabulary Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions	TEXT 1] Tr. 43-45	
CONT. 11	2 giờ	Part III: Short conversations Questions with Why Question Groups Practice	TEXT 1] Tr. 45-47	
CONT. 12	2 giờ	Part III: Short conversations Common Vocabulary Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions	TEXT 1] Tr. 47-49	
CONT. 13	2 giờ	Part IV: Short Talks Questions with Who/ When and How (Quantities, Periods of Time, Frequency)	TEXT 1] Tr. 50-52	

		Question Groups Practice		
CONT. 14	2 giờ	Part IV: Short Talks Common Vocabulary Practice with Possible Questions Practice with TOEIC Actual Questions	TEXT 1] Tr. 52-54	
CONT. 15	2 giờ	Review	TEXT 1] Tr. 54-6	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra thường kỳ	20%
Thái độ thảo luận	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Thực hành các phần miêu tả tranh về vật thể, tranh tả cảnh thường gặp.

CLO.2. Thực hành các câu hỏi và đáp và biết các chiến lược để chọn câu đáp phù hợp cho câu hỏi.

CLO.3. Xác định các chiến lược và tiêu chí chiến lược cho phần nghe 3,4 của bài thi TOEIC dựa trên một số từ dùng để hỏi phổ biến.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài tập nghe ở nhà	- Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO9	
CLO.2	- CONT.5 - CONT.6 - CONT.7 - CONT.8 - CONT.9	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài tập nghe ở nhà	- Kiểm tra thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO9	
CLO.3.	- CONT.10	- Giảng bài trên	- Kiểm tra	H	SO9	

	- CONT.11 - CONT.12 - CONT. 13 - CONT. 14 - CONT. 15	lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài tập nghe ở nhà	thường kỳ - Bài tập về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ			
--	---	--	---	--	--	--

11.31. ENG 219 – Speaking – Level 3

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 219 – Speaking – Level 3
Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Lê Thị Kim Uyên Th.S Kiều Thị Đông Thanh Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-9:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-09:00 Phòng: 403 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Khoa Ngoại ngữ (2014). *Speaking Level 3*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân

Sách tham khảo:

1. Collins (2013). *Skills for the TOEIC Test – Speaking and Writing*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Tổng hợp

Mô tả môn học: Môn học này cung cấp những nội dung sau:

- Tính mạch lạc trong câu, hình thức so sánh
- Các cụm từ thường được sử dụng trong đời sống hằng ngày và tại nơi làm việc
- Các loại tin nhắn thoại và các cụm từ thường dùng
- Cách diễn đạt xin lỗi, hiểu rõ vấn đề, đưa ra lý do, đề xuất giải pháp
- Các cụm từ phổ biến để bày tỏ quan điểm
- Các chủ đề phổ biến về bày tỏ quan điểm
- Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn, Đề xuất một giải pháp, và Trình bày một quan điểm

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG 119 – Speaking Level 1 ENG 169 – Speaking Level 2		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Số giờ	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2	Part 2 - Picture description: Cohesion & Structuring a Response	[TEXT 1] tr. 3-7
CONT. 2	2	Part 3 of TOEIC Speaking: Expressions to add information or expand your responses	[TEXT 1] tr. 8-11
CONT. 3	2	Part 4 of TOEIC Speaking: Tips to improve your responses and real practice	[TEXT 1] tr. 12-16
CONT. 4	5	Part 5: Propose a solution - Introduction - Types of Voicemail messages - Common expressions	[TEXT 1] tr. 16- 33 [REF 1] tr. 56-70
CONT. 5	4	Part 6: Express an opinion - Introduction - Types of topics - Common ways to express opinions	[TEXT 1] tr. 34- 52 [REF 1] tr. 71-83

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Phát biểu và Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. **Nhận biết** được các từ nối và các cách tạo ra Tính mạch lạc trong câu, hình thức so sánh; các cụm từ thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày và tại nơi làm việc; các loại tin nhắn thoại và các cụm từ thường dùng; cách diễn đạt xin lỗi, hiểu rõ vấn đề, đưa ra lý do, đề xuất giải pháp; các cụm từ phổ biến để bày tỏ quan điểm

CLO.2. **Xác định** được thông tin yêu cầu, loại tin nhắn thoại, ý chính của chủ đề và lựa chọn từ vựng, cấu trúc phù hợp để xử lý

CLO.3. **Sử dụng** kiến thức và kỹ năng đã học để mô tả một bức tranh, trả lời các câu hỏi thông thường; đưa ra thông tin cơ bản dựa vào một văn bản viết, đề xuất một giải pháp cho một yêu cầu hoặc phân nân đơn giản, và trình bày ngắn gọn một quan điểm về một chủ đề đơn giản.

CLO.4. **Vận dụng** kiến thức và kỹ năng đã học để làm bài nói TOEIC đạt điểm trung bình 80-100/200.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4	Bài giảng Thực hành Thảo luận Bài tập về nhà	Chuyên cần Kiểm tra thường kỳ Phát biểu & Thảo luận Bài tập về nhà	L	SO9	
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4	Bài giảng Thực hành Thảo luận Bài tập về nhà	Chuyên cần Kiểm tra thường kỳ Phát biểu & Thảo luận Bài tập về nhà	M	SO9	
CLO.3	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4	Thực hành Thảo luận Bài tập về nhà	Kiểm tra thường kỳ Phát biểu & Thảo luận Bài tập về nhà Kiểm tra cuối kỳ	H	SO9	
CLO.4	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4	Thực hành Thảo luận Bài tập về nhà	Kiểm tra thường kỳ Phát biểu & Thảo luận Bài tập về nhà Kiểm tra cuối kỳ	L	SO9	

11.32. ENG 266 – Reading – Level 4

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 266 – Reading – Level 4
Học kỳ I – Năm học: 3**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Lê Thị Oanh Th.S Lê Thị Diệu Hương Cơ quan: Phòng 201, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-10:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-9:00 Phòng: 403 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Reading level 4- DFL Duy Tan University, 2015

Sách tham khảo:

1. David Cho (2012), *Hackers TOEIC Reading*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt
2. Paul Edmunds – Anne Taylor (2007) – *Developing Skills for the TOEIC Test – First News* – Tri Viet
3. Park Hye Yeong & Jeong Ji Won (2012), *ABC Toeic RC*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt

Mô tả môn học: Môn học này gồm 15 bài học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp và đọc hiểu trong đó có các điểm ngữ pháp liên quan đến liên từ, giới từ, mệnh đề quan hệ; các dạng bài đọc kép trong đó gồm email, thư, quảng cáo, thông báo, bài báo, và các mẫu đơn từ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và các chiến lược cơ bản để làm bài đọc TOEIC. Hệ thống bài tập áp dụng theo dạng trắc nghiệm sát với định hướng bài thi Toeic phù hợp với từng dạng bài cụ thể giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt và ôn tập.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
Reading level 1 Reading level 2 Reading level 3		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	4	Conjunctions and Prepositions	- [TEXT 1] Tr. 4-58 - [REF 1] Tr. 188 – 193 - [REF 1] Tr. 174 – 187 - [REF 2] Tr. 130 – 132 - [REF 3] Tr. 133 - 156	
CONT. 2	4	Noun Clauses And Relative Clauses	- [TEXT 1] Tr. 58-95 - [REF 1] Tr. 194 – 211 - [REF 2] Tr. 118 – 120 - [REF 3] Tr. 157 - 168	
CONT. 3	4	Double Passages	- [TEXT 1] Tr. 96 - 145	

			- [REF 1] Tr. 428-452 - [REF 3] Tr. 214-215	
--	--	--	--	--

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Nhận biết các điểm văn phạm về liên từ, giới từ, mệnh đề danh từ, mệnh đề quan hệ, các từ vựng về các kết hợp từ, các dạng bài đọc kếp và các dạng câu hỏi có liên quan.

CLO.2. Phân biệt và giải thích được các điểm văn phạm, từ vựng đã nêu và các dạng câu hỏi trong bài đọc hiểu.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi đọc hiểu ToEIC thực tế ở mức độ (400-450)

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp Thảo luận	Quizzes Mini test Bài tập về nhà	L	SO 9	
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp Thảo luận Thực hành	Quizzes Bài tập nhóm Bài tập về nhà Kiểm tra thường kỳ	M	SO 9	
CLO.3	CONT.2 CONT.3 CONT.4	Bài đọc Thực hành Thảo luận Đánh giá	Bài tập nhóm Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.33. ENG 267 – Writing – Level 4

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 267 – Writing – Level 4
Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Thị Kim Mẫn Th.S Trần Thị Thúy Phượng Cơ quan: Phòng 303, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Bảy, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-09:00 Phòng: 502 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Writing – Level 4 – DFL Duy Tan University, 2014

Sách tham khảo:

1. San Francisco Education Consulting, *New TOEIC Writing Coach*, NXB Tổng hợp TP HCM & CônSGKy TNHH NhânTríViệt, 2011.
2. Park HyeYeong & Jeong Ji Won (2012), *ABC Toeic RC*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt
3. Kim Hyeonju – Lee Hyejeong David S. McCormich- John Boswell, *Tomato TOEIC Writing flow*, NXB Tổng hợp TP HCM & Công ty TNHH Nhân Trí Việt, 2009

Mô tả môn học: Môn học này gồm 15 bài học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ôn lại kiến thức về các dạng viết câu cơ bản, câu ghép, câu phức, từ vựng cấu trúc với nội dung trả lời yêu cầu được sử dụng trong email phức tạp, dạng viết bài luận diễn đạt ý kiến và một số điểm ngữ pháp cơ bản tập trung vào cũng như các kiến thức cơ bản về từ vựng tập trung vào các hình một số dạng bài viết, Bảng điều tra nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết trong bài thi TOEIC.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG117 – Writing – Level 1 ENG167 – Writing – Level 2 ENG 217 – Writing –Level 3		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	4	Grammar - Revision: Simple Sentences - Revision : Compound Sentences - Revision : Complex	[TEXT 1] Tr. 2 REF 2] Tr. 25-31 [TEXT 1] Tr. 9-12 [REF 1] Tr. 60-67 [TEXT 1] Tr. 17-	

		Sentences - Sentence Building : Practice	18 [REF 1] Tr. 60-67 [TEXT 1] Tr. 17-25 [REF 1] Tr. 15-67 [TEXT 1] Tr. 25-32 [REF 1] Tr. 15-67	
CONT. 2	4	Responding to an email complaining letter - An overview of an email complaining letter - Useful languages for emails of complaining and explaining - Responding to email complaining letters (1) - Responding to email complaining letters (2) - TOEIC Practice – writing response for complaining email letter	[TEXT 1] Tr. 34-40 [REF 1] Tr. 70-73 [TEXT 1] Tr. 41-45 [REF 1] Tr. 85- 89 [TEXT 1] Tr. 46-49 [REF 3] Tr. 118-119 [TEXT 1] Tr. 50-55 [REF 3] Tr. 123-124 [TEXT 1] Tr. 56-58 [REF 1] Tr.71-95	
CONT. 3	6	Writing Opinion Essays - Writing a concluding paragraph (1) - Writing a concluding paragraph (2) - Writing a simple essay (1) - Writing a simple essay (2) - Writing a simple essay (3)	[TEXT 1] Tr. 60-62 [REF 2] Tr.116-124 [TEXT 1] Tr. 63 [REF 2] Tr.125-127 [TEXT 1] Tr. 64 [REF 1] Tr.106-112 [TEXT 1] Tr. 65-66 [REF 1] Tr.113-114 [TEXT 1] Tr. 67-70 [REF 1] Tr.115-116	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%

Phát biểu & Thảo luận	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Nhận biết các điểm văn phạm đã nêu, từ vựng hay gặp trong bài thi toeic, các dạng bài viết và các dạng cấu trúc câu có liên quan.

CLO.2. Viết được các dạng bài viết email trả lời than phiền và các bài luận diễn đạt ý kiến.

CLO.3. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào bài thi viết Toeic thực tế ở mức độ 420

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3	- Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận	- Quizzes - Mini test - Bài tập về nhà	L	SO 9	
CLO.2	- CONT.1 - CONT.2 - CONT.3 -	- Giảng bài Giảng dạy theo phương pháp giao tiếp - Thảo luận - Thực hành	- Quizzes - Bài tập nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.2 - CONT.3 - CONT.4 -	- Bài đọc - Thực hành - Thảo luận - Đánh giá	- Bài tập nhóm - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.34. ENG 268 – Listening – Level 4

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Ngoại ngữ

ENG 268 – Listening – Level 4

Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Xuân Tích Th.S Mai Lan Thi Cơ Quan: Phòng 201, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt	Ngày, giờ: Hai, 07:00-09:00 Phòng: 502 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

	Nam Thứ, giờ: Bảy, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	
--	--	--

Sách giáo khoa:

1. *Listening LEVEL 4, DFU, 2015*

Sách tham khảo:

1. Rainbow TOEIC, Jinhyeop. B., Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh, 2008.

Mô tả môn học:

Môn học này trang bị cho sinh viên các chiến lược cơ bản để làm bài thi nghe TOEIC các phần mô tả tranh, câu hỏi và đáp, hội thoại ngắn và bài nói ngắn.

Môn học này còn cung cấp cho sinh viên từ vựng liên quan đến dịch vụ khách hàng, giải trí, bài quảng cáo...

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG 218 Listening Level 3		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	1 giờ	Part I - Photographs	- [TEXT 1] Tr. 1-22 - [REF 1] Tr. 20-70	
CONT. 2	1 giờ	Part II - Questions-Responses	- [TEXT 1] Tr. 23-30 - [TEXT 1] Tr. 78- 118	
CONT. 3	1 giờ	Part III Typical work at the workplace	- [TEXT 1] Tr. 31-36 - [REF 1] Tr. 122- 223	
CONT. 4	1 giờ	Part III Seminars	- [TEXT 1] Tr. 37-43	
CONT. 5	1 giờ	Part III Customer service	- [TEXT 1] Tr. 44-50	
CONT. 6	1 giờ	Part III Shotring	- [TEXT 1] Tr. 51-57	
CONT. 7	1 giờ	Part III Leisure	- [TEXT 1] Tr. 58-64	
CONT 8	1 giờ	Part IV -Recorded messages	- [TEXT 1] Tr. 65- 70 - [REF 1] Tr. 250- 254	
CONT 9	1 giờ	Part IV - Public Announcement	- [TEXT 1] Tr. 71-77	
CONT 10	1 giờ	Part IV - Advertisements	- [TEXT 1] Tr. 78- 83 - [REF 1] Tr.246-250	

CONT 11	1 giờ	Part IV - Event Speeches	- [TEXT 1] Tr. 84- 90	
CONT 12	1 giờ	Part IV - Tour Instructions	- [TEXT 1] Tr. 91- 97 - REF 1] Tr. 270 - 274	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5%
Thái độ, thảo luận	10%
Kiểm tra thường kỳ	20 %
2	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Nhận biết* các chiến lược nghe cho từng phần trong bài thi nghe TOEIC.

CLO.2. *Nhận biết* từ vựng liên quan đến dịch vụ khách hàng, giải trí, bài quảng cáo...

CLO.3. *Sử dụng* được các chiến lược nghe, tránh bẫy khi nghe từng phần trong bài thi nghe TOEIC: mô tả tranh, câu hỏi và đáp, hội thoại ngắn và bài nói ngắn và chọn được câu trả lời đúng cho từng dạng câu hỏi.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4. CONT.5 CONT 6 CONT 7 CONT 8 CONT 9 CONT 10 CONT 11 CONT 12	Giảng bài trên lớp Thực hành Thảo luận Bài nghe	Kiểm tra thường kỳ Bài tập về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO 9	
CLO.2	CONT.3 CONT.4. CONT.5 CONT 6	Giảng bài trên lớp Thực hành Bài nghe	Kiểm tra thường kỳ Bài tập về nhà Kiểm tra Cuối	M	SO 9	

	CONT 7 CONT 8 CONT 9 CONT 10 CONT 11 CONT 12		kỳ			
CLO.3	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT.5 CONT 6 CONT 7 CONT 8 CONT 9 CONT 10 CONT 11 CONT 12	Giảng bài trên lớp Thực hành Thảo luận Bài nghe	Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.35. ENG 269 – Speaking – Level 4

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Ngoại ngữ
ENG 269 – Speaking – Level 4
Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Thị Diệu Trâm Th.S Thái Trịnh Thảo Nguyên Cơ Quan: Phòng 201, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ, giờ: Bảy, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 303)	Ngày, giờ: Hai, 07:00-10:00 Phòng: 502 Cơ sở: 21 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

ENGLISH SPEAKING LEVEL 4 – DFL Duy Tan University, 2014

Sách tham khảo:

- *Toeic Speaking – Lee Se-yeong*
- *Skills for the Toeic Test – SPEAKING – Collins*

Mô tả môn học: Chương trình nói được thiết kế trong học phần này gồm 14 đơn vị bài học nhằm giúp sinh viên củng cố lại các kiến thức đã học liên quan đến mô tả tranh, trả lời câu hỏi, trả lời câu hỏi về thông tin cho sẵn và nói thành thạo những vấn đề này. Sau đó sinh viên sẽ đi sâu hơn vào phần nêu giải pháp cho các vấn đề và trình bày quan điểm cá nhân về một chủ đề nào đó. Đồng thời sinh viên sẽ thực hành phần nêu giải pháp cho vấn đề với yêu cầu cao hơn về độ mạch lạc, cũng như luyện tập phần trình bày quan điểm theo trình tự 3 bước: mở đầu giới thiệu quan điểm cá nhân, trình bày các luận điểm hỗ trợ và kết luận. Tiếp đó sinh viên sẽ thực hành trình bày quan điểm theo nhóm các chủ đề về công ty, bố mẹ-con cái và các chủ đề khác.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở Đánh giá
ENG119 Speaking Level 1 ENG 169 Speaking Level 2 ENG219 Speaking Level 3		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	4	CONSOLIDATION TO PART 2, 3 AND 4 IN TOEIC SPEAKING	- [TEXT 1] Tr. 1-14 - [REF 1] Tr. 70-210 - [REF 2] Tr. 16-69	
CONT. 2	4	PART 5: PROPOSE A SOLUTION	- [TEXT 1] Tr. 15-25 - [TEXT 1] Tr. 26-28 - [REF 1] Tr. 220-250 - [REF 2] Tr. 71-84	
CONT. 3	4	PART 6: EXPRESS AN OPINION	- [TEXT 1] Tr. 29-54 - [TEXT 1] Tr. 55-69 - [REF 1] Tr. 251-280 - [REF 2] Tr. 85-97	
CONT. 4	4	MODEL TEST	- [TEXT 1] Tr. 70-79 - [REF 2] Tr. 98-103	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	5 %
Phát biểu & Thảo luận	10 %
Kiểm tra Thường kỳ	20%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Vận dụng tốt vốn từ, khả năng phát âm và cấu trúc ngữ pháp đã học để đọc lướt một đoạn văn, mô tả chi tiết một bức tranh, trả lời tốt các câu hỏi phỏng vấn và các câu hỏi về thông tin cho sẵn.

CLO.2. Nhận định rõ vấn đề trong tình huống được cho và đưa ra giải pháp một cách hiệu quả.

CLO.3. Xác định được chủ đề của bài nói và trình bày rõ quan điểm cá nhân về chủ đề đó.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT.1 - CONT.4	- Ôn tập kiến thức cũ tại lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Phát biểu & Thảo luận - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Giữa kỳ	L	SO 9	
CLO.2	- CONT. 2 - CONT. 4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Phát biểu & Thảo luận - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO 9	
CLO.3	- CONT.3 - CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Phát biểu & Thảo luận - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 9	

11.36. AES 251 – Đại cương mỹ học

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa KHXH&NV

AES 251 – Đại cương mỹ học

Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	TS Nguyễn Thành Khánh Th.S Nguyễn Thị Kim Bài Cơ Quan: Phòng 414, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Tư, 07:00-10:00	Ngày, Giờ: Sáu, 07:00-10:15 Phòng: 201F Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách Giáo khoa

1. Đỗ, Khang, V. (2008). *Mỹ học đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: Đại học Quốc gia.

Sách tham khảo

1. Lê, Trà, Ng. (1994). *Mỹ học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Văn hoá Thông tin.

2. Hegel, G. W. F. (2005). *Mỹ học*. Phan Ngọc dịch. Hà Nội, Việt Nam: Văn học.

3. Bài giảng của giảng viên

Mô Tả Môn Học:

Học phần Mỹ học đại cương bao gồm những tri thức nền tảng trong các lĩnh vực cơ bản của thẩm mỹ: Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng của các giá trị thẩm mỹ, quá trình phản ánh thế giới hiện thực, nhận thức, sáng tạo, đánh giá, phê bình, thưởng thức các giá trị thẩm mỹ- nghệ thuật, tiêu dùng các sản phẩm thẩm mỹ. Các thuộc tính và chức năng xã hội của nghệ thuật trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật. Lý luận chung về bản chất, cấu trúc và chức năng của văn hoá thẩm mỹ và hệ thống giáo dục thẩm mỹ. Cách thể hiện đúng đắn quan điểm thẩm mỹ trong quá trình sáng tạo và đánh giá thực tiễn.

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	8 giờ	Đối tượng mỹ học	[TEXT 1] pp. [02-33] [REF 1] pp. [5-40] [REF 3] pp. [2-18]
CONT. 2	19 giờ	Mối quan hệ thẩm mỹ	[TEXT 1] pp. [34 – 135] [REF 1] pp. [42 – 89]
CONT. 3	10 giờ	Nghệ thuật từ góc nhìn mỹ học	[REF 1] pp. [136 – 194] [REF 1] pp. [68 -93] [REF 3] pp. [87 – 128]
CONT. 4	8 giờ	Bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ cá nhân	[TEXT 1] pp. [195 -223] [REF 2] pp. [86 -134] [REF 3] pp. [79-126]

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức	% Điểm
Kiểm tra thường kỳ	15 %
Bài tập về nhà	15%
Kiểm tra giữa kỳ	15 %
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Xác định được bản chất của cái thẩm mỹ trong tự nhiên, xã hội và nghệ thuật.

CLO.2. Phân tích được cơ sở hình thành cái thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật.

CLO.3. So sánh các quan điểm mỹ học của các trường phái từ những góc nhìn khác nhau.

CLO.4. Sử dụng các quy luật của cái đẹp để bước đầu nghiên cứu về các hiện tượng thẩm mỹ trong tự nhiên, xã hội và nghệ thuật, từ đó vận dụng vào cuộc sống cũng như nghệ thuật.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Kiểm tra Thường kỳ	M	SO5	
CLO.2	CONT.2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Bài đọc (REA)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Giữa kỳ Bài tập Về nhà	M	SO5	
CLO.3	CONT.3	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO7	
CLO.4	CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận(DIS)	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO7	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.37. PHI 306 – Logic học

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
PHI 306 – Logic học
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Nguyễn Mậu Minh Th.S Đoàn Thị Cẩm Vân Văn phòng: Phòng 405, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 14:00-16:00 Điện thoại: (+84) 0236-3827-111 (số nội bộ: 405)	Ngày, Giờ: Năm, 07:00-10:15 Phòng: 310E Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách Giáo khoa:

1. Hồ Minh Đồng (2009). *Giáo trình Logic học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Sách Tham khảo:

1.Lê Doãn Tá, Tô Duy Hợp (2002). *Giáo trình Logic học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Mô tả Môn học: Logic học cung cấp cho sinh viên kiến thức về những quy luật và những hình thức cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất, quy luật phi mâu thuẫn, quy luật bài trung, quy luật lý do đầy đủ. Sinh viên học tập môn học được cung cấp các lý thuyết về khái niệm, phán đoán, chứng minh và bác bỏ. Qua môn học, người học sẽ tiếp cận kỹ năng bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai trong lập luận của người khác cũng như phát hiện lỗi logic trong lập luận khoa học và nghiên cứu khoa học.

Tổ Bộ Môn: LLCT		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3 giờ	Đại cương về logic học	[TEXT] pp.7-18 [REF 1] pp.7-48
CONT.2	9 giờ	Khái niệm	[TEXT] pp. 19-53 [REF 1] pp. 49-74
CONT.3	6 giờ	Phán đoán	[TEXT 1] pp. 54-79 [REF 1] pp. 76-96
CONT.4	6 giờ	Suy luận	[TEXT 1] pp. 82-123 [REF] pp. 110-150
CONT.5	12 giờ	Các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy	[TEXT 1] pp. 125-133 [REF 1] pp. 97-109
CONT.6	9 giờ	Chứng minh và bác bỏ	[TEXT 1] pp. 135-150 [REF 1] pp. 110-150

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>tham gia học tập tại lớp</i> và <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Kiểm tra Thường kỳ	10%
Tiểu luận Nhóm	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 Ghi nhớ các khái niệm, nội dung cốt lõi của môn học

CLO.2 Tổng hợp, đánh giá các thông tin của môn học và thực tiễn để chuẩn bị bài tập nhóm, bài thu hoạch tốt.

CLO.3 Sử dụng các nội dung cốt lõi của môn học để đưa ra đánh giá, nhận xét về

các thông tin thực tiễn khách quan, logic; trình bày được quan điểm cá nhân mạnh mẽ, không mắc phải lỗi logic trong lập luận khoa học.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 Đến CONT.6	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	H	SO1	
CLO.2	CONT.2 Đến CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Hỏi đáp Tức thì Tiểu luận Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.3	CONT.1 Đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Tiểu luận Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO1	

11.38. PSY 151 – Tâm lý học đại cương

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
PSY 151- Đại cương Tâm lý học
học kỳ 1 – năm thứ 1**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	NGÔ THỊ THẢO QUỲNH Nguyễn Thị Tường Vy Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ, Ngày, Giờ: S - 7:00-10:00 Điện Thoại: +84-236-3827111 (Ext 213) Di Động: +84-914159 327 Email: thaoquynhngo@gmail.com	Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách Giáo khoa:

1. Nguyễn, Uân, Q. (chủ biên) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

Sách Tham khảo:

1. Trần, Thủy, T. (2005), *Bài tập thực hành tâm lý học*, Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Ngô, Quỳnh, T. (2020), *Tập bài giảng Đại cương Tâm lý học*, Đại học Duy Tân

Mô Tả Môn Học:

Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người: bản chất của các hiện tượng tâm lý, những quy luật cơ bản của hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí..., những yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách; đồng thời giúp cho người học phân tích, đánh giá các quy luật tác động đến hành vi tâm lý, là cơ sở để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

Tổ Bộ môn: Quan hệ quốc tế		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	6 giờ	Tâm lý học là một khoa học	[TEXT 1] pp. 5-30 [REF 1] pp. 5-12 [REF 2] pp 1-14
CONT.2	4 giờ	Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý	[TEXT 1] pp. 31-50 [REF 1] pp. 15-33 [REF 2] pp 15-22
CONT.3	3 giờ	Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức	[TEXT 1] pp. 53-70 [REF2] pp. 23-30
CONT.4	10 giờ	Hoạt động nhận thức	[TEXT 1] pp. 71-110 [REF 1] pp. 91-158 [REF 2] pp 30-45
CONT.5	3 giờ	Ngôn ngữ	[TEXT 1] pp. 129-145 [REF 2] pp 46-50
CONT.6	3 giờ	Trí nhớ	[TEXT 1] pp. 111-128 [REF 2] pp 50-58
CONT.7	6 giờ	Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách	[TEXT 1] pp. 165- 202 [REF 1] pp 39-87 [REF 2] pp 58-67
CONT.8	6 giờ	Tình cảm và ý chí	[TEXT 1] pp. 175-195 [REF 1] pp 168-180 [REF 2] pp 68-76
CONT.9	4 giờ	Một số vấn đề tâm lý học xã hội Ôn tập, tổng kết môn	[TEXT 1] pp. 203- 216 [REF 2] pp 77-84

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua hỏi đáp tức thì)	10%
Bài tập về nhà	15%
Kiểm tra giữa kỳ	20%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Xác định* bản chất của các hiện tượng tâm lý người.

CLO.2. *Phân tích* được cơ sở hình thành các quy luật tâm lý cơ bản.

CLO.3. *Sử dụng* các phương pháp để bước đầu nghiên cứu, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.2	CONT.4 đến CONT.8	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP) Ôn tập (REC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO1	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.39. COM 201 – Nhập môn truyền thông

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

COM 201 – Nhập môn truyền thông

Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	TS Trần Duy TS Đỗ Anh Đức Văn phòng: Phòng 223, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Bảy, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ:	Ngày, giờ: Hai, 13:00-17:15 Phòng: 305 Cơ sở: 03 Quang Trung

	223)	
--	------	--

Sách giáo Khoa:

1. Nguyễn, Dũng V. (2012), *Truyền thông – Lý thuyết cơ bản*, Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Sách tham khảo:

1. Nguyễn, Dũng V. (2011), *Báo chí truyền thông hiện đại*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học quốc gia.

2. Bretton, Philippe., Proulx, Serge (1996), *Bùng nổ truyền thông* Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Văn hóa – thông tin.

Mô Tả Môn Học:

Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của truyền thông đa phương tiện. Đồng thời cung cấp những yếu tố kỹ thuật trong sản phẩm truyền thông đa phương tiện, trong đó phải kể đến hai yếu tố Audio và Video.

Ngoài ra, học phần này cũng tập trung đề cập đến một số ứng dụng truyền thông đa phương tiện như: Mạng thông tin toàn cầu (Internet), hệ thống hội thảo truyền hình (Videoconference Systems) hay hệ thống truyền hình theo yêu cầu (Video-on-demand System). Từ đó, giúp sinh viên có cái nhìn khái quát nhất về truyền thông đa phương tiện.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	6 giờ	Một số vấn đề về truyền thông	[TEXT 1] pp. 5-30 [REF 1] pp. 5-12 [REF 2] pp 1-14
CONT.2	6 giờ	Truyền thông đa phương tiện (Multimedia)	[TEXT 1] pp. 31-50 [REF 1] pp. 15-33 [REF 2] pp 15-22
CONT.3	10 giờ	Kỹ thuật Audio và kỹ thuật video	[TEXT 1] pp. 53-70 [REF2] pp. 23-30
CONT.4	8 giờ	Một số ứng dụng truyền thông đa phương tiện	[TEXT 1] pp. 71-110 [REF 1] pp. 91-158 [REF 2] pp 30-45

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua hỏi đáp tức thì)	15%
Kiểm tra thường kỳ	15%
Đồ án nhóm	15%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* được các dữ liệu Multimedia;

CLO.2. *Phân tích* được các ứng dụng đa dạng của truyền thông đa phương tiện;

CLO.3. *Sử dụng* được các kiến thức và công cụ để tạo ra sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.2	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thực hành -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra giữa kỳ	H	SO 2	
CLO.2	CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thực hành	- Thảo luận trên lớp - Kiểm tra cuối kỳ	H	SO 5	
CLO.3	CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Thực hành	- Bài tập về nhà - Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO 6	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn
COM 250 - Đại cương sản phẩm truyền thông
Học kỳ I – năm học 2021-2022

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Vũ Tuấn Hà Trần Duy Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ, Ngày, Giờ: S - 7:00-10:00 Điện Thoại: +84-236-3827111 (Ext 213) Di Động: +84-914204088 Email: hoanglethuynga@gmail.com	COM 250 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo Khoa:

1. Nguyễn, Giang. T.T. (2017), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

Sách tham khảo:

1. Phan, Kiên V., Phan, Hải Q., Phạm, Thắng C. & Nguyễn, Hậu D. (2016), *Một số xu hướng mới của báo chí truyền thông hiện đại*. TPHCM, Việt Nam: Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Mô Tả Môn Học:

Đại cương sản phẩm truyền thông cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đặc trưng của báo chí đa phương tiện, truyền thông đa phương tiện và ảnh hưởng xã hội của chúng; xu hướng phát triển của báo chí thế giới trong kỷ nguyên kỹ thuật số; đặc điểm của hội tụ truyền thông hay mô hình tòa soạn hội tụ; yêu cầu đối với một nhà báo đa phương tiện; ảnh hưởng của xu hướng báo chí và truyền thông đa phương tiện đối với các tờ báo, các tòa soạn báo Việt Nam; truyền thông xã hội ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển của báo chí và truyền thông hiện đại... Một số vấn đề về phương pháp, cách thức làm việc liên quan trực tiếp đến công việc của người làm báo, làm truyền thông trong lĩnh vực đa phương tiện.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	4 giờ	Khái niệm và đặc trưng của báo chí và truyền thông đa phương tiện	[TEX 1] pp. 17-23 [TEX 1] pp. 48-79
CONT.2	5 giờ	Các xu thế phát triển của báo chí trong kỷ nguyên kỹ thuật số	[TEX 1] pp. 91-213 [TEX 1] pp. 48-79 [REF 1] pp. 1-300
CONT.3	8 giờ	Tác phẩm báo chí đa phương tiện	[TEX 1] pp. 331-396
CONT.4	8 giờ	Công chúng báo chí và truyền thông trong kỷ nguyên mới	[TEX 1] pp. 397-434
CONT.5	5 giờ	Truyền thông xã hội và “Nhà báo công dân”	[TEX 1] pp. 435-494

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Chuyên cần	20%
Kiểm tra thường kỳ	25%
Đồ án Nhóm	20%
Kiểm tra cuối kỳ	35%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* được những đặc trưng của báo chí đa phương tiện, truyền thông đa phương tiện và ảnh hưởng xã hội của chúng; xu hướng phát triển của báo chí thế giới trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

CLO.2. *Phân tích* được những yêu cầu cơ bản đối với một nhà báo đa phương tiện; biết ảnh hưởng của xu hướng báo chí và truyền thông đa phương tiện đối với các tờ báo, các tòa soạn báo Việt Nam.

CLO.3. *Sử dụng* được một số phương pháp, cách thức làm việc liên quan trực tiếp đến công việc của người làm báo, làm truyền thông trong lĩnh vực đa phương tiện.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thực hành -Bài đọc (REA)	- <i>Thảo luận trên lớp</i> - Kiểm tra giữa kỳ	H	SO2	
CLO.2	CONT.2 to CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thực hành	- Thảo luận trên lớp -Kiểm tra cuối kỳ	H	SO2	
CLO.3	CONT.5	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Thực hành -Bài đọc (REA)	- Đồ án nhóm - Bài tập về nhà - Kiểm tra cuối kỳ	H	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.40. JOU 251 – Cơ sở lý luận báo chí truyền thông

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

JOU 251 – CƠ SỞ LÝ LUẬN BÁO CHÍ

Học Kỳ 1 – Năm Học: 2021– 2022

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT Nguyễn công Sáng Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam. Giờ ở Văn phòng: Ba - 15:00-17:00 Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 223)	Lớp JOU 251 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

	Cell: +84-0388236975 Email: trananhnguyet5@yahoo.com	
--	---	--

Sách giáo khoa:

1. Dương, Sơn X. (2015). *Giáo trình lí luận báo chí truyền thông*. Việt Nam: Giáo dục.

Sách tham khảo:

1. Hà, Nguyễn V. (2012). *Giáo trình cơ sở lý luận Báo chí*. Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam: ĐHQG TP. HCM

Mô Tả Môn Học: Học phần giới thiệu các khái niệm, mô hình, phương tiện, hình thức, lịch sử tiến hóa và bản chất của truyền thông đại chúng với tư cách là một hình thái ý thức xã hội và hoạt động thực tiễn - tinh thần của con người. Đồng thời phân tích những đặc trưng về vị trí, vai trò, chức năng, nguyên tắc của báo chí với tư cách là một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng phổ quát và đa dạng nhất trong xã hội hiện đại. Đồng thời, đề cập đến lao động, tư chất, kỹ năng và con đường phát triển nghề nghiệp của nhà báo.

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Song hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & TRỌI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	6 giờ	Truyền thông	- [TEXT 1] pp. 7-22 - [REF 1] pp. 52-54
CONT.2	14 giờ	Báo chí	- [TEXT 1] pp. 23 – 190 - [REF 1] pp. 54-185
CONT.3	10 giờ	Nhà báo	- [TEXT 1] pp.191-224

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá		% điểm
Điểm quá trình học tập	Bài tập thường kì	20%
	Kiểm tra giữa kì	25%
Kết thúc học phần	Bài tập đồ án cá nhân	10%
	Thi cuối kì	45%
Tổng		100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Nhận biết được một cách hệ thống về các chính thể quan trọng của báo chí với tư cách là một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng phổ biến nhất trong xã hội hiện đại; gồm những kiến thức về truyền thông, báo chí, nhà báo, công chúng.

CLO.2. Phân tích được tác phẩm báo chí thuộc các thể loại khác nhau

CLO.3. Sử dụng các kỹ năng cần thiết để có thể hoạt động độc lập hoặc phối hợp trong một tổ chức hoạt động ở các lĩnh vực báo chí và những lĩnh vực có liên quan hoạt động báo chí truyền thông.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.1 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.3	CONT.1 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.41. JOU 360 – Lịch sử báo chí thế giới & Việt

ĐẠI HỌC DUY TÂN

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

JOU 360 – LỊCH SỬ BÁO CHÍ THẾ GIỚI & VIỆT NAM

học kỳ 1 – năm học 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	HOÀNG THỊ HƯỜNG NGUYỄN TIẾN VỤ Văn phòng: Phòng 223 , 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ Trong Ngày, Giờ: T - 7:00-10:00 Tel.: +84-236-3827111 (Ext 213) Cell: + 84-914010005 Email: hoanghuongvn@gmail.com	JOU 360 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách Giáo Khoa:

1. Phạm, Tịnh T. T. (2011). *Lịch sử báo chí thế giới*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất Chính trị Hành chính.
2. Huỳnh, Tòng T. (2004). *Lịch sử báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1930*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

Sách Tham khảo:

1. Dương, Sơn X. (2002). *Báo chí phương Tây*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.
2. Đỗ, Hưng Q. (2001). *Lịch sử báo chí Việt nam 1868 – 1945*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Quốc gia.
3. Đào, Quát D., Đỗ, Hưng Đ., & Vũ, Thông V. (2010). *Tổng quan lịch sử báo chí Cách mạng Việt Nam (1925-2010)*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Mô Tả Môn Học: Là môn học cơ sở ngành quan trọng trong chương trình đào tạo báo chí. Môn học được thiết kế bởi 2 phần riêng biệt: *Phần 1:* Lịch sử báo chí thế giới; *Phần 2:* Lịch sử báo chí Việt Nam. Nhằm giúp sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản nhất, phần nội dung *lịch sử báo chí thế giới* được thiết kế đi từ những vấn đề chung đến những vấn đề cụ thể, cuối cùng, khái quát lại những vấn đề mang tính quy luật chung; bên cạnh đó, phần *lịch sử báo chí VN* bám sát quá trình hình thành và phát triển từ khởi thủy (1865) cho đến ngày nay.

Tổ Bộ môn: Tô Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	3 giờ	Những vấn đề chung của báo chí thế giới	[TEXT 1] pp. 1-25 [REF 1] pp 1-59
CONT. 2	4 giờ	Những chặng đường phát triển của báo chí thế giới	[TEXT 1] pp. 26-79 [REF 1] pp 1-59
CONT. 3	4 giờ	Khái quát sự phát triển báo chí một số quốc gia và châu lục trên thế giới	[TEXT 1] pp. 80 – 98 [REF 1] pp 1-59
CONT. 4	4 giờ	Xu hướng phát triển của báo chí hiện đại	[TEXT 1] pp. 80-129 [REF 1] pp. 79-119
CONT. 5	3 giờ	Báo chí Việt Nam từ 1865-1925	[TEXT 2] pp. 1-25 [REF 2] pp 1-59
CONT. 6	3 giờ	Báo chí Việt Nam từ 1925 – 1945	[TEXT 2] pp. 1-25 [REF 2] pp 1-59
CONT. 7	3 giờ	Báo chí Việt Nam từ 1945-1975	[TEXT 2] pp. 1-25 [REF 3] pp 1-59

CONT. 8	6 giờ	Báo chí Việt Nam từ 1975 đến nay	[TEXT 2] pp. 1-25 [REF 2] pp 1-59

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh Giá	% Điểm
Bài tập Về nhà	15 %
Thực hành và Thực tế	15 %
Kiểm tra Giữa kỳ	15 %
Kiểm tra Cuối kỳ	55 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Khái quát hóa* được toàn bộ kiến thức lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam (từ các thời kỳ đến các khuynh hướng báo chí)

CLO.2 *Phân tích* những vấn đề có tính quy luật như điều kiện ra đời, phát triển và những xu hướng, xu thế phát triển của báo chí thế giới cũng như báo chí Việt Nam.

CLO.3 *Đánh giá* được sự đóng góp của một số nhà báo nổi tiếng trong lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	SO2	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT. 1 đến CONT. 4	- Giảng Lý thuyết (LEC) - Đọc (REA) - Thảo luận (DIS)	- Bài tập Về nhà - Đồ án nhóm	H	SO2	
CLO.2	CONT. 5 đến CONT. 7	- Giảng Lý thuyết (LEC) - Thảo luận (DIS)	- Thực hành Thực tế - Đồ án nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ	M	SO2	
CLO.3	CONT. 8	- Giảng Lý thuyết (LEC) - Học nhóm (GRP) - Thảo luận (DIS)	- Thực hành Thực tế - Bài tập Về nhà - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	

Ghi chú: Các mức độ bao quát: L = Low hay thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.42. Cơ sở văn hóa Việt Nam

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
CUL 251 – Cơ sở văn hóa Việt Nam
Học kỳ II – Năm học: 1

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Nguyễn Thị Phương Thảo Th.S Nguyễn Thị Diệu Mi Văn phòng: Phòng 223, 3 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Sáu, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 236-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Ba, 07:00-9:00 Phòng: 401, Cơ sở: 334/4 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

- Trần, Thêm. N., (2009). *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Giáo dục
- Trần, Vương. Q. (2009). *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Đà Nẵng, Việt Nam: NXB Giáo dục

Sách tham khảo

- Toan, Ánh (1991). *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam*. Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Tp HCM
- Ngô, Doanh. V. (2002). *Văn hoá cổ Chămpa*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn hoá Dân tộc.
- Nhất, Thanh (2015). *Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam)*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn học.
- Trương, Thìn (2008). *Nghi lễ của đời người*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Hà Nội.
- Tân, Việt (2012). *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn hoá dân tộc.

Mô tả môn học: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở văn hoá Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại. Môn học tiếp cận cơ sở văn hóa Việt Nam trên các phương cấu trúc, loại hình và diễn trình văn hóa. Môn học này là giúp người học nắm được các đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tri thức văn hóa vào việc giới thiệu quảng bá văn hóa dân tộc Việt đến bạn bè quốc tế

Tổ Bộ Môn: QHQT-VNH		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	5 giờ	Khái niệm cơ bản	[TEXT 1] tr.10-20 [TEXT 2] tr.09-25

CONT.2	18 giờ	Văn hoá nhận thức Kiểm tra giữa kỳ	[TEXT 1] p p.50-87 [REF 3] tr.174-430 [REF 4] tr.9-268 [REF K 5] tr.6-174
CONT.3	22giờ	Diễn trình văn hoá Việt Nam Ôn tập	[TEXT 1] tr.38-49 [TEXT 2] tr.114-207 [REF 2] tr.137-205

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Kiểm tra Thường kỳ	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Xác định* được các khái niệm, hình thức văn hóa khác nhau.

CLO.2 *Phân tích* được các phương thức đặc thù của các mô típ văn hóa Việt Nam.

CLO.3 *Vận dụng* được các lý thuyết, mô hình văn hóa Việt Nam để đánh giá bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.3	Lý thuyết (LEC)/ Thảo luận (DIS)/ Ôn tập (REC)/	- Hỏi đáp Tức thì - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO2	
CLO.2	CONT.2 CONT. 3	Lý thuyết (LEC)/ Thảo luận (DIS)/ Ôn tập (REC)/ Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp Tức thì - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO2	
CLO.3	CONT.1	Lý thuyết (LEC)/	- Hỏi đáp Tức thì	M	SO7	

	CONT.3	Thảo luận (DIS)/ Ôn tập (REC)	- Kiểm tra Cuối kỳ			
--	--------	-------------------------------	--------------------	--	--	--

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, H = High hay Cao.

11.43. SOC 151 – Đại cương xã hội học

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
SOC 151 – ĐẠI CƯƠNG XÃ HỘI HỌC
Học kỳ I – năm học 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Bùi Thị Kim Phượng LÊ THANH TÙNG Văn phòng: Phòng 704, Số 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam. Giờ ở Văn phòng: Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 111) Cell: +84-962670817 Email: levubinhnguyen@gmail.com BÙI THỊ KIM PHƯỢNG Văn phòng: Phòng 223, Số 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Giờ ở Văn phòng: Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 223) Cell: +84-985841229 Email: buitkimphuong@dtu.edu.vn	SOC 151 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo khoa:

1. Dong. P.T & Hung. L.N. (1997). *Xã Hội Học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sách Tham khảo:

1. Nghĩa. N. X. (2004). *Phương Pháp Và Kỹ Thuật Trong Nghiên Cứu Xã Hội Học*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà Xuất bản Trẻ.

Mô Tả Môn Học:

Môn đại cương xã hội học bao gồm các kiến thức đại cương về khoa học xã hội học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về: lịch sử hình thành bộ môn xã hội học; sự đóng góp của các nhà xã hội học tiên bối như A.Comte, H.Spencer, E.Dukheim, M.Weber... ; một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học; giới thiệu các phạm trù và khái niệm cơ bản của xã hội học và một số chuyên ngành xã hội học chuyên biệt.

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo chí và Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

--	--	--

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự nội dung và đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Bài đọc
CONT.1	6 giờ	Khái quát lịch sử hình thành xã hội học - Tính tất yếu của sự ra đời xã hội học - Những bậc tiền bối sáng lập XHH - Ý nghĩa	[TEXT 1] pp. 10-18 [TEXT 1] pp. 19-39 [TEXT 1] pp. 39-74
CONT.2	6 giờ	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ xã hội học	[TEXT 1] pp. 77-89 [TEXT 1] pp. 91-113 [TEXT 1] pp. 115-191
CONT.3	6 giờ	Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học	[TEXT 1] pp. 25-38 [REF 1] pp. 37-57 [REF 1] pp. 60-73
CONT.4	18 giờ	Các phạm trù và khái niệm cơ bản của xã hội học	[TEXT 1] pp. 192-210 [TEXT 1] pp. 211-234 [TEXT 1] pp. 250-270
CONT.5	9 giờ	Một số chuyên ngành xã hội học	[TEXT 1] pp. 335-355 [TEXT 1] pp. 370-381 [REF 1] pp. 15-220

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Bài Tập Về Nhà	15 %
Kiểm Tra Giữa Kỳ	15 %
Kiểm Tra Cuối Kỳ	55%
Tổng cộng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Nhận biết* tầm quan trọng của việc nghiên cứu các vấn đề xã hội.

CLO.2 *Chuẩn bị* được kế hoạch cho một cuộc điều tra xã hội học hoàn chỉnh.

CLO.3 *So sánh* các dữ kiện và số liệu xã hội từ các góc nhìn khác nhau.

CLO.4 *Sử dụng* các kỹ thuật thu thập thông tin trong xã hội học để phục vụ cho các nghiên cứu cụ thể

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)

CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) Về nhà Kiểm Tra Giữa Kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO1	
CLO.2	CONT.2 đến CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) Về nhà Kiểm Tra Giữa Kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.3	CONT.2 đến CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) Về nhà Kiểm Tra Giữa Kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.4	CONT.2 đến CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) Về nhà Kiểm Tra Giữa Kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.44. LIN 150 – Dẫn luận ngôn ngữ

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn
LIN 150 – DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC
Học kỳ 1 – Năm học: 2021 - 2022

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	TRẦN HOÀNG THUY LINH LÊ THỊ HẢI Văn phòng: 03 Quang Trung, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: S - 8:00-10:00 Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 207) Cell: +84-70610516 Email: ththuylinhdhsp@gmail.com	LIN 150 Phòng: Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách Giáo Khoa:

- Nguyễn, Giáp T. (chủ biên); Đoàn, Thuật T; Nguyễn, Thuyết M. (2012). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Giáo dục.

Sách Tham khảo:

1. Mác, Ăngghen, Lênin bàn về ngôn ngữ. 1963. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Sự thật. (Lưu trữ tại các Thư viện và Trung tâm học liệu).
2. Mai. Chừ N, Vũ. Nghiệu Đ, Hoàng. Phiến T. 2014. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
3. J. Lyons. 1970. *Linguistique generale*. Paris, Larousse. (Trung tâm học liệu Đại học Huế).
4. F de Saussure. 1973. *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (Lưu trữ tại các thư viện và Trung tâm học liệu)
5. Ju.X.Xtêpanôv. 1977. *Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. (Lưu trữ tại các thư viện và Trung tâm học liệu).

Mô tả Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ học trình bày những tri thức căn bản về bản chất, chức năng, nguồn gốc của ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy; hệ thống và các cấp độ đơn vị của ngôn ngữ; những tri thức tổng quan về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa của ngôn ngữ. Qua đó, học phần này giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học, làm nền tảng cho việc nghiên cứu, học tập các bộ môn của ngôn ngữ học nói chung, tiếng Việt nói riêng trong lĩnh vực Khoa học Xã hội.

Tổ Bộ Môn: Tô Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	Chương 1: Ngôn ngữ và ngôn ngữ học	[TEXT 1] pp. 306-316
CONT.2	Chương 2: Bản chất, chức năng của ngôn ngữ	[TEXT 1] pp. 8-24 [REF 2] pp. 8-33
CONT.3	Chương 3: Hệ thống, cấu trúc của ngôn ngữ	[TEXT 1] pp. 52-59
CONT.4	Chương 4: Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ	[TEXT 1] pp. 25-51 [REF 2] pp. 34-44
CONT.5	Kiểm tra giữa kỳ	
CONT.6	Chương 5: Phân loại ngôn ngữ	[TEXT 1] pp. 289-305 [REF 2] pp. 45-68
CONT.7	Chương 6: Ngữ âm học – Chữ viết	[TEXT 1] pp. 147-213 [REF 2] pp. 69-129
CONT.8	Chương 7: Từ vựng học	[TEXT 1] pp. 60-146 [REF 2] pp. 130-241
CONT.9	Chương 8: Ngữ pháp học	[TEXT 1] pp. 214-

		275 [REF 2] pp. 242-304
CONT.10	Ôn tập Kết thúc học phần	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Kiểm tra Giữa kỳ	25%
Đồ án Nhóm	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	30%
Tổng cộng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Nhận biết* các đơn vị lý thuyết cơ bản của Ngôn ngữ học.

CLO.2 *Phân tích* được bản chất, chức năng, hệ thống – cấu trúc, nguồn gốc và sự phân loại của Ngôn ngữ nói chung, Việt ngữ nói riêng.

CLO.3 *Đánh giá* được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong đời sống. Hướng đến việc sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong giao tiếp.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	L	SO3	
CLO.2	CONT.1 đến CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm	M	SO3	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.10	Thảo luận (DIS) Thực hành (PRA)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.45. LIN 261 – Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp**ĐẠI HỌC DUY TÂN****Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn****LIN 261 – NGỮ ÂM, TỪ VỰNG, NGỮ PHÁP****Áp dụng từ học kỳ 1 – Năm học: 2020 - 2021**

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Trần Hoàng Thùy Linh Bùi Thị Kim Phượng Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: S - 7:00-9:00 Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 207) Cell: +84-706105160 Email: ththuylinhdhsp@gmail.com	Lớp LIN 261 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách Giáo Khoa:

- Đỗ, Châu H. (1996). *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sách Tham khảo:

- Diệp, Ban Q. (2001). *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội
- Đoàn, Thuật T. (2007). *Ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội, Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trương, Nhân T. (2016). *Ngữ pháp cơ bản tiếng Việt*. Thành phố Huế, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Huế.

Mô tả Môn học: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp là ba bộ phận cơ bản của ngôn ngữ. Trong môn học này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng của các thành phần ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt. Có những bài học nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, bài học về cách sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, hiệu quả về mặt giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết), hướng dẫn cách dạy – học ngoại ngữ (trên cơ sở đối chiếu với tiếng Việt).

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	2 giờ	Dẫn luận: Đại cương về tiếng Việt	[TEXT 1] pp. 1-28 [REF 1] pp. 1-79
CONT.2	8 giờ	Ngữ âm tiếng Việt	[TEXT 1] pp. 81-104

CONT.3	12 giờ	Từ vựng tiếng Việt	[TEXT 1] pp. 95-158 [REF 1] pp. 118-134 [REF 2] pp. 118-134
CONT.4	8 giờ	Ngữ pháp tiếng Việt	[TEXT 1] pp. 12-98 [REF 1] pp. 21-38 [REF 3] pp. 18-154

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Bài tập về nhà	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%
Thực hành – Thực tế	15%
Đồ án nhóm	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	45%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 Nhận biết các đơn vị cơ bản của ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt.

CLO.2 Phân tích được giá trị, nội dung ý nghĩa và cấu tạo hình thức của các đơn vị ngữ âm, từ vựng tiếng Việt.

CLO.3 Đánh giá được tầm quan trọng của việc sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp: nói và viết đúng chuẩn ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	L	SO3	
CLO.2	CONT.2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	
CLO.3	CONT.3	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.46. COM 296 – Tranh tài giải pháp

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 296 – Tranh tài giải pháp PBL
Học kỳ I – Năm học: 3

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
DIS: 1 tín chỉ	Th.S Nguyễn Thị Tường Vy Th.S Trương Thị Như Hằng Văn phòng: Phòng 301, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng Ngày, giờ: Tư, 08:00-10:00 Điện Thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 301)	Ngày, giờ: Ba, 13:00-15:00 Phòng: 110B Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa: không**Sách Tham khảo:**

1. Đại học Duy Tân. (2020).*Các trò chơi được lấy từ bộ trò chơi tư duy sử dụng cho sinh viên năm 1*. Đà Nẵng, Việt Nam.

2. *Tập bài giảng học phần Tranh tài giải pháp PBL 296* (2020). Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân

Mô tả Môn học: PBL là chữ viết tắt của Project (problem) - Based Learning – học qua dự án (hoặc học qua giải quyết vấn đề). Sinh viên sẽ được giao dự án (vấn đề) và cùng với đồng đội của mình thực hiện dự án (vấn đề) đó. Thông qua việc sử dụng trò chơi trí tuệ, sáng tạo, sức mạnh tập thể sinh viên có thể rèn luyện một số kỹ năng mềm.

Tổ Bộ Môn: Báo chí – Truyền thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT. 1	3 giờ	Game 1: Trình diễn với rối Game2: Động não	Các game được lấy từ bộ game sử dụng cho sinh viên năm 1 của Trường
CONT. 2	3 giờ	Game 3: Tạo một con thú Game 4: Bài tập tình huống	Các game được lấy từ bộ game sử dụng cho sinh viên năm 1 của Trường
CONT. 3	3 giờ	Game 5: Rao bán mặt trăng Game 6: Chuyển tay nhau vấn đề cần giải quyết	Các game được lấy từ bộ game sử dụng cho sinh viên năm 1 của Trường
CONT. 4	3 giờ	Game 7: Bào chế thuốc Game 8: Trang bị cho phòng ở ký túc xá	- Các game được lấy từ bộ game sử dụng cho sinh viên năm 1 của Trường
CONT. 5	3 giờ	Game 9: Cách mạng hóa năm 2100 TỔNG KẾT MÔN HỌC	Các game được lấy từ bộ game sử dụng cho sinh viên năm 1 của Trường

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Phát biểu, thảo luận (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	5%
Kiểm tra Thường kỳ	25%
Đồ án nhóm	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	30%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Xác định* được cách phân tích thông tin

CLO.2 *Vận dụng* để kích thích sáng tạo, giải quyết tình huống, thuyết trình trước đám đông

CLO.3 *Nhận thức* được vai trò làm việc nhóm

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT. 1 to CONT. 5	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết (LEC) - Thực hành (LAB) - Thảo luận (DIS) - Ôn tập (REC) 	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 5	
CLO.2	CONT. 1 to CONT. 5	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết (LEC) - Thực hành (LAB) - Thảo luận (DIS) - Ôn tập (REC) 	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 6	
CLO.3	CONT. 1 to CONT. 5	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết (LEC) - Thực hành (LAB) - Thảo luận (DIS) - Ôn tập (REC) 	Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO 7	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.47. ART 221 – Photography

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Công nghệ Thông tin
ART 221 – Photography
Học kỳ 1 năm thứ 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 1 tín chỉ LAB: 1 tín chỉ	Th.S Trần Thanh Bình Th.S Hoàng Hà Cơ quan: Phòng 205, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 205)	Ngày, giờ: Chủ nhật, 13:00-16:15 Phòng: 307 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

1. Trần Anh Tiến, *Sách giáo khoa photography*, ĐH Duy Tân, 2018 (Lưu hành nội bộ)
2. Trần Anh Tiến, *Tập thực hành môn Photography*, ĐH Duy Tân, 2018 (Lưu hành nội bộ)

Sách Tham Khảo:

1. FPT – Game Design, NXB FPT, 2015.

Mô Tả Môn Học: Học phần gồm 4 chương được trình bày bằng sự kết hợp giữa phân lý thuyết và thực hành. Trong chương trình này, sinh viên được biết nhiều về tổng quan về ngành nhiếp ảnh cũng như các vấn đề liên quan đến nhiếp ảnh. Môn học này sẽ giúp sinh viên thể hiện tốt khả năng và ý tưởng của mình thông qua một loạt các bài tập từ cơ bản đến nâng cao.

Thông qua các ví dụ mẫu và hệ thống bài tập cũng như thực hành ngay tại lớp cũng như thực hành ngoại cảnh, sinh viên thể hiện được khả năng và ý tưởng của mình trong từng bức ảnh, mỗi sinh viên đều hiểu và vận dụng theo sở thích của mình qua nội dung học như:

- Hiểu biết về cấu tạo và tính năng hoạt động của từng bộ phận của máy ảnh.
- Những yếu tố căn bản trong nhiếp ảnh.
- Các kỹ thuật chụp ảnh chân dung, thời sự, phong cảnh, nghệ thuật ...

Môn học sẽ phục vụ tích cực cho chuyên môn của sinh viên khi ra trường, tạo cho sinh viên lòng yêu thích: yêu thích nhiếp ảnh, nghệ thuật, thiên nhiên, môi trường.. Môn học này rất hữu ích và có tính ứng dụng cao trong cuộc sống, giúp sinh viên tự tin khi sử dụng các loại máy ảnh kỹ thuật số.

Sau khi học xong bộ môn này, sinh viên có thể sử dụng các sản phẩm của mình để kết hợp với những ứng dụng khác như Photoshop, Illustrator, CorelDraw, Flash, 3DsMax, Animation... để tạo ra những sản phẩm mang tính chuyên nghiệp hơn.

Tổ Bộ Môn: Kỹ thuật Mạng		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không	Không	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc	Ghi Chú
CONT .1	3	Máy ảnh số và Nhiếp ảnh số	[TEXT] tr. 1-8	
CONT .2	6	Kỹ thuật chụp ảnh	[TEXT] tr. 8-22 [REF1] tr. 1-35	
CONT .3	4	Ngôn ngữ nhiếp ảnh	[TEXT] tr. 22-55 [REF 1] tr. 36-60	
CONT .4	2	Xử lý ảnh	[TEXT] tr. 55-72 [REF 1] tr. 66-87	
CONT .5	30	Thực hành Nhiếp ảnh ngoài trời	[TEXT] tr. 1-80: Các bài tập thực hành	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	10%
Kiểm tra thường kỳ	15%
Kiểm tra giữa kỳ	20%
Bài tập nhóm	10%
Kiểm tra cuối kỳ	45%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 Xác định được kiến thức cơ bản của nhiếp ảnh, nghệ thuật nhiếp ảnh

CLO.2 Phân tích được bức ảnh đẹp, đúng chuẩn, đúng bố cục

CLO.3 Sử dụng máy ảnh thành thạo, chỉnh sửa ảnh thành thạo, sáng tạo để tạo ra các tác phẩm nhiếp ảnh đẹp.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Quiz - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO3	

		- Bài đọc				
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3	- Giảng bài trên lớp	- Kiểm tra thường kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	
CLO.3	CONT.4 CONT.5	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO3	

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: *L = Low (Thấp)*, *M = Medium (Trung bình)*, *H = High (Cao)*.

11.48. ART 343 – Thiết kế ấn phẩm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Kiến trúc

ART 343 - Thiết kế ấn phẩm

Học kỳ 2 năm thứ 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Phan Thị Duy Hạ Th.S Nguyễn Thị Hạnh Phương Cơ quan: Phòng 203, 3 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 203)	Ngày, giờ: Hai, 13:00-16:15 Phòng: 3 Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

1. *Tập bài giảng Đồ án Thiết kế ấn phẩm* của **Khoa Kiến trúc & Mỹ thuật**.
2. *Nguyên lý Design thị giác*, **Nguyễn Hồng Hưng**, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (tái bản 2017).
3. *Nguyên lý hội họa đen trắng*, **Vương Hoàng Lực**, Nhà xuất bản Mỹ Thuật.

Sách Tham Khảo:

1. *Letterhead and Logo design 10*, **Design Army**, 2009.
2. *Letterhead and Logo design 11*, **Design Army**, 2012.
3. *Layout index: brochure, web design, poster, flyer, advertising, page layout, newsletter, stationery index*, **Jim Krause**, 2001.
4. *The best of business card design*, **Loewy**.

Mô Tả Môn Học: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về đồ họa văn phòng và vai trò, ý nghĩa thực tiễn của ấn phẩm trong đời sống kinh tế-xã hội. Cung cấp phương pháp, nguyên lý để thiết kế bộ ấn phẩm đáp ứng công năng sử dụng và thẩm mỹ trong đời sống kinh tế-xã hội. Thông qua bài tập còn nâng cao kỹ năng vẽ tay và sử dụng phần mềm cho người học.

Tổ bộ môn: Thiết kế đồ họa		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn đồng Hành	Cơ cấu Môn Học
Không	Không	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Số giờ	Nội dung Chủ đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	3	Giới thiệu chung về Đồ họa văn phòng	[TEXT 1] [REF 3]	
CONT. 2	3	Thiết kế danh thiếp	[TEXT 1, 2] [REF 4]	
CONT. 3	3	Thiết kế letterhead	[TEXT 1, 2] [REF 1,2]	
CONT. 4	3	Thiết kế bì thư	[TEXT 1, 2] [REF 3]	
CONT. 5	3	Thiết kế folder	[TEXT 1, 2] [REF 3]	
CONT. 6	3	Thiết kế tờ rơi, brochure	[TEXT 1, 2, 3] [REF 3]	
CONT. 7	3	Thiết kế thiệp mời, thiệp chúc mừng	[TEXT 1, 2, 3] [REF 3]	
CONT. 8	9	Hướng dẫn thực hành đồ án	[REF 3]	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần	15%
Quiz	15%
Kiểm tra giữa kỳ	0%
Bài tập nhóm	0%
Kiểm tra cuối kỳ	70%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Lựa chọn* đối tượng, đề tài nghiên cứu.

CLO.2 *Áp dụng* lý thuyết cơ bản về phương pháp, nguyên lý để xử lý thông tin và tư liệu tiền thiết kế.

CLO.3 *Lập kế hoạch* xây dựng đề cương thiết kế theo tiến độ thời gian.

CLO.4 *Minh họa* ý tưởng thiết kế sơ bộ bằng phương pháp vẽ tay.

CLO.5 *Thiết kế* bằng phần mềm.

CLO.6 *Lập kế hoạch* in ấn, hoàn thiện sản phẩm.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	- Giảng bài theo Sách giáo khoa: cung cấp về mặt nhận thức lý thuyết cơ bản về ấn phẩm văn phòng trong thực tiễn.	- Bài kiểm tra kiến thức cơ bản		SO3	
CLO.2	CONT.1	- Lập hồ sơ nghiên cứu tiền thiết kế: - Tìm hiểu đối tượng - Thu thập thông tin - Xử lý thông tin, tư liệu	- Thảo luận	M	SO3	
CLO.3	CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT.5 CONT.6 CONT.7	- Xây dựng đề cương và định hướng ý tưởng thiết kế; đảm bảo tính đồng bộ thẩm mỹ sản phẩm về mặt: - Đường nét - Bố cục - Màu sắc - Họa tiết	- Bài tập cá nhân - Kiểm tra Cuối kỳ		SO3	
CLO.4	CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT.5 CONT.6 CONT.7	- Minh họa thiết kế sơ bộ bằng phương pháp vẽ tay.	- Bài tập cá nhân - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO3	
CLO.5	CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT.5 CONT.6 CONT.7	- Thể hiện thiết kế bằng phương pháp vẽ trên máy.	- Bài tập cá nhân - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO3	

CLO.6	CONT.8	- Tư vấn in ấn, hoàn thiện hồ sơ thiết kế và sản phẩm.	- Đánh giá sản phẩm cuối kỳ	H	SO3	
-------	--------	--	-----------------------------	---	-----	--

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: *L = Low (Thấp)*, *M = Medium (Trung bình)*, *H = High (Cao)*.

11.49. ID 301 – Thiết kế logo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Kiến trúc

ID 301 - Thiết kế logo

Học kỳ 1 năm 4

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Hoàng Việt Quốc Th.S Nguyễn Văn Cường Cơ quan: Phòng 203, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 203)	Ngày, giờ: Tư, 13:00-16:15 Phòng: 303C Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

1. NXB Bách Khoa HN, Robin Landa, Designing Brand Experiences (Thiết kế trải nghiệm thương hiệu), Việt Nam, 2015.
2. Biểu trưng, Nguyễn Duy Lãm, NXB Mỹ thuật, 1997

Sách Tham Khảo:

1. NXB Văn hóa-Thông tin, Richard Moore, Đầu tư cho Chiến lược Hình ảnh Thương hiệu, Việt Nam, 2009
2. Logo design workbook, Adam Morioka
3. Geometry of design, Kimberly Elam
4. Design Elements – A Graphic style Manual, Timothy Samara
5. Tuyển tập Logo & các kiểu thương hiệu (tập 1,2,3,4,5), Uyên Huy (Huỳnh văn mười), NXB Thống kê, 2002.
6. Bài giảng **Thiết kế Logo**, Nguyễn Thiện Đức, Khoa MTUD, trường ĐHNT – Đại học Huế.
7. Chương trình giáo dục chuyên nghiệp chuyên ngành Đồ họa, trường Đại học MTCN Hà Nội, Nguyễn Gia Bình (biên soạn), 1999.

Mô Tả Môn Học:

Học phần Thiết kế Logo (Biểu trưng) trang bị cho sinh viên những khái niệm chung nhất về Logo (Biểu trưng) và ý nghĩa, vai trò của Logo (Biểu trưng) trong đời sống xã hội; Phân biệt được các dạng thức của Logo (Biểu trưng); Các dạng Logo (Biểu trưng) chung nhất và các hình thức biểu đạt Logo (Biểu trưng) phổ biến; Đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật của biểu trưng; Phương pháp nghiên cứu và quy trình sáng tác thiết kế một Logo (Biểu trưng).

Tổ bộ môn: Kỹ thuật Mạng		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn đồng Hành	Cơ sở đánh giá

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc	Ghi Chú
CONT.1		Những vấn đề chung về thương hiệu và nhận diện thương hiệu	[TEXT] tr. 15-18	
CONT.2		Tổng quan về logo	[TEXT 2] tr. 66-97	
CONT.3		Ngôn ngữ nghệ thuật của logo	[TEXT 2] tr.101-122	
CONT.4		Các hình thức và nguyên tắc thiết kế logo	[TEXT 2] tr.125-166 [REF 2] tr.55-78	
CONT.5		Nghiên cứu tiền thiết kế	[REF 2] tr.88-111	
CONT.6		Thiết kế logo	[TEXT 2] tr.177-190	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần	15 %
Kiểm tra thường kì	30%
Kiểm tra cuối kì	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 Phân biệt được các ngôn ngữ nghệ thuật của logo. Nhận biết được các hình thức và nguyên tắc thiết kế logo

CLO.2 Vận dụng được:

- + Các kiến thức đã học để tạo nên được sản phẩm tốt đạt yêu cầu.
- + Các kỹ năng tư nghiên cứu tiền tốt nghiệp, lên ý tưởng và tư duy sáng tạo nhanh.
- + Các phần mềm thiết kế (như Corel, Illustrator, Photoshop,...) vào trong thiết kế.

CLO.4 Sáng tạo là kỹ năng và cũng là phản xạ mà sinh viên được rèn luyện một cách có phương pháp (qua cách thiết kế sơ đồ tư duy Mind Map, Morphological matrix - sơ đồ ma trận hình thái học) sẽ giúp sinh viên áp dụng hiệu quả vào trong bài tập này, trong các môn học sau cũng như trong cuộc sống.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.2 CONT.5	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Sinh viên tìm tài liệu	- Quizze - Bài tập	L	SO3	
CLO.2	CONT.5	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi - Thực hành - Thảo luận	- Quizzes - Bài tập	H	SO3	
CLO.3	CONT.1 CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi	- Quizzes - Bài tập	M	SO3	
CLO.4	CONT.5 CONT.6	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi	- Quizzes - Bài tập	H	SO3	
CLO.5	CONT.4 CONT.5	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Thực hành	- Quizzes - Bài tập	H	SO3	

11.50. ID 354 – Thiết kế sách

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Kiến trúc
ID 354 – Thiết kế sách
Học kỳ 3 năm 1

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Trần Thanh Bình Th.S Huỳnh Thị Thu Mơ Cơ Quan: Bộ môn đồ họa - Khoa Kiến trúc, Đại học Duy Tân. Ngày, giờ: Hai, 07:00-11:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 203)	Ngày, giờ: Tư, 13:00-16:15 Phòng: 303C Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

- Hà Huy Phương, Sách giáo khoa Tổ chức nội dung và thiết kế trình bày báo in, Học viện báo chí và tuyên truyền, NXB LLCT, Hà Nội, 2006.
- Sách giáo khoa thực hành Maket và trình bày báo, Hội nhà báo Việt Nam.
- Nguyễn Văn Khoa, Kỹ thuật dàn trang và chế bản điện tử, XNB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2009.
- Tim Harrower, The Newspaper Designer's Handbook, Mc Graw Hill, 2002, www.mhhe.com.

Sách Tham Khảo:

- Nguyễn Thu Giang, Thiết kế và trình bày báo in, khoa Báo chí, Trường ĐHQG Hà Nội.
- Nguyễn Thu Giang, 10 thủ thuật thiết kế báo in, khoa Báo chí, Trường ĐHQG Hà Nội
- Alan Swann, Design & Layout (volume 1), NXB Trẻ, 2004.
- Alan Swann, Design & Layout (volume 2), NXB Trẻ, 2004.
- Nguyễn Trân, Nghệ thuật đồ họa, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 1995.

Mô Tả Môn Học:

Học phần Thiết kế sách, báo, tạp chí đề cập đến những vấn đề chung nhất về nguồn gốc, thể loại, quy cách kỹ thuật và hình thức nghệ thuật của sách, báo, tạp chí và vai trò, ý nghĩa của sách, báo, tạp chí trong đời sống xã hội.

Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp, quy trình sáng tác, thiết kế mẫu bìa sách, tạp chí, đầu báo (măng sét), trình bày dàn trang các loại sách, báo, tạp chí và vẽ minh họa tác phẩm văn học thông qua các kỹ năng vẽ tay và kết hợp sử dụng các phần mềm đồ họa máy tính trong dàn trang in ấn.

Tổ bộ môn: Thiết kế Đồ họa		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn Đồng Hành	Cơ sở đánh giá
DMS – 231 Adobe Photoshop ART – 203 Typography		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	5	I. Những vấn đề chung về sách, báo, tạp chí.	[TEXT 1] tr. 2-14 [TEXT 4] tr. 100-112 [REF 7] tr. 15: Đồ họa sách báo	
CONT. 2	5	II. Thiết kế và trình bày sách.	[TEXT 2] tr. 12-15: Các thể loại đồ họa [TEXT 3] tr. 312-329: Thiết kế bìa sách [REF 8] tr.	Bài tập thực hành thiết kế bìa sách.
CONT. 3		III. Thiết kế và trình bày tạp chí.	[TEXT 1] tr. 13-18 (phần thứ Hai) [TEXT 2] tr. 17-19: Maket và trình bày báo [TEXT 3] tr. 330-347: Thiết kế bìa tạp chí [TEXT 4] tr. 14-40 [REF 3] tr. 13-22: Phác thảo trang [REF 4] tr. 58-64 : Các phạm vi thiết kế	Bài tập thực hành dàn trang tạp chí.
CONT. 4	10	IV. Thiết kế và trình bày báo in.	[TEXT 1] tr. 19-20 (phần thứ Hai) [TEXT 3] tr. 111-171: Dàn trang trong Indesign. [TEXT 4] tr. 113-129 [REF 1] tr. Thiết kế và trình bày báo in [REF 2] tr. 10 thủ thuật thiết kế báo in	Bài tập thực hành thiết kế đầu báo.
CONT. 5		V. Vẽ minh họa tác phẩm văn học	[REF 4] tr. 47 [REF 5] tr. 35	Bài tập thực hành vẽ minh họa tác phẩm văn học.
CONT. 6	30	Thực hành Thiết kế sách, báo, tạp chí và vẽ minh họa sách.		Phần thực hành sẽ được thực hiện song song với phần lý thuyết

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	15%
Bài tập nhóm	30%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 : Nhận biết được những vấn đề chung nhất về sự hình thành phát triển và chức năng, vai trò của sách, báo, tạp chí trong đời sống văn hóa – xã hội.

CLO.2 : Phân biệt được các thể loại sách, báo, tạp chí;

CLO.3 : Ghi nhớ đặc điểm, cấu trúc và ngôn ngữ nghệ thuật của sách, báo, tạp chí.

CLO.4 : Phác thảo và **Sáng tạo** được một số bản vẽ minh họa tác phẩm văn học.

CLO.5 : Thực hành quy trình, phương pháp tiến hành **thiết kế**, trình bày và dàn trang các mẫu sách, báo, tạp chí và vẽ minh họa tác phẩm văn học (vẽ bằng tay kết hợp các phần mềm máy tính)

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT 1	- Giảng bài trên lớp - Thảo luận	- Quiz	L	SO3	
CLO.2	CONT 2 CONT 3 CONT 4	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Quizzes	M	SO3	
CLO.3	CONT 2 CONT 3 CONT 4	- Giảng bài trên lớp - Thả	- Quizzes	M	SO3	
CLO.4	CONT 5	- Thực hành	- Kiểm tra Giữa kỳ	H	SO3	
CLO.5	CONT 6	- Thực hành	- Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO3	

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: *L = Low (Thấp)*, *M = Medium (Trung bình)*, *H = High (Cao)*.

11.51. DMS 365 – Video & Audio fundamentals

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Kiến Trúc & Mỹ thuật ứng dụng
DMS 365 - Video & Audio Fundamental
 Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 1 tín chỉ STD: 2 tín chỉ	Th.S Nguyễn Huy Trung Th.S Lê Phương Hiếu Văn phòng: Silver Swallows Studio, Khu B, cơ sở Hòa Khánh Nam Ngày, giờ: theo lịch đơn vị	Theo lịch của Phòng Đào tạo

Sách giáo khoa:

1. Maxim Jago (2019). *Adobe Premiere Pro CC Classroom in a Book Release 2019*. California, American: AGI Creative Team.

2. Wallace Jackson Lompoc (2016). *Digital Video Editing Fundamentals*. California, American: Apess.

Sách tham khảo:

1. Sonja Schenk Ben Long (2017). *The Digital Filmmaking Handbook, Sixth Edition*. Los Angeles, American: Foreign Film Publishing.

Mô tả môn học:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Video-Audio, các phần mềm xử lý phim và âm thanh. Hướng dẫn chức năng sử dụng của công cụ trong phần mềm Adobe Premier. Mỗi công cụ, mỗi phần mềm sử dụng cho mỗi mục đích khác nhau sao cho hiệu quả, mang tính thẩm mỹ cao, tạo các hiệu ứng nghệ thuật cho sản phẩm điện ảnh.

Tổ Bộ Môn: Thiết Kế Đồ Họa		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3 giờ	. Một Số Khái Niệm Về Video_Audio .Nêu Các Khái Niệm. .Thảo Luận, đặt câu hỏi.	[TEXT 2] tr. 68-79 [TEXT 2] tr. 80-86 [REF 1] tr. 49-59 [REF 1] tr. 63-67
CONT.2	3 giờ	.Các Định Dạng Video_Audio . Nêu Các Định Dạng .Thảo Luận, đặt câu hỏi .	[TEXT 1] tr. 79-81 [REF 1] tr. 75-77

CONT.3	2 giờ	<p>. Giới Thiệu Quy Trình Editing Film</p> <p>. Cách Đọc Kịch Bản</p> <p>. Các Bước Editing Phim Trong Adobe Trong Premiere.</p>	<p>[REF 1] tr.26-28</p> <p>[REF 1] tr.393-420</p>
CONT.4	4 giờ	<p>.Các Nguyên Lý Chuyển Cảnh Film (Cut & Transition)</p> <p>.Nêu Các Nguyên Tắc.</p> <p>.Thảo Luận, đặt câu hỏi.</p>	<p>[TEXT 1] tr. 310-311</p> <p>[REF 1] tr.415-417</p>
CONT.5	3 giờ	<p>.Camera Angle</p> <p>. Nêu Các Định Dạng</p> <p>.Thảo Luận, đặt câu hỏi</p>	<p>[REF 1] tr.129-134</p>
CONT.6	20 giờ	<p>.Giới Thiệu Về Adobe Premiere</p> <p>. Giới Thiệu Khái Quát</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>.Thiết Lập Project - SGK - Sequence Trong Adobe Premiere</p> <p>. Hướng Dẫn Công Cụ</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>. Bài Tập Thực Hành</p> <p>.Cách Đưa Dữ Liệu Vào Adobe Premiere</p> <p>. Hướng Dẫn Công Cụ</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>. Bài Tập Thực Hành</p> <p>.Biên Tập -Key Frame -Chuyển Cảnh Trong Adobe Premiere</p> <p>. Hướng Dẫn Công Cụ</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>. Bài Tập Thực Hành</p>	<p>[TEXT 1] tr. 46-61</p> <p>[TEXT 1] tr. 62-84</p> <p>TEXT 1] tr. 86-109</p> <p>[TEXT 1] tr.144-170</p> <p>[TEXT 1] tr.144-170</p> <p>[TEXT 1] tr.259-277</p>
CONT.7	12 giờ	<p>.Hiệu Ứng Trong Adobe Premiere</p> <p>. Hướng Dẫn Công Cụ</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>. Bài Tập Thực Hành</p>	<p>[TEXT 1] tr.346-382</p>
CONT.8	10 giờ	<p>.Làm Màu Trong Adobe Premiere</p> <p>. Hướng Dẫn Công Cụ</p> <p>. Hỏi Đáp</p> <p>. Bài Tập Thực Hành</p>	<p>[TEXT 1] tr.384-425</p> <p>[REF 1] tr.453-473</p>

CONT.9	10 giờ	. Âm Thanh Trong Adobe Premier . Hướng Dẫn Công Cụ . Hỏi Đáp . Bài Tập Thực Hành	[TEXT 1] tr.286-316 [REF 1] tr.424-451
CONT.10	8 giờ	. Xuất File Trong Adobe Premier . Hướng Dẫn Công Cụ . Hỏi Đáp . Bài Tập Thực Hành	[TEXT 1] tr.187-506

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Kiểm tra Giữa kỳ	25%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Nhận biết* kiến thức cơ bản về Video-Audio, các phần mềm xử lý phim và âm thanh

CLO.2. *Phân tích* được bản chất; các thuộc tính của video và audio để vận dụng cho phù hợp trong quá trình sản xuất phim;

CLO.3. *Sử dụng* được các công cụ điều khiển trong phần mềm Adobe premier

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.3 CONT.4 CONT.5	Lý thuyết (LEC)	- Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) - Kiểm Tra Thường Kỳ - Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO3	
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3	Lý thuyết (LEC)	- Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) - Kiểm Tra Thường Kỳ - Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO3	
CLO.3	CONT.6 CONT.7 CONT.8	Thực hành (STD)	- Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>) - Kiểm Tra Thường Kỳ	H	SO3	

	CONT.9 CONT.10		- Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra cuối kỳ			
--	-------------------	--	--	--	--	--

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, H = High hay Cao.

11.52. MKT 251 – Tiếp thị căn bản

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Quản trị Kinh doanh
MKT 251 - Tiếp thị căn bản
Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 3 tín chỉ	TS Đỗ Văn Tín Th.S Nguyễn Thị Thảo Văn phòng: Phòng 201, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng Ngày, giờ: Hai, 07:00-11:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Ba/Năm, 13:00-15:00 Phòng: 101 Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

1. Philip Kotler, Gary Amstrong (2014). *Nguyên lý tiếp thị*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất Bản Lao Động Xã Hội.

Sách Tham khảo:

1. ThS. Trần Thanh Hải (2018). *Sách giáo khoa nội bộ Tiếp thị căn bản*. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam: Trường Đại Học Duy Tân.

Mô tả môn học: Môn học này được nghiên cứu trong 45 giờ (03 tín chỉ), giới thiệu các khái niệm, các nguyên lý cơ bản và tổng quát về quy trình hoạch định, thực thi và kiểm soát tiếp thị trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên được tìm hiểu các kiến thức về hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, hệ thống thông tin tiếp thị, nghiên cứu tiếp thị, phát triển sản phẩm, xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối và chiêu thị cho sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và quốc tế trong xu thế cạnh tranh.

Tổ Bộ Môn: Marketing		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	4 giờ	Những vấn đề cơ bản về marketing	[TEXT 1] tr. 4-45 [REF 1] tr. 1-18
CONT.2	6 giờ	Hành vi mua của khách hàng	[TEXT 1] tr. 233-276 [REF 1] tr. 19-49
CONT.3	5 giờ	Phân đoạn thị trường – Lựa chọn thị trường mục tiêu – Định vị sản phẩm trên thị trường mục tiêu	[TEXT 1] tr. 185-216 [REF 1] tr. 21-29

CONT.4	5 giờ	Hệ thống thông tin marketing	[TEXT 1] tr. 121-160 [REF 1] tr. 69-81
CONT.5	5 giờ	Chiến lược marketing	[TEXT 1] tr. 47-120 [REF 1] tr. 82-102
CONT.6	6 giờ	Chính sách sản phẩm	[TEXT 1] tr. 318- 354 [REF 1] tr. 103-128
CONT.7	4 giờ	Chính sách giá	[TEXT 1] tr. 355- 415 [REF 1] tr. 129-146
CONT.8	4 giờ	Chính sách phân phối	[TEXT 1] tr. 416- 493 [REF 1] tr. 147-166
CONT.9	6 giờ	Chính sách chiêu thị	[TEXT 1] tr. 494- 636 [REF 1] tr. 167-180

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%
Thực hành & Thực tế	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Nhận thức* được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong kinh doanh

CLO.2. *Phát triển* được các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và lập kế hoạch marketing.

CLO.3. *Vận dụng* được kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề, tình huống cơ bản về marketing trong doanh nghiệp

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Giữa kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO2	
CLO.2	CONT.2 đến CONT.9	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO2	
CLO.3	CONT.2 CONT.3 CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO7	

	CONT.6 CONT.9	(DIS)				
--	------------------	-------	--	--	--	--

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.53. LIT 372 – Văn học Phương Tây

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa học Xã hội và Nhân văn
LIT 372 - VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY
 Học kỳ I - Năm học: 2020-2021

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Hoàng Thị Hương Lê Thị Hải Cơ Quan: Phòng 223, Số 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Giờ ở văn phòng: thứ năm (từ 7 giờ - 9 giờ) Tel: +84-511-3827111 (Ext 223) Cell: 0989983208 Email: lethihaituan@gmail.com	LIT 371 A - H, N 09:15-11:15 Phòng 502, 137 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Phòng 802, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam

*** Sách Giáo khoa:**

- Lê, Bắc H., Lê, Cẩm N., Nguyễn, Chi L. (2011). *Giáo trình Văn học Phương Tây*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Giáo dục.
- Nhiều tác giả. (1999). *Văn học Phương Tây*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Giáo dục.

*** Sách tham khảo:**

- Phương, Lựu. (2005). *Phương Lựu tuyển tập* (tập 2). Hà Nội, Việt Nam: Nxb Giáo dục.
- Đặng, Đào A. (2001). *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Mô Tả Môn Học: Trong suốt chiều dài lịch sử, nền văn học phương Tây có tầm ảnh hưởng quan trọng đến diện mạo văn học thế giới; có quan hệ giao lưu ảnh hưởng, tiếp nhận, tiếp biến với văn học Việt Nam. Do vậy, môn học Văn học Phương Tây hướng tới cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Văn học Hi Lạp cổ đại; Văn học Phục hưng; Văn học Cổ điển; Văn học Ánh sáng; Văn học Lãng mạn, Hiện thực thế kỉ XIX; Văn học Hiện đại thế kỉ XX.

Tổ Bộ Môn: Báo chí và Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	6 giờ	Văn học Hi Lạp cổ đại	[TEXT 1] pp. 05-20 [TEXT 2] pp. 09-116
CONT.2	5 giờ	Văn học Phục hưng	[TEXT 1] pp. 31-68 [TEXT 2] pp. 117-238
CONT.3	3 giờ	Văn học Cổ điển	[TEXT 1] pp. 69-81 [TEXT 2] pp. 239-308
CONT.4	4 giờ	Văn học Ánh sáng	[TEXT 1] pp. 82-119 [TEXT 2] pp. 09-116
CONT.5	6 giờ	Văn học Lãng mạn, Hiện thực thế kỉ XIX	[TEXT 1] pp. 121-159 [TEXT 2] pp. 403-596
CONT.6	6 giờ	Văn học Hiện đại thế kỉ XX	[TEXT 1] pp. 160-223 [TEXT 2] pp. 597-887 [REF 1] pp. 21-392 [REF 2] pp. 07-109

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp tức thì</i>)	20%
Đồ án cá nhân	10%
Kiểm tra giữa kỳ	25%
Kiểm tra cuối kỳ	45%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Xác định* được những vấn đề cơ bản nhất của văn học phương Tây.

CLO.2. *Thảo luận* về một số vấn đề trong văn học phương Tây.

CLO.3. *Chuẩn bị* bài phát biểu trước lớp về một chuyên mục trong nền Văn học Hi Lạp cổ đại; Văn học Phục hưng; Văn học Cổ điển; Văn học Ánh sáng; Văn học Lãng mạn, Hiện thực thế kỉ XIX; Văn học Hiện đại thế kỉ XX.

CLO.4. *Phân tích* được một số tác phẩm văn học châu Á một cách khoa học.

CLO.5. *Xây dựng* một buổi tọa đàm chuyên đề trong nền Văn học Lãng mạn, Hiện thực thế kỉ XIX; Văn học Hiện đại thế kỉ XX.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thực hành (LAB) Đồ án (PRJ) Học nhóm (GRP) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp tức thì</i> Đồ án Cá nhân Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.2	CONT.1 đến CONT. 6	Lý thuyết (LEC) Thực hành (LAB) Đồ án (PRJ) Học nhóm (GRP) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Đồ án Cá nhân Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO1	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thực hành (LAB) Đồ án (PRJ) Học nhóm (GRP) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp tức thì</i> Đồ án Cá nhân Kiểm tra giữa kỳ	M	SO1	
CLO.4	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thực hành (LAB)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Đồ án Cá nhân Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ	M	SO1	

		Đồ án (PRJ) Học nhóm (GRP) Thảo luận (DIS)				
CLO.5	CONT.5 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Học nhóm (GRP) Thảo luận (DIS) Đồ án (PRJ) Thực hành (LAB)	Hỏi đáp tức thì Đồ án Cá nhân Kiểm tra giữa kỳ	M	SO1	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.54. COM 335 – Tổ chức sự kiện

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 335 – Tổ chức sự kiện
Học kỳ I – Năm học: 4

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Nguyễn Ngọc Hạnh Mi Th.S Trương Thị Như Hằng Cơ quan: K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 414)	Ngày, giờ: Chủ nhật, 13:00-16:00 Phòng: 307 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo Khoa:

1. Hàn, Ni. (2016), *Viết báo và theo đuổi sự kiện*. TP.HCM, Việt Nam: Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM. Sách tham khảo:

Sách tham khảo:

1. Art of the Event: Complete Guide to Designing and Decorating Special Events, by James C. Monroe, Publisher: John Wiley & Sons, Inc, 2006

Mô Tả Môn Học:

Môn học sẽ tổ chức các nội dung: Tổng quan về tổ chức sự kiện và cách thức triển khai kế hoạch, cách tổ chức và thực hiện một sự kiện hoàn chỉnh. Đây là môn học gắn liền giữa lý thuyết và thực hành. Một bài tập lớn sẽ đi theo suốt môn học để sinh viên làm bài

tập theo nhóm với sự kiện tự chọn trong các loại hình: Hội thảo, họp báo, team building, dựa trên hướng dẫn của giảng viên; Mỗi bài tập gắn liền với từng phần một của sự kiện. Kết thúc môn học các nhóm phải tổ chức được một sự kiện đã xuyên suốt đề tài từ đầu môn.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá	Điều kiện song hành
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	3 giờ	- Tổng quan về tổ chức sự kiện - Các loại hình sự kiện - Mục tiêu và những nội dung cần chú ý trong tổ chức sự kiện	[TEXT 1] pp. 22-27 [REF 1] pp. 99-133 [REF 1] pp. 52-54
CONT. 2	3 giờ	Chọn lựa sự kiện và lập kế hoạch triển khai sự kiện	[TEXT 2] pp. 30-65
CONT. 3	6 giờ	- Phát triển ý tưởng, dự toán ngân sách trong sự kiện - Khảo sát độ khả thi, địa điểm thực hiện sự kiện	[TEXT 2] pp. 70-95
CONT. 4	6 giờ	- Viết đề án và lập kế hoạch thực hiện - Lập dự toán ngân sách và lên kế hoạch quảng bá, xin tài trợ cho sự kiện	[TEXT 1] pp. 241-243
CONT. 5	6 giờ	- Tổ chức và theo dõi sự kiện	[TEXT 1] pp. 232-240
CONT. 6	3 giờ	- Phân tích, kiểm soát các nguồn lực trong tổ chức sự kiện	[TEXT 1] pp. 151-231
CONT. 7	3 giờ	Tổng kết và rút ra các bài học sau sự kiện: quá trình triển khai ý tưởng, khách mời, địa điểm, hỗ trợ sự kiện	[TEXT 1] pp. 151-231

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần	15%
Kiểm tra thường kỳ	30%
Đồ án nhóm	25%
Kiểm tra cuối kỳ	30%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* được các nguyên tắc tổ chức sự kiện để vận dụng tổ chức thành công một sự kiện;

CLO.2. *Phân tích* các phương diện tổ chức các hoạt động sự kiện văn hóa, thương mại tầm quốc gia và quốc tế.

CLO.3. *Sử dụng* một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc nhóm, hợp tác chia sẻ, thuyết trình, đối thoại.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.2	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO3	
CLO.2	CONT.3 to CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đề án nhóm	M	SO6	
CLO.3	CONT.5 to CONT.7	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đề án nhóm	M	SO7	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.55. COM 348 – Thực tập nhận thức

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

COM 348 – Thực tập nhận thức

Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	T.S Hoàng Thị Hường Th.S Trương Thị Như Hằng Cơ Quan: Phòng 201, 3 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 203)	Ngày, Giờ: Hai, 13:00-16:15 Phòng: 301E Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo Khoa: không

Sách tham khảo: không

Mô Tả Môn Học:

Thực tập nhận thức là môn học bước đầu giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc sẽ đảm nhiệm trong tương lai, đồng thời bổ sung những kiến thức đã học trên nhà trường

với thực tiễn công việc sau này, trang bị những kỹ năng cần thiết của những người sẽ đảm nhiệm công tác văn hóa, du lịch.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	15 giờ	Đi thực tế các cơ quan báo chí và công ty truyền thông	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Báo cáo thực tập	100%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* được các cơ quan báo chí, truyền thông đi tham quan;

CLO.2. *Phân tích* các chương trình thực tế;

CLO.3. *Sử dụng* các kỹ năng đã học để áp dụng vào thực tế.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	- Dẫn sinh viên đi thực tế	- Giảng viên kiểm tra sinh viên trên từng buổi thực tế.	L	SO2	
CLO.2	CONT.1	- Hướng dẫn sinh viên nhận diện các chương trình.	- Sinh viên báo cáo về các chương trình được tiếp cận.	M	SO2	
CLO.3	CONT.1	- Hướng dẫn sinh viên thực hành các chương trình.	- Giảng viên chăm báo cáo thực tập	M	SO7	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.56. COM 384 – Nghệ thuật đàm phán

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 384 – Nghệ thuật đàm phán
Học kỳ 2 năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Trương Thị Như Hằng Th.S Nguyễn Thị Thảo Quỳnh Cơ quan: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 08:00-11:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Tư, 13:00-15:00 Phòng: 307 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

1. Sách giáo khoa:

[1]. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Sách tham khảo:

[1]. Dale Carnegie (2019), Đắc nhân tâm, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

[2]. Trần Thúy Anh (2016), Văn hóa du lịch, NXB Giáo dục..

Mô Tả Môn Học:

Học phần trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.

Tổ bộ môn: BC-TT		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Vai Trò Của Môn Học
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2 giờ	Tổng quan chung về kỹ năng đàm phán	[TEXT 1] tr. 1-26
CONT. 2	4 giờ	Các giai đoạn đàm phán	[TEXT 1] tr. 37-57 [REF 1] tr. 17-29
CONT. 3	6 giờ	Hình thức đàm phán	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98
CONT. 4	6 giờ	Cách thức đàm phán	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122
CONT. 5	6 giờ	Kỹ năng đàm phán	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187
CONT. 5	6 giờ	Thực hành và áp dụng kỹ năng đàm phán	[TEXT 1] tr. 175-186 [REF 1] tr. 125-137

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần + thảo luận	20 %
Kiểm tra giữa học kỳ	30%
Thi cuối học kỳ	50 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* cơ bản về Kỹ năng đàm phán Hiểu được khái niệm Kỹ năng đàm phán; Có hiểu biết cơ bản về kỹ năng trong đàm phán; Vai trò của kỹ năng đàm phán trong kinh doanh du lịch

CLO.2 *Phân tích* được nguyên tắc đàm phán, so sánh được các kiểu đàm phán trong hoạt động kinh doanh; các giai đoạn, các công việc, các bước trong đàm phán hợp đồng, các rủi ro và phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng

CLO.3 Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phản biện

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ	L	SO5	
CLO.2	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO5	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	<i>Hỏi đáp Tức thì</i> Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO5	

Ghi chú: Các cấp độ liên hệ: L = Dễ, M = Trung bình, và H = Khó

11.57. COM 435 – Quan hệ công chúng
ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 435 – Quan hệ công chúng
Học kỳ 2 năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	TS Nguyễn Thị Thanh Thảo Th.S Võ Thị Kim Ngân Cơ quan: Phòng 223 , 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-10:00 Điện Thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 414)	Ngày, Giờ: Tư/Sáu, 07:00-10:15 Phòng: 307 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

TS Đinh Thị Thúy Hằng (2007): *PR Kiến thức cơ bản và đạo đức nghề nghiệp*, NXB Lao động -Xã hội.

Sách tham khảo:

Hoàng Xuân Phương, Nguyễn Thị Ngọc Châu (2012): *Phong cách PR chuyên nghiệp*, Alpha Books

TS Đinh Thị Thúy Hằng (chủ biên) (2008), *PR lý luận và ứng dụng*, NXB Lao động – xã hội

David Meerman Scott (2008), *Quy luật mới của PR và tiếp thị*, NXB Trẻ
 Philip Henslowe (2007), *Những bí quyết căn bản để thành công trong PR*, NXB Trẻ

Mô tả môn học:

Môn học gồm 6 chương cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) (định nghĩa; phân biệt PR với các khái niệm liên quan như quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền; vai trò, chức năng, lịch sử phát triển của PR; yêu cầu đối với người làm PR...); các nguyên lý PR; các hoạt động PR; mối quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông... thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông, cách lập danh bạ nhà báo, tổ chức các chương trình cho báo chí, cách tổ chức họp báo, tổ chức hội nghị khách hàng, viết thông cáo báo chí và kỹ năng trình bày, thuyết trình.

Tổ bộ môn: BC-TT		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn đồng Hành	Cơ sở đánh giá

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dungĐề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc	Ghi chú
CONT. 1	4 giờ	Khái quát về Quan hệ công chúng	[TEXT 1] tr. 1-26	
CONT. 2	10 giờ	Xây dựng kế hoạch	[TEXT 1] tr. 37-57	

		PR	[REF 1] tr. 17-29	
CONT. 3	5 giờ	Mối quan hệ giữa PR và Truyền thông	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98	
CONT. 4	5 giờ	PR ứng dụng và các lĩnh vực hoạt động PR chuyên biệt	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122	
CONT. 5	6 giờ	PR trong khủng hoảng truyền thông	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %	Ghi chú
Về nhà	15 %	
Thực hành	15 %	
Kiểm tra giữa kỳ	15%	
Kiểm tra Cuối kỳ	55 %	
Tổng:	100%	

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* khái niệm cơ bản trong PR: định nghĩa, phân biệt PR với các hình thức tương tự khác

CLO.2 *Phân tích* và đánh giá phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông

CLO.3 *Phát triển* kỹ năng tiếp cận và thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT 5	<ul style="list-style-type: none"> Giảng bài trên lớp Thực hành Bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận trên lớp Kiểm tra Giữa kỳ 	S	SO2	
CLO.2	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT 5	<ul style="list-style-type: none"> Giảng bài trên lớp Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận trên lớp Kiểm tra Cuối kỳ 	S	SO2	
CLO.3	CONT.1 CONT.2 CONT.3 CONT.4 CONT 5	<ul style="list-style-type: none"> Giảng bài trên lớp Thực hành Thảo luận Bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> Đề án nhóm Bài tập Về nhà Kiểm tra Cuối kỳ 	M	SO2	

11.58. TOU 411 – Quản trị sự kiện

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
Tou 411 – Quản trị sự kiện
Học kỳ 1 năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Nguyễn Huy Tuấn Th.S Mai Xuân Bình Cơ quan: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Hai, 08:00-10:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Ngày, giờ: Tư/Bảy, 13:00- 15:00 Phòng: 307 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

1. Sách giáo khoa:

[1]. Quản trị sự kiện (sách chuyên khảo) – PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (chủ biên) – NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân 2007

2. Sách tham khảo:

[1]. Ruth Dawson & David Bassett, Event Planning and Management – A practical handbook for PR and events professionals, Kogan Page 2015;

Mô Tả Môn Học:

Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm, nhận dạng được môn quản trị sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện, Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như Năm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các 2 hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

Tổ bộ môn: Quản trị kinh doanh		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	2 giờ	Chương 1: Giới thiệu về Quản trị sự kiện	[TEXT 1] tr. 1-26
CONT. 2	4 giờ	Dự toán ngân sách	[TEXT 1] tr. 37-57 [REF 1] tr. 17-29
CONT. 3	6 giờ	Lập kế hoạch QTSK	[TEXT 1] tr. 68-97 [REF 1] tr. 48-98
CONT. 4	6 giờ	Địa điểm thực hiện sự kiện	[TEXT 1] tr. 105-142 [REF 1] tr. 108-122
CONT. 5	6 giờ	Không gian thực hiện sự kiện	[TEXT 1] tr. 145-174 [REF 1] tr. 124-187
CONT. 5	6 giờ	Tổ chức ăn uống trong sự kiện và các vấn đề quan	[TEXT 1] tr. 175-186 [REF 1] tr. 125-137

	tâm khác	
--	----------	--

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần + thảo luận	20 %
Kiểm tra giữa học kỳ	30%
Thi cuối học kỳ	50 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 *Hiểu biết* về quản trị sự kiện (Event) và công tác – các hoạt động thực tiễn của “tổ chức sự kiện”

CLO.2 *Phân tích* Phân tích, tổng hợp, đo lường, đánh giá được hoạt động “xây dựng kế hoạch quản trị sự kiện”

CLO.3 Phát triển được năng lực giao tiếp, truyền thông chiến lược và kế hoạch hành động một cách hiệu quả đến đối tượng hữu quan và mục tiêu.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	L	SO5	
CLO.2	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO5	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Thực hành & Thực tế Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO5	

Ghi chú: Các cấp độ liên hệ: L = Dễ, M = Trung bình, và H = Khó

11.59. COM 413 – Kỹ năng dẫn chương trình

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

COM 413 – Kỹ năng dẫn chương trình

Học kỳ I – Năm học: 4

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Trương Thị Như Hằng Th.S Nguyễn Ngọc Lệ Chi	Ngày, giờ: Hai, 13:00-16:15 Phòng: 307

Cơ quan: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 414)	Cơ sở: 03 Quang Trung
--	------------------------------

Sách giáo khoa:

1. Đinh, Hằng T.T (2015). *Dẫn chương trình phát thanh truyền hình*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Lý luận Chính trị

Sách tham khảo:

1. Nguyễn, Vu T (2009). *Nghề MC - Dẫn chương trình*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Kim Đồng
2. Dương, Sơn X (2011). *Giáo trình Báo chí Truyền hình*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Ross, Line (2004). *Nghệ thuật thông tin*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Thông Tấn.
4. Lukina, Maria. (2004). *Công nghệ phỏng vấn*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Thông tấn.

Mô tả Môn học:

Môn học đi vào các nội dung sau: những yêu cầu cơ bản đối với người dẫn chương trình, nhiệm vụ của người dẫn chương trình (trong các chương trình tin tức, chương trình trao đổi và chương trình giải trí); các bước chuẩn bị, phương pháp viết lời dẫn, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn...

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	6 giờ	Một số vấn đề chung về người dẫn chương trình	[TEXT 1] pp. 7-25 [TEXT 1] pp.179-194 [REF 1] pp. 8-57
CONT. 2	8 giờ	Phương pháp dẫn chương trình tin tức	[TEXT 1] pp. 37-70 [REF 2] pp. 147-164 [REF 3] pp. 58-72
CONT. 3	8 giờ	Phương pháp dẫn chương trình trao đổi (Talkshow)	[TEXT 1] pp. 71-136 [REF 2] pp. 165-182 [REF 4] pp. 17-174
CONT. 4	8 giờ	Phương pháp dẫn chương trình giải trí	[TEXT 1] pp. 137-178

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Chuyên cần	20%
Kiểm tra thường kỳ	25%
Đồ án nhóm	20%

Kiểm tra cuối kỳ	35%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Hiểu biết* về yêu cầu, nhiệm vụ, cách thể hiện của người dẫn chương trình truyền hình ở nhiều thể loại chương trình khác nhau;

CLO.2. *Viết thành thạo* lời dẫn, sử dụng được các phương tiện trợ giúp và dẫn được một chương trình;

CLO.3. *Nhận thức* được kỹ năng dẫn chương trình là một trong những kỹ năng quan trọng của ngành báo chí, truyền thông.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Thực hành	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Thảo luận trên lớp - Bài tập về nhà	H	SO6	
CLO.2	CONT.2	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Thực hành	- Thảo luận trên lớp - Bài tập về nhà - Kiểm tra thường kỳ	H	SO6	
CLO.3	CONT.3 to CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Thực hành	- Thảo luận trên lớp - Bài tập về nhà - Đồ án nhóm	H	SO7	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.60. JOU 373 – Ngôn ngữ báo chí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
JOU 373 – Ngôn ngữ báo chí
Học kỳ 2 năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	ThS. Nguyễn Thị Lê Dung TS Nguyễn Tiến Vụ Cơ quan: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Sáu, 13:00-15:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 223)	Ngày, giờ: Chủ nhật, 13:00:16:15 Phòng: 210C Cơ sở: Hòa Khánh Nam

1.Sách giáo khoa:

Vũ Quang Hào (chủ biên) (2007) *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Thông tấn, Hà Nội.

2.Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Dương Xuân Sơn- Đinh Văn Hương- Trần Quang (2005), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
3. Hữu Đạt (2001), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Loic Hervoue (1999), *Viết cho độc giả*, Hội Nhà báo Việt Nam, Hà Nội.
5. Hội Ngôn ngữ học Tp Hồ Chí Minh (1999), Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, Trường ĐHKHXH và NV Tp HCM, *Tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông đại chúng*.
6. Nguyễn Tri Niên (2003), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.

Mô Tả Môn Học: Môn học cung cấp kiến thức về ngôn ngữ báo chí, những vấn đề về ngữ dụng, đặc điểm ngôn ngữ trong các loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo trực tuyến), ngôn ngữ tiêu đề báo chí (tít báo) cùng những vấn đề khác có liên quan như xu hướng phát triển của ngôn ngữ báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại.

Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết để viết tin, bài hiện đại về sự kiện, hiện tượng hay là về con người.

Tổ bộ môn: BC-TT		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn Đồng Hành	Cơ cấu đánh giá
		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

STT Nội Dung	Ngày/Giờ	Chủ Đề	Tài Liệu Đọc Liên Quan	Ghi Chú
CONT.1	5 giờ	Ngôn ngữ chuẩn mực của báo chí	[TEXT 1] tr. 7-36	
CONT.2	10 giờ	Một số vấn đề về ngôn ngữ báo chí	[TEXT 1] tr. 37-61	
CONT.3	10 giờ	Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các loại hình báo chí	[TEXT 1] tr. 62-91	
CONT.4	10 giờ	Xu hướng phát triển của ngôn ngữ báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại	[TEXT 1] tr. 92-105	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần	10%
Kiểm tra thường kỳ	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Xác định* được đặc điểm và cấu trúc của ngôn ngữ báo chí.

CLO.2. *Phân tích* được cách thức sử dụng ngôn ngữ của các loại hình báo chí hiện đại.

CLO.3. *Sử dụng* các kỹ năng cần thiết để viết được một tin, bài báo hiện đại được cho là đúng (chuẩn mực) và hay.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 CONT.2	- Giảng bài trên lớp - Bài tập nhóm	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	S	SO2	
CLO.2	CONT.3 CONT.4	- Giảng bài trên lớp - Bài tập nhóm	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	S	SO2	
CLO.3	CONT.5	- Giảng bài trên lớp - Bài tập nhóm	- Bài tập nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	S	SO2	

11.61. LIT 412 – Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

LIT-412-VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

Học Kỳ I – Năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	HOÀNG THỊ HƯỜNG NGUYỄN THÀNH KHÁNH Văn phòng: Phòng , K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam	LIT 412B-H/N 5g45pm- 9g00pm 306, 334/7 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam

	Giờ ở Văn phòng: 5 (13-16) Điện Thoại: +84-511-3827111 (Ext 414) Di Động: 0985841229 Email: buitkimphuong@dtu.edu.vn	
--	---	--

Sách giáo khoa:

1. Nguyen, Manh. Đ. & Nguyen, Long, V. (2002). *Giáo Trình Lịch Sử Văn Học Việt Nam, tập III*, Hà Nội, Việt Nam, Nhà Xuất bản Đại học sư phạm.

Sách Tham khảo:

1. Nguyen, Long, V. (2010). *Giáo Trình Văn Học Việt Nam Hiện Đại, tập II*, Hà Nội, Việt Nam, Nhà Xuất bản Đại học sư phạm.

-Mô Tả Môn Học:

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay, bao gồm quá trình hình thành và phát triển của văn học giai đoạn này, một số tác giả tác phẩm tiêu biểu, từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay trong lịch sử phát triển của văn học dân tộc, làm cơ sở để nhận diện xác thực hơn văn học đương đại. Môn học này cũng giới thiệu sơ lược về văn học ở các thành thị miền Nam giai đoạn 1945-1975.

Tổ Bộ Môn: Báo chí và Truyền thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3 giờ	Những vấn đề chung của VHVN 1945-1975	[TEXT 1] pp. 10-74 [REF 1] pp. 9-27
CONT.2	3 giờ	Thơ Việt Nam 1945-1975	[TEXT 1] pp. 75-153
CONT.3	3 giờ	Tố Hữu	[TEXT 1] pp. 154-190
CONT.4	3 giờ	Chế Lan Viên	[REF 1] pp. 191-245
CONT.5	3 giờ	Văn xuôi Việt Nam 1945-1975	[TEXT 1] pp. 427-472 [REF 1] pp.
CONT.6	3 giờ	Tô Hoài	[TEXT 1] pp. 473-515
CONT.7	3 giờ	Nguyễn Khải	[REF 1] pp. 200-219
CONT.8	4 giờ	Khái quát VHVN từ 1975 đến nay	[REF 1] pp. 220-238
CONT.9	5 giờ	Văn xuôi Việt Nam sau 1975	[[REF 1] pp. 239-261

CONT.10	5 giờ	Nguyễn Minh Châu	[REF 1] pp. 262-283
CONT.11	5 giờ	Thơ Việt Nam sau 1975	[REF 1] pp. 284-307
CONT.12	5 giờ	Xuân Quỳnh	[REF 1] pp. 308-328

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp tức thì</i>)	15%
Đồ án cá nhân	15%
Đồ án nhóm	15%
Kiểm tra cuối kì	55%
Tổng cộng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Mô tả* được quá trình hình thành và vận động của văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

CLO.2. *Phân tích*, giá trị của các tác phẩm văn học, ưu và nhược điểm của các tác giả, tác phẩm văn học giai đoạn này

CLO.3. *Đánh giá* một đối tượng văn học Việt Nam thuộc giai đoạn từ 1945 đến nay và kỹ năng làm việc nhóm.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.8	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Bài đọc	-Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp tức thì</i>) -Đồ án cá nhân -Kiểm tra cuối kì	L	SO1	
CLO.2	CONT.1 đến CONT.12	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Thực hành nhóm	-Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp tức thì</i>) -Đồ án cá nhân -Đồ án nhóm -Kiểm tra cuối kì	M	SO1	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.12	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Bài đọc -Thực hành nhóm	-Đồ án cá nhân -Đồ án nhóm -Kiểm tra cuối kì	M	SO1	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.62. COM 396 – Tranh tài giải pháp

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
COM 396 – Tranh tài giải pháp PBL
Học kỳ I – Năm học: 4

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
PRJ: 1 tín chỉ	Th.S Hồ Thị Ái Phương Th.S Bùi Thị Kim Phượng Văn phòng: Phòng 301, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 301)	Ngày, giờ: Tư, 07:00-11:15 Phòng: 308 Cơ sở: 209 Phan Thanh

Sách giáo khoa:

1. Ngo, Quynh.T.T (2019). *Tài liệu PBL 396*. Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân.

Sách tham khảo:

1. Các tài liệu hỗ trợ viết dự án.
2. Một số website: pbl-online.org, edutopia.org

Mô Tả Môn Học: Môn học Tranh tài giải pháp PBL 396 (Project Based Learning hoặc Program Based Learning) là một môn học mà qua đó sinh viên có thể hệ thống được cơ sở lý thuyết về vấn đề cần nghiên cứu. Giúp sinh xây dựng được mô hình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu. Sinh viên kế thừa làm việc nhóm từ PBL 296 và làm tiền đề chuẩn bị cho PBL 496. Trên cơ sở kết nối kiến thức của toàn bộ chương trình học, sinh viên có thể làm việc theo nhóm, tập thể, cá nhân để tham gia giải quyết các công việc thực tế dưới sự hướng dẫn, cộng tác của các giảng viên. Tất cả các hoạt động để hoàn thành công việc thực tế chủ yếu được thực hiện tại lớp học với các thiết bị hỗ trợ kết hợp với sự tìm hiểu tương tác thực tế thông qua nhiều kênh tìm kiếm khác nhau.

Tổ bộ môn: Báo chí – Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
CUL 296 – Tranh tài giải pháp	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	9 giờ	Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	- [TEXT] pp. 2: Tổng quan về đề tài nghiên cứu
CONT.2	9 giờ	Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu	- [TEXT] pp. 3: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu
CONT.3	15 giờ	Phương pháp nghiên	- [TEXT] pp. 4 -5:

		cứu	Phương pháp nghiên cứu
CONT.4	9 giờ	Kết quả nghiên cứu	- [TEXT] pp. 6: Kết quả nghiên cứu
CONT.5	3 giờ	Kết luận và kiến nghị	- [TEXT] pp. 7: Kết luận và kiến nghị

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Thái độ, chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Đồ án nhóm	90%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Xác định* bản chất và các yếu tố cơ bản trong thực hiện dự án nghiên cứu; cấu trúc báo cáo của một nghiên cứu.

CLO.2. *Phân tích* được mối liên hệ giữa vấn đề nghiên cứu với các nghiên cứu đã công bố.

CLO.3. *Vận dụng* được phương pháp nghiên cứu định lượng phù hợp để giải quyết các vấn đề khoa học phù hợp.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.3	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.2	CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	H	SO2	
CLO.3	CONT.5	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	H	SO6	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.63. COM 496 – Tranh tài giải pháp**ĐẠI HỌC DUY TÂN****Khoa KHXH & NV****COM 496 – Tranh tài giải pháp PBL****Học kỳ I – Năm học: 4**

Số Tín Chỉ	Thông tin Giảng Viên	Thông tin Lớp học
PRJ: 1 tín chỉ	Th.S Ngô Thị Thảo Quỳnh Th.S Lê Thị Hải Văn phòng: Phòng 301, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 301)	Ngày, giờ: Hai/Năm, 17:00-19:15 Phòng: 504C Cơ sở: Hoà Khánh Nam

Sách giáo khoa:**Sách tham khảo:**

1. Ngo, Quynh.T.T (2019). *Tài liệu PBL 496*. Đà Nẵng, Việt Nam: Đại học Duy Tân.
2. Các tài liệu hỗ trợ viết dự án.
3. Một số website: pbl-online.org, edutopia.org

Mô Tả Môn Học: Tranh tài giải pháp PBL 496 là môn học dành cho sinh viên năm cuối. PBL (Project (problem) based learning) - Học qua dự án, đây là phương pháp học tập dựa trên việc người học được giao dự án và cùng với đồng đội của mình thực hiện dự án đó. Đặc biệt quan trọng của PBL là tính chất mở trong quá trình giải quyết vấn đề để hoàn thành sản phẩm. Nhằm giúp cho sinh viên có hướng chọn các đề tài để thực hiện khóa luận tốt nghiệp cũng như phương pháp thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Rèn luyện phương pháp soạn slide báo cáo luận văn và tập làm quen với báo cáo trước hội đồng.

Tổ bộ môn: Báo chí – Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện đồng hành	Cơ sở đánh giá
COM 396 – Tranh tài giải pháp	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3 giờ	Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học	- [TEXT] pp. 2: Tổng quan về đề tài nghiên cứu
CONT.2	9 giờ	Phương pháp khoa học	- [TEXT] pp. 3 : Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu
CONT.3	12 giờ	“Vấn đề” nghiên cứu khoa học	- [TEXT] pp. 4 -5: Phương pháp nghiên cứu
CONT.4	9 giờ	Thu thập tài liệu và đặt giả thuyết	- [TEXT] pp. 6: Kết quả nghiên cứu
CONT.5	3 giờ	Phương pháp thu thập số liệu	- [TEXT] pp. 7: Kết luận và kiến nghị

CONT.6	3 giờ	Cách trình bày kết quả số liệu nghiên cứu	-
---------------	-------	---	---

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Thái độ, chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	10%
Đồ án nhóm	90%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Xác định* bản chất và các yếu tố cơ bản trong thực hiện dự án nghiên cứu; cấu trúc báo cáo của một nghiên cứu.

CLO.2. *Phân tích* được mối liên hệ giữa vấn đề nghiên cứu với các nghiên cứu đã công bố.

CLO.3. *Vận dụng* được phương pháp nghiên cứu định lượng phù hợp để giải quyết các vấn đề khoa học phù hợp.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.2	CONT.3 to CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	H	SO2	
CLO.3	CONT.5 to CONT.6	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	- Hỏi đáp tức thì - Phát biểu thảo luận - Đồ án nhóm	H	SO6	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.64. MKT 364 – Quảng cáo & chiêu thị**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
MKT 364 – Quảng cáo & chiêu thị**

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	Th.S Trần Thanh Hải TS Nguyễn Thị Thanh Thảo Cơ quan: Phòng 201, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 07:00-10:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 201)	Ngày, giờ: Hai, 13:00-16:15 Phòng: 301E Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Sách giáo khoa:

1. Th.S Trần Thanh Hải, Sách giáo khoa nội bộ Quảng cáo và chiêu thị, Trường Đại Học Duy Tân, 2018

Sách tham khảo:

1. Th.S Hoàng Trọng, *Quản trị chiêu thị*, NXB Thống Kê, 2014

Mô Tả Môn Học: Môn học này được nghiên cứu trong 45 giờ, giới thiệu các khái niệm, các nguyên lý cơ bản và tổng quát về tiến trình hoạch định, thực thi và đo lường hiệu quả của chương trình truyền thông marketing.

Bên cạnh đó, sinh viên được tìm hiểu các kiến thức cơ bản về truyền thông marketing, thiết lập mục tiêu, thông điệp, hoạch định ngân sách cho hoạt động truyền thông, các công cụ truyền thông cơ bản, đánh giá hiệu quả của chương trình truyền thông và các xu hướng truyền thông qua Internet.

Tổ bộ môn: quản trị		
Các Môn Tiên Quyết	Các Môn đồng Hành	Cơ cấu đánh giá
MKT 251 – Tiếp thị căn bản	MKT 404 - Hành vi tiêu dùng MKT 402 – Quản trị bán hàng	<input type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc	Ghi Chú
CONT. 1	3h	Tổng quan về truyền thông	[TEXT 1] Tr. 1-14 [REF 1] Tr. 1-33	
CONT. 2	6h	Thiết lập mục tiêu truyền thông marketing	[TEXT 1] Tr. 15-20 [REF 1] Tr. 35-151	
CONT. 3		Thiết kế thông điệp truyền thông marketing	[TEXT 1] Tr. 21-29 [REF 1] Tr. 185-216	
CONT.		Lựa chọn công cụ và phương	[TEXT 1] Tr. 30-61	

4		tiện truyền thông marketing	[REF 1] Tr. 281- 498	
CONT. 5		Quảng cáo	[TEXT 1] Tr. 62-72 [REF 1] Tr. 155 - 276	
CONT. 6		Hoạch định ngân sách truyền thông marketing	[TEXT 1] Tr. 73-78 [REF 1] Tr. 130- 151	
CONT. 7		Đo lường hiệu quả truyền thông marketing	[TEXT 1] Tr. 79 - 83 [REF 1] Tr. 502 - 522	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần và thái độ thảo luận	10%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Bài tập Về nhà	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Phát biểu được các khái niệm cơ bản về truyền thông Marketing, các công cụ của truyền thông marketing

CLO.2. Phân biệt được ưu, nhược điểm của từng công cụ truyền thông và tích hợp các công cụ vào chương trình truyền thông marketing hiệu quả

CLO.3. Biết và vận dụng các phương pháp ngân sách cho chương trình truyền thông marketing của tổ chức

CLO.4. Lập kế hoạch /chương trình truyền thông marketing hiệu quả cho tổ chức

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1.	- Chương 1 - Chương 4 - Chương 5	- Giảng bài trên lớp - Thảo luận - Bài đọc - Thực hành	- Quizzes - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO5	
CLO.2.	- Chương 4 - Chương 5 - Chương 7	- Giảng bài trên lớp - Thực hành	- Quizzes - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO5	
CLO.3.	- Chương 6 - Chương 7	- Giảng bài trên lớp	- Đồ án nhóm - Bài tập Về	M	SO5	

		- Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	nhà - Kiểm tra Cuối kỳ			
CLO.4.	- Chương 1 - Chương 2 - Chương 3 - Chương 4 - Chương 5 - Chương 6 - Chương 7	- Giảng bài trên lớp - Thảo luận - Bài đọc - Thực hành	- Quizzes - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO5	

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: L = Low (Thấp), M = Medium (Trung bình), H = High (Cao).

11.65. COM 483 – Xử lý khủng hoảng truyền thông

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn

COM 483 – XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

Học kỳ I – năm học 2021-2022

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	HOÀNG TRƯỜNG CHI GIAO NGUYỄN TIẾN VỤ Cơ Quan: Thứ Trong Ngày, Giờ: Năm, 7:00-10:15 Điện Thoại: +84-511-3827111 (Ext 414) Di Động: Email: hathi.ngocanh@gmail.com	Lớp COM 483 Thứ Trong Ngày, Giờ: Phòng: Cơ sở:

Giáo Trình:

1. Phan, Cường M.(2018), *Quản trị “khủng bố” trực tuyến và xử lý khủng hoảng truyền thông hiệu quả*. Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nxb Tổng hợp,

Sách tham khảo:

- <https://www.brandsvietnam.com/3967-Nguyen-tac-xu-ly-khung-hoang-truyen-thong>
- <https://advertisingvietnam.com/2018/03/4-buoc-de-xu-ly-khung-hoang-truyen-thong/>
- <https://toppick.vn/marketing/quy-trinh-xu-ly-khung-hoang-truyen-thong-hieu-qua/>

Mô Tả Môn Học: Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết, kỹ năng, phương pháp xử lý giải quyết những vấn đề khủng hoảng truyền thông nhằm giúp tất cả các đơn vị vượt qua được những “đám cháy” để bình ổn và tiếp tục hoạt động.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC VÀ THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	3 giờ	Quản trị vấn đề và quản trị khủng hoảng trong thời đại số	[TEXT1] pp. 2-14
CONT. 2	3 giờ	Khủng hoảng truyền thông là gì?	[TEXT1] pp.15 – 54
CONT. 3	6 giờ	Ngăn ngừa khủng hoảng truyền thông	[TEXT1] pp.55 – 72
CONT. 4	6 giờ tín chỉ	Xử lý khủng hoảng truyền thông	[TEXT1] pp.74- 84
CONT. 5	6 giờ tín chỉ	Các kỹ năng PR	[TEXT1] pp.85- 95
CONT. 6	6 giờ tín chỉ	Tổ chức họp báo	[TEXT1] pp.95- 102

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Về nhà	15 %
Thực hành	15 %
Kiểm tra giữa kỳ	15 %
Kiểm tra Cuối kỳ	55 %
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* thế nào là khủng hoảng truyền thông, những khía cạnh liên quan đến vấn đề xử lý khủng hoảng truyền thông;

CLO.2. *Phân tích* được xử lý khủng hoảng truyền thông;

CLO.3. *Sử dụng* kỹ năng xử lý khủng hoảng là một trong những kỹ năng hết sức quan trọng của ngành báo chí, truyền thông.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO2	

		- Bài đọc (REA)				
CLO.2	CONT.4 to CONT.5	- Giảng lý thuyết (LEC) - Thảo luận (DIS) - Học nhóm (GRP) -	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.3	CONT.6	- Giảng lý thuyết (LEC) - Thảo luận (DIS) - Bài đọc (REA) - Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đồ án nhóm	M	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.66. JOU 335 – Báo in

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
JOU 335 – Báo In (TIẾNG VIỆT)
Áp dụng từ học kỳ I – năm học 2020-2021

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	DƯƠNG XUÂN SƠN VÕ THỊ KIM NGÂN Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: H - 7:00-9:00 Tel.: +84-2363 827 111 (Số nội bộ: 223) Cell: +84-0913403820 Email: kimngandn@gmail.com	JOU 335 – Thứ Hai, Năm 7:00-9:00 Phòng 308, P.712, số 3, Quang trung Đà Nẵng, Việt Nam, Phòng 314, 209, Phan Thanh, Đà Nẵng

Sách Giáo trình:

1. Hà, Phương. H. (2004). *Giáo trình nhập môn báo in*, TP Hà Nội. Học viện Báo chí Tuyên Truyền.

Sách tham khảo:

1. Lazutina.G.V. 2004. *Cơ sở hoạt động sáng tạo của Nhà báo*, TP Hà Nội. NXB Thông tấn.
2. Philippe, Gaillard. 2003. *Nghề làm báo*. TP Hà Nội. Nhà xuất bản Thông tấn.
3. Leonar, Teel.R. 2003. *Bước vào nghề báo* ”.TP Hồ Chí Minh. NXB Trẻ.

Mô Tả Môn Học:

Môn Báo In cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về loại hình Báo In, những đặc trưng của Báo In, một số kỹ năng viết Báo In, trình bày báo, tổ chức tòa soạn Báo In. Quá trình học sinh viên sẽ thực hành viết báo và trình bày sản phẩm Báo In.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	5 giờ	Lịch sử phát triển của báo In. Vai trò của báo in trong lịch sử báo chí.	[TEXT 1] pp. 30-36 [TEXT 1] pp. 83-91
CONT. 2	5 giờ	Các thể loại báo in	[TEXT 1] pp. 116-150 [TEXT 1] pp. 151-231
CONT. 3	5 giờ	Kỹ năng viết báo in	[TEXT 1] pp. 241-243
CONT. 4	5 giờ	Trình bày báo	[TEXT 1] pp. 151-231
CONT. 5	5 giờ	Hệ thống tòa soạn báo in	[TEXT 1] pp. 232-240
CONT. 6	5 giờ	Hướng dẫn thực hành viết và trình bày sản phẩm báo in	[TEXT 1] pp. 240-256

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần	20%
Kiểm tra thường kỳ	25%
Đồ án cá nhân	15%
Đồ án nhóm	20%
Kiểm tra cuối kỳ	20%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO1. *Nắm được* Kiến thức tổng quan về loại hình Báo In

CLO2. *Nhận biết* Đặc trưng của loại hình Báo In

CLO3. *Vận dụng* được một số kỹ năng viết Báo In; trình bày báo; tổ chức tòa soạn Báo In

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
----------------------------	----------------------------	------------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------------------	-----------------------------------

CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) • -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.2	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Học nhóm (GRP) •	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.3	CONT.3 to CONT.6	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đồ án nhóm	M	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.67. JOU 386 – Báo nói

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn
JOU 386 – BÁO NÓI
Học kỳ 1 – năm học 2021 - 2022

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	NGUYỄN TIẾN VỤ HỒ DŨNG Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ, Ngày, Giờ: S - 7:00-10:00 Điện Thoại: +84-236-3827111 (số nội bộ 213) Di Động: +84-985841229 Email: buitkimphuong@dtu.edu.vn	Lớp: JOU 386 Phòng: Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo Khoa:

1. Phân viện báo chí & tuyên truyền – Đài tiếng nói Việt Nam, (2002), *Báo phát thanh*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn hoá – Thông tin.

Sách tham khảo:

1. Nguyễn, Lương Đ, (1993), *Nghề báo nói*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Văn hoá – Thông tin.
2. Học viện báo chí & tuyên truyền – Đài tiếng nói Việt Nam, (2007), *Phát thanh trực tiếp*, Hà Nội, Việt Nam: NXB Lý luận chính trị.

Mô Tả Môn Học:

Môn học đi vào những nội dung như: khái niệm, đặc trưng, kỹ thuật, phương pháp viết, cách trình bày tác phẩm, các thể loại phát thanh; khái niệm, đặc trưng, kết cấu, các dạng

chương trình, phương thức xây dựng chương, xây dựng kịch bản, biên tập chương trình phát thanh; hướng dẫn cách sử dụng phần mềm chỉnh sửa âm thanh trên máy tính, điện thoại; kỹ năng ghi âm, đọc, nói và sản xuất tin, bài trong phát thanh; hướng dẫn thực hiện, sản xuất chương trình phát thanh.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT. 1	3 giờ tín chỉ	Bài 1. Những vấn đề chung về báo phát thanh	[TEXT 1] pp 12 107; pp 141-151 [REF 1] pp. 38- 39
CONT. 2	4 giờ tín chỉ	Bài 2. Phương pháp viết cho báo phát thanh	[TEXT 1] pp. 109-151 [TTTK 1] pp. 44-70
CONT. 3	4 giờ tín chỉ	Bài 3: Kỹ năng làm báo phát thanh	[TEXT 1] pp. 197-206
CONT. 4	3 giờ tín chỉ	Bài 4. Các thể loại báo chí phát thanh	[TEXT 1] pp. 242-259 [TEXT 1] pp. 296 - 311
CONT. 5	3 giờ tín chỉ	Bài 5. Lý luận chung về chương trình phát thanh	[TEXT 1] pp. 216-228 [TEXT 1] pp. 219-221
CONT. 6	3 giờ tín chỉ	Bài 6: Các dạng chương trình phát thanh	[TEXT 1] pp. 219-221 [TEXT 1] pp. 332-349
CONT. 7	4 giờ tín chỉ	Bài 7. Các phương thức sản xuất chương trình phát thanh	[TEXT 1] pp. 225-227 [TEXT 1] pp. 379-394 [REF 2] pp. 138-193
CONT. 8	6 giờ tín chỉ	Bài 8. Xây dựng kịch bản chương trình phát thanh	[REF 2] pp. 140-146

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	15%
Kiểm Tra Thường Kỳ	30 %

Đồ án Nhóm	25 %
Kiểm Tra Cuối Kỳ	30%
Tổng cộng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Mô tả* được khái niệm, đặc trưng, phương pháp viết, cách trình bày văn bản, cách đọc nói, cách ghi âm và những kiến thức cụ thể về tin, bài trong báo phát thanh.

CLO.2. *Phân tích* đặc trưng, các dạng, kết cấu, phương thức xây dựng chương trình, cách lên kịch bản và biên tập chương trình và kỹ năng sử dụng phần mềm máy tính trong tác nghiệp

CLO.3. *Đánh giá*, xây dựng và sản xuất một chương trình phát thanh và kỹ năng làm việc nhóm.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1 đến CONT.6	-Giảng bài trên lớp -Thảo luận -Bài đọc	• Thảo luận trên lớp • Kiểm tra Giữa kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.2 đến CONT.8	-Giảng bài trên lớp -Thực hành	• Thảo luận trên lớp Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	
CLO.3	CONT.1 đến CONT.8	-Giảng bài trên lớp -Thực hành -Thảo luận -Bài đọc	-Đồ án nhóm -Bài tập Về nhà -Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.68. JOU 435 – Báo điện tử

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
JOU 435- BÁO ĐIỆN TỬ
Học kỳ II - Năm học: 2020-2021

Số Tín chỉ	Thông tin Giảng viên	Thông tin Lớp học
LEC: 2 tín chỉ	Nguyễn Công Sáng Nguyễn Thị Lê Dung Văn phòng: Phòng 207, 03 Quang	LỚP: JOU 435 Phòng:..... Cơ sở: 03 Quang Trung, Đà

	Trung, Đà Nẵng Giờ ở Văn phòng: H - 7:00-9:00 Tel.: Cell: Email:	Nẵng, Việt Nam
--	--	----------------

Sách Giáo trình:

1. Nguyễn, Giang T. T. (2010). Báo mạng điện tử - Những vấn đề cơ bản. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Sách Tham khảo:

1. Nguyễn, Giang T. T. (2010). Báo mạng điện tử - Những vấn đề cơ bản. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

2. Nguyễn, Nhiệm T., Nguyễn, Giang T. T. (2012). Báo mạng điện tử - Đặc trưng và phương pháp sáng tạo. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

3. Nguyễn, Giang T. T. (2004). Tổ chức diễn đàn trên báo mạng điện tử. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Mô tả Môn học: Báo Điện tử là một trong 4 loại hình báo chí hiện nay. Môn Báo Điện tử sinh viên được học về lịch sử báo Điện tử, đặc trưng, hạn chế, tổ chức sản xuất và cách viết cho báo Điện tử. Sinh viên sẽ được biết thêm nhiều trường hợp, vấn đề cụ thể trong báo chí, đặc biệt là báo Điện tử.

Tổ Bộ Môn: Tổ Báo Chí & Truyền Thông		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	6 giờ	Quá trình hình thành và phát triển của internet và báo điện tử	[REF 1] pp. 7-61 [REF 2] pp. 9-42
CONT.2	8 giờ	Đặc trưng của báo điện tử	[REF 1] pp. 62-94 [REF 2] pp. 49-89 [REF 3] pp. 56-85
CONT.3	8 giờ	Viết cho báo điện tử	[REF 1] pp. 119-142 [REF 2] pp. 144-165
CONT.4	8 giờ	Mô hình tòa soạn hội tụ và quy trình sản xuất thông tin của báo điện tử	[REF 1] pp. 95-118 [REF 3] pp. 14-44

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức Đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp Tức thì</i>)	20%
Kiểm tra Thường kỳ	25%

Đồ án cá nhân	15%
Đồ án Nhóm	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	20%
Tổng cộng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 *Xác định* một số kiến thức để sáng tạo ra tác phẩm báo mạng điện tử. Đặc biệt, học phần này sẽ đề cập đến đặc trưng và phương pháp sáng tạo các thể loại báo chí trong báo mạng điện tử.

CLO.2 *Phân tích và so sánh* đến những thể loại cụ thể như tin, tường thuật, phỏng vấn, phóng sự, điều tra hay bình luận....

CLO.3 *Vận dụng* những kiến thức đã học để thu thập, xử lý thông tin cho báo điện tử; sử dụng các thiết bị kỹ thuật để sản xuất tin, bài.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	Lý thuyết (LEC)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.2	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	
CLO.3	CONT.3	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO2	
CLO.4	CONT.4	Lý thuyết (LEC) Thảo luận (DIS) Học nhóm (GRP)	Hỏi đáp Tức thì Kiểm tra Thường kỳ Đồ án Nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	M		

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, và H = High hay Cao.

11.69. JOU 439 – Truyền hình

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn
JOU 439 – TRUYỀN HÌNH
Học kỳ 1 – năm 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TRƯƠNG VŨ QUỲNH NGUYỄN TIẾN VỤ Văn phòng: Phòng 223, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Thứ, Ngày, Giờ: S - 7:00-10:00 Điện Thoại: +84-236-3827111 (số nội bộ 213) Di Động: +84-346489437 Email: letrongnghiaqn@dtu.edu.vn	Lớp: JOU 439 Phòng: Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo Khoa:

1. Khoa Phát thanh – truyền hình (2017), *Tác phẩm báo chí truyền hình*. Hà Nội, Việt Nam: Học viện Báo chí & tuyên truyền.

Sách tham khảo:

- Nhật, An. (2006), *Phát thanh truyền hình*. TPHCM, Việt Nam: Nhà xuất bản Trẻ.
- Dương, Sơn. Xuân. (2009), *Giáo trình báo chí truyền hình*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học quốc gia.

Mô Tả Môn Học:

Môn học Truyền hình cung cấp các thông tin cơ bản về ngành truyền hình, một số thể loại chính, các phương pháp làm việc cụ thể ở vị trí các chức danh biên tập, quay phim, đạo diễn. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được làm quen với một số thiết bị, phần mềm thông dụng để sản xuất sản phẩm truyền hình. Từ đó cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về ngành truyền hình và vận dụng sự hiểu biết đó vào hoạt động nghề nghiệp có liên quan.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	3 giờ	Tổng quan truyền hình	[TEXT 1] pp. 1-27
CONT.2	11 giờ	Quy trình sáng tạo sản phẩm truyền hình	[TEXT 1] pp. 28-81

CONT.3	8 giờ	Kỹ năng sáng tạo các loại sản phẩm truyền hình	[TEXT 1] pp. 81-133
CONT.4	8 giờ	Thực hành	[TEXT 1] pp. 133-150

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	% Điểm
Chuyên cần (qua <i>Hỏi đáp tức thì</i>)	20%
Kiểm tra thường kỳ	25%
Đồ án cá nhân	15%
Đồ án nhóm	20%
Kiểm tra cuối kỳ	20%
Tổng	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:

CLO.1. *Nhận biết* được các sản phẩm truyền hình, các xu hướng mới trong ngành truyền hình

CLO.2. *Phân tích* được các thiết bị quay phim, góc quay, cú máy, ánh sáng, nội dung, nguồn tin...trong từng loại sản phẩm truyền hình

CLO.3. *Sử dụng* được thiết bị quay phim, phần mềm dựng phim thông dụng

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.2 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Thực hành (GRP)	- <i>Thực hành</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	H	SO2	
CLO.3	CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	H	SO2	

		-Thực hành (GRP)				
--	--	------------------	--	--	--	--

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.70. LAW 305 – Luật báo chí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Luật

LAW 305 – Luật báo chí

Học kỳ 2 năm 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Đỗ Cảnh Thìn Th.S Trần Quang Trung Cơ quan: Phòng 503, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 503)	Ngày, giờ: Sáu, 13:00-16:15 Phòng: 307 Cơ sở: 03 Quang Trung

Sách giáo khoa:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (2013) *Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước về báo chí*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

Sách tham khảo:

- Luật báo chí*, NXB Lao động, Hà Nội, 2016
-

Mô tả môn học: Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí- các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn). Môn học cũng đề cập đến vấn đề quyền tác giả (qui chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm...) và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí.

Môn học thuộc tổ: luật cơ bản		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
		Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT.1	3	Nhận thức chung về báo chí	[GT 1] tr. 39 - 54: Nội dung, nhiệm vụ quản lý nhà nước về báo chí [TLTK 1] tr. 16 – 36: Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân; Cơ quan báo chí; Người đứng đầu cơ quan báo chí; Nhà báo
CONT.2	6	Pháp luật	[GT 1] tr. 150 – 166: Cơ sở pháp lý của báo chí

		về báo chí	Việt Nam; Tình hình thực hiện Luật báo chí hiện nay [TLTK 1] tr. 36 - 75: Hoạt động báo chí
CONT.3	6	Trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí	[GT 1] tr. 317 – 321: Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm [TLTK1] tr. 76 - 77: Xử lý vi phạm trong hoạt động báo chí

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần	10%
Kiểm tra thường kỳ	10%
Kiểm tra giữa kỳ	25%
Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1: *Xác định* kiến thức cơ bản, hệ thống về pháp luật về báo chí, quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí, các khái niệm cũng như các quy định pháp luật cụ thể về hoạt động báo chí; trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí, nhà báo, độc giả, khán thính giả;... trong lĩnh vực báo chí.

CLO.2 *Phân tích* được những vấn đề liên quan giữa luật báo chí với nghiệp vụ báo chí. Biết ứng xử hợp pháp khi tác nghiệp và làm công tác chuyên môn của nhà báo hay quản lý cơ quan báo chí sau khi ra nghề.

CLO.3 *Sử dụng* được các kiến thức của môn học vào việc thực hành nghề nghiệp một cách vững chắc. Hiểu đúng về nghề báo và có thái độ đúng đắn trong quá trình tác nghiệp

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT. 1 đến CONT. 3	Giảng bài trên lớp Thực hành Bài đọc Tương tác trực tiếp	Quiz Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO1	
CLO.2	CONT. 2 đến CONT. 3	Giảng bài trên lớp Thảo luận Bài tập nhóm	Quizzes Kiểm tra thường kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO1	
CLO.3		Giảng bài trên lớp	Bài tập nhóm	H	SO1	

	CONT. 3	Thảo luận Bài tập tình huống	Kiểm tra Cuối kỳ			
--	---------	---------------------------------	---------------------	--	--	--

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, and H = High hay Cao.

11.71. COM 423 – Điều tra & phóng sự
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
COM 423 – ĐIỀU TRA PHÓNG SỰ
Học kỳ I – năm học 2021-2022

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Nguyễn Đức Vinh Nguyễn Công Sáng Cơ Quan: Thứ Trong Ngày, Giờ: Điện Thoại: +84-511-3827111 (Ext 414) Di Động: Email: nguyenhonglam@gmail.com	Lớp COM 423 Phòng Cơ sở: Đà Nẵng, Việt Nam

Sách giáo Khoa:

1. Huỳnh, Nhân D. (2015), *Để viết phóng sự thành công*. NXB Tổng hợp TPHCM

Sách tham khảo:

- Đức, Dũng (2004), *Phóng sự báo chí hiện đại*. Hà Nội, NXB Thông tấn.
- Nhiều tác giả (2005), *Thể loại báo chí*. NXB ĐHQG TPHCM.

Mô Tả Môn Học: Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thực hành nghề báo, cụ thể các kỹ năng viết phóng sự và điều tra. Ngoài ra học phần này còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng khác như kỹ năng phỏng vấn, thu thập thông tin để viết bài, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng bảo vệ bản thân...chuẩn bị để thực hành nghề báo.

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung đọc
CONT.1	10 giờ	Tìm hiểu về phóng sự	[TEXT1] pp. 381-385
CONT.2	10 giờ	Kỹ thuật viết phóng sự	[TEXT1] pp. 385-388
CONT.3	10 giờ	Điều tra	[TEXT1] pp. 388-394

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
--------------------	------------------

Chuyên cần	15%
Bài tập Về nhà	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. Xác định được các thể loại báo chí: điều tra và phóng sự

CLO.2. Phân tích được các đặc trưng cơ bản của điều tra và phóng sự để thực hành nghề báo

CLO.3. Sử dụng được các kỹ năng điều tra và phóng sự để viết bài điều tra và phóng sự.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO2	
CLO.2	CONT.2	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đồ án nhóm	M	SO2	
CLO.3	CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đồ án nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	M	SO2	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.72. COM 385 – Nhận dạng thương hiệu

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

COM 385 – Nhận dạng thương hiệu

Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Hoàng Trương Chi Giao Th.S Nguyễn Quốc Khánh	Ngày, Giờ: Hai, 13:00-16:00 Phòng: 307

Cơ quan: Phòng 223, K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Ba, 09:00-11:00 Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 223)	Cơ sở: 03 Quang Trung
--	------------------------------

Sách giáo Khoa:

1. Riobook.(2021), *Nhận diện thương hiệu*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: NXB Lao Động.

Sách tham khảo:

1. . Riobook.(2021), *Brand&Bricks Xây dựng thương hiệu từ những viên gạch đầu tiên*. Thành phố Hà Nội, Việt Nam: NXB Lao Động.

Mô Tả Môn Học: Môn học cung cấp kiến thức về thương hiệu: khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển, xây dựng thương hiệu, quá trình phát triển thương hiệu, chức năng của thương hiệu, bộ nhận diện thương hiệu, định vị thương hiệu, tầm quan trọng của nhận diện thương hiệu đối với doanh nghiệp, lập chiến lược cho thương hiệu, thiết kế nhận diện thương hiệu, các điểm chạm thương hiệu, quản trị thương hiệu,....

Tổ Bộ môn: Báo chí & Truyền thông		
Điều kiện tiên quyết	Điều kiện song hành	Cơ sở đánh giá
Không có	Không có	Không có

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc
CONT.1	4 giờ	Khái niệm thương hiệu; Chức năng của thương hiệu	[TEXT 1] pp. 17-25 [REF 1] PP. 18-27
CONT.2	4 giờ	Lịch sử hình thành và phát triển thương hiệu; Một số thương hiệu phổ biến	[TEXT 1] pp. 17-23
CONT.3	20 giờ	Nhận diện thương hiệu	[TEXT 1] pp. 25-205 [REF 1] PP. 33-195
CONT.4	2 giờ	Quản trị thương hiệu	[REF 1] pp. 196-223

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% Điểm
Chuyên cần	15%
Kiểm tra thường kỳ	30%
Đồ án nhóm	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	35%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1. *Xác định* khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển, xây dựng thương hiệu, quá trình phát triển thương hiệu.

CLO.2. *Phân tích* kỹ năng để xây dựng và phát triển thương hiệu tốt hơn.

CLO.3. *Sử dụng*

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	CONT.1	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ	L	SO 4	
CLO.2	CONT.2 to CONT.3	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Kiểm tra thường kỳ - Đề án nhóm	M	SO 4	
CLO.3	CONT.2 to CONT.4	-Giảng lý thuyết (LEC) -Thảo luận (DIS) -Bài đọc (REA) -Học nhóm (GRP)	- <i>Hỏi đáp tức thì</i> - Đề án nhóm	M	SO 7	

Note: For level of Coverage: L = Low, M = Medium, and H = High

11.73. MKT 404 – Hành vi tiêu dùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn MKT 404 – Hành vi tiêu dùng Học kỳ 2 năm 2

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	TS Nguyễn Huy Tuân Th.S Nguyễn Phúc Kim Chuyên Cơ quan: Phòng 201, 254 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 13:00-15:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 201)	Ngày, giờ: Năm, 07:00-10:15 Phòng: 314 Cơ sở: 254 Nguyễn Văn Linh

Sách giáo khoa:

1. Th.S Trần Thanh Hải, *Sách giáo khoa nội bộ Hành vi tiêu dùng*, Trường Đại Học

Duy Tân, Đà Nẵng, 2018

Tài Liệu Tham Khảo:

1. TS. Vũ Huy Thông, *Hành vi người tiêu dùng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2014
2. TS. Nguyễn Xuân Lân, *Hành vi tiêu dùng*, ĐH Kinh tế Đà Nẵng, NXB Tài chính, 2010

Mô Tả Môn Học:

Hành vi tiêu dùng được coi là một trong những môn học chính yếu của chuyên ngành Marketing. Phần lớn những thành công về Marketing của doanh nghiệp có liên quan đến những nỗ lực nhằm chiếm lĩnh những nhóm khách hàng mục tiêu trên cơ sở hiểu biết và thoả mãn những nhu cầu và mong muốn của họ. Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về hành vi tiêu dùng của khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức

Nội dung môn học tập trung vào các lý luận khoa học về hành vi tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi tiêu dùng trong marketing. Trong đó, phân tích một số mô hình hành vi mua và ứng dụng của chúng trong nghiên cứu hành vi tiêu dùng, các giai đoạn trong quá trình mua của người tiêu dùng; phân tích các nhóm nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng

Tổ bộ môn: Quản trị		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
MKT 251 – Tiếp thị căn bản		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT. 1	3	Tổng quan về hành vi tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 1-22 - [REF 1] Tr. 20-70
CONT. 2	6	Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến hành vi người tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 23-30 - [TEXT 1] Tr. 78- 118
CONT. 3	4	Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến hành vi người tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 31-36 - [REF 1] Tr. 122- 223
CONT. 4	5	Ảnh hưởng của yếu tố cá nhân đến hành vi người tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 37-43
CONT. 5	6	Ảnh hưởng của yếu tố tâm lý đến hành vi người tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 44-50
CONT. 6	5	Tiến trình quyết định mua của người tiêu dùng	- [TEXT 1] Tr. 51-57
CONT. 7	6	Hành vi tiêu dùng của khách hàng tổ chức	- [TEXT 1] Tr. 58-64

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần & Thái độ	10%
Bài kiểm tra thường kỳ	10%
Kiểm tra Giữa kỳ	15%

Đề tài thảo luận nhóm	10%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng hành vi khách hàng trong hoạt động kinh doanh

CLO.2. Phát triển được các kỹ năng nghiên cứu tài liệu, báo cáo, và phân tích tình huống kinh doanh.

CLO.3. Vận dụng được kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề, tình huống hành vi mua khách hàng trong hoạt động marketing của doanh nghiệp

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức Đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	Từ CONT.1 Đến CONT. 7	Giảng bài trên lớp Thực hành Thảo luận Bài đọc	Kiểm tra Giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO4	
CLO.2	Từ CONT.1 Đến CONT. 6	Giảng bài trên lớp Thảo luận nhóm	Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO4	
CLO.3	Từ CONT.2 Đến CONT.6	Giảng bài trên lớp Thực hành Thảo luận Bài đọc	Thảo luận nhóm Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO4	

Ghi chú: Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: L = Low (Thấp), M = Medium (Trung bình), H = High (Cao).

11.74. IS 381 – Thương mại điện tử

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Quản trị kinh doanh

IS 181 – Thương mại điện tử

Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 3 tín chỉ	TS Vũ Tuấn Hà Th.S Nguyễn Thị Tuyên Ngôn	Ngày, Giờ: Tư, 13:00-16: Phòng: 303C

	Cơ quan: Phòng 201, 182 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 07:00-09:00 Điện thoại: (+84) 236-3650-403 (số nội bộ: 128)	Cơ sở: Hòa Khánh Nam
--	--	-----------------------------

Sách giáo khoa:

1. Lê Hoàng Thiên Tân (2019), Sách giáo khoa nội bộ Thương Mại Điện Tử, Đại học Duy Tân

sách tham khảo:

1. TS Nguyễn Văn Hùng (2018), Thương Mại Điện Tử, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
2. TS Bùi Văn Danh (2017), Thương Mại Điện Tử, NXB Phương Đông.
3. Colin Combe (2016) , Introduction to E-Business, Management and Strategy, Elsevier.

Tài liệu tham khảo Điện tử :

<http://thuvienso.duytan.edu.vn/handle/123456789/2643>

Mô tả môn học:

Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến thương mại điện tử . Trên cơ sở đó , đi sâu vào tìm hiểu các kiến thứ như: khái niệm chung về thương mại điện tử, lịch sử hình thành, thực trạng phát triển, lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử; Triển khai công việc kinh dooanh trên Internet, quy trình triển khai thương mại điện tử; Thanh toán điện tử, mô hình B2C, B2C; Tổng quan về Marketing điện tử; An toàn trong giao dịch thương mại điện tử, vấn đề an ninh và biện pháp phòng chống; Vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử, luật giao dịch điện tử của Việt Nam và một số vấn đề xuất trình chứng từ điện tử trong thanh toán quốc tế.

Tổ bộ môn:		
Điều kiện Tiên Quyết	Điều kiện Song Hành	Cơ sở đánh giá
		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội Dung Đề mục	Thời lượng	Chủ Đề	Nội dung đọc	Ghi Chú
CONT. 1	8 giờ	Tổng quan thương mại điện tử	[TEXT 1]: Tr. 5-20 [REF 1]: Tr. 13-62	
CONT. 2	8 giờ	Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử	[TEXT 1]: Tr. 21-62 [REF 1]: Tr. 99-218 [REF 2]: Tr. 56-83	
CONT. 3	8 giờ	Tổ chức trong giao dịch thương mại điện tử	[TEXT 1]: Tr. 63-93 [REF 1]: Tr. 221-291 [REF 2]: Tr. 144-179	
CONT. 4	8 giờ	An toàn trong thương mại điện tử	[TEXT 1]: Tr. 95-118 [REF 1]: Tr. 293-390	

CONT. 5	8 giờ	Vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử	[TEXT 1]: Tr. 119-144 [REF 1]: Tr. 393-486 [REF 2]: Tr. 315-377	
CONT. 6	8 giờ	Marketing trực tuyến	[TEXT 1]: Tr. 137-154 [REF 1]: Tr. 489-540	

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	10%
Thực hành & Thực tế	15%
Kiểm tra Giữa kỳ	20%
Kiểm tra Cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1. *Hiểu rõ* bản chất của thương mại điện tử và đánh giá được tầm quan trọng của thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

CLO.2. *Nhận thức* vấn đề triển khai kinh doanh trên Internet và thanh toán điện tử

CLO.3. *Vận dụng* được kiến thức môn học để thực hiện thanh toán điện tử, marketing điện tử, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử.

CLO.4. *Phát triển* các kiến thức và kỹ năng quan trọng trong giao dịch thương mại điện tử.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs) VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	- CONT. 1 - CONT. 2 - CONT. 3 - CONT. 4 - CONT. 5 - CONT. 6	- Hỏi – đáp - Nêu và Giải quyết vấn đề	- Thái độ, Thảo luận - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	L	SO 2	
CLO.2	- CONT. 1 - CONT. 2	- Hỏi – đáp - Tình huống - Mô phỏng thực tế	- Thái độ, Thảo luận - Kiểm tra Giữa kỳ	M	SO 2	

	- CONT. 3		- Kiểm tra Cuối kỳ			
CLO.3	- CONT. 1 - CONT. 2 - CONT. 3 CONT. 4	- Hỏi – đáp - Tình huống - Vận dụng thực tế	- Thái độ, Thảo luận - Thực hành nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	M	SO 7	
CLO.4	- CONT. 1 - CONT. 2 - CONT. 3 - CONT. 4 - CONT. 5 - CONT. 6	- Hỏi – đáp - Tình huống - Vận dụng thực tế	- Thái độ, Thảo luận - Thực hành nhóm - Kiểm tra Giữa kỳ - Kiểm tra Cuối kỳ	H	SO 7	

11.75. ID 413 – Thiết kế poster 1

ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Kiến trúc & Mỹ thuật ứng dụng
ID 413 – Thiết kế poster 1
Học kỳ: 1 năm 4

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S Lương Xuân Hiếu Th.S Trần Thanh Bình Cơ Quan: Phòng 203, 03 Quang Trung, Đà Nẵng, Việt Nam Ngày, giờ: Năm, 08:00-10:00 Giờ: Điện thoại: (+84) 511-3827-111 (số nội bộ: 203)	Ngày, Giờ: Tư, 13:00-16:15 Phòng: 303C Cơ sở: Hòa Khánh Nam

Giáo giáo khoa:

1. John Foster, *New master of Poster design*, Rockport, 2008.

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Alan Swann, *Design & Layout 1&2 (Ý tưởng – Bố cục & thể hiện)*, NXB Trẻ, 2003.

Mô tả môn học:

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lịch sử hình thành và phát triển của Poster Quảng cáo – Thương mại, các yếu tố cấu thành nên Poster, nguyên tắc cơ bản thiết kế Poster. Mục đích của môn học là trang bị tốt cho sinh viên về kiến thức

và phương pháp thiết kế. Thông qua những bài thực hành chuyên sâu sinh viên có thể dễ dàng thiết kế được Poster cho một công ty/cá nhân/tổ chức/tập đoàn.

Tổ bộ môn: Kỹ thuật Mạng		
Các Môn Tiên Quyết	Các môn đồng hành	Vai Trò Của Môn Học
DMS 221 – CorelDraw & Adobe Illustrator DMS 231 – Adobe Photoshop		<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc
CONT. 1	5	Lịch sử hình thành và phát triển Poster Quảng cáo – Thương mại	[TEXT 1] pp. 1-12 [REF 1] pp. 6-9
CONT. 2	5	Những yếu tố cấu thành Poster Quảng cáo – Thương mại	[TEXT 1] pp. 13-58 [REF 1] pp. 10-30
CONT. 3	5	Các nguyên tắc cơ bản thiết kế Poster Quảng cáo – Thương mại	[TEXT 1] pp. 59-113 [REF 1] pp. 31-58
CONT. 4	5	Thủ pháp xây dựng ý tưởng Poster Quảng cáo – Thương mại	[TEXT 1] pp. 114-203 [REF 1] pp. 59-120
CONT. 5	5	Phương pháp thiết kế Poster Quảng cáo – Thương mại	[TEXT 1] pp. 204-216 [REF 1] pp. 121-133
CONT. 6	5	Những lưu ý khi đánh giá Poster Quảng cáo – Thương mại “Thành công”	[REF 1] pp. 145-160

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	Trọng số điểm, %
Chuyên cần	15 %
Kiểm tra thường kì	30%
Kiểm tra cuối kì	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

Khi kết thúc môn học này, sinh viên sẽ có khả năng:

CLO.1 Nhận biết được lịch sử hình thành - phát triển của Poster, khái niệm Poster, chức năng của Poster và các yếu tố cấu thành nên Poster quảng cáo – thương mại.

CLO.2 Phân tích được các vấn đề như: nguyên tắc, thủ pháp, các phương pháp thiết kế và những lưu ý cần thiết để tạo ra một Poster.

CLO.3 Vận dụng các kiến thức đã học để bắt đầu nghiên cứu tiền thiết kế, lên kế hoạch sáng tác thiết kế và in ấn, thiết lập hồ sơ cho sản phẩm.

CLO.4 Sử dụng được các phần mềm thiết kế như Corel, Illustrator, Photoshop,... để thiết kế.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)
VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)**

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng dạy	Hình thức đánh giá	Mức độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn Kiểm định (nếu có)
CLO.1	ND.1 ND.2	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Sinh viên tìm tài liệu	-Quizze -Bài tập		SO5	
CLO.2	ND.3 ND.4 ND.5 ND.6	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi - Thực hành - Thảo luận	-Quizzes -Bài tập		SO5	
CLO.3	ND.2 ND.3 ND.4 ND.5 ND.6	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi	-Quizzes -Bài tập		SO5	
CLO.4	ND.5	- Giảng bài trên lớp - Trình chiếu Slide - Chơi trò chơi	-Quizzes -Bài tập		SO5	

Ghi chú: Các Mức độ Bao quát: L = Low hay Thấp, M = Medium hay Trung bình, and H = High hay Cao.

11.76. DMS 464 – Filmmaking, video & media practices

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Kiến trúc & Mỹ thuật ứng dụng

DMS 464 – Filmmaking, video & media practices

Học kỳ II – Năm học: 3

Số Tín Chỉ	Thông Tin Về Giảng Viên	Thông Tin Về Lớp Học
LEC: 2 tín chỉ	Th.S. Đặng Ngọc Cường Th.S Đỗ Thành Bảo Ngọc Cơ Quan: Ngày, giờ: Ba, 09:00-11:00 Điện thoại:	Ngày, giờ: Phòng: Cơ sở:

Sách giáo khoa:

1. Marco Antonio Torres And Ross Kallen, *A Curriculum For Digital Media Creation*, Sponsored By Atrle Inc, USA, 2008, 84 Pages.

Sách tham khảo:

1. Rudolf Arnheim, Film As Art, ISBN: 0-520-24837-6, The Regents Of The University Of California, 1997, 237 Pages.

Mô tả môn học:

Môn học sẽ bao gồm các bài giảng, thảo luận, phê bình, thuyết trình và thiết kế sáng tạo liên quan đến kịch bản, kỹ thuật và thực hành làm phim. Cung cấp một số nội dung khái quát về lịch sử điện ảnh và truyền hình, các khái niệm trong quá trình làm phim, các kỹ thuật và hiệu ứng trong phim, và các quy tắc bố cục, cỡ cảnh trong quá trình làm phim. Việc tham gia thảo luận và phê bình rất quan trọng đối với sự thành công của lớp học. Kết quả cuối khóa học sinh viên sẽ nắm được phương pháp viết kịch bản và kỹ thuật quay cũng như xử lý hậu kỳ trong quá trình làm hoàn thành một đoạn phim từ đó ứng dụng vào các lĩnh vực liên quan đến điện ảnh, truyền hình và quảng cáo truyền hình.

Bộ môn: Thiết kế Đồ họa		
Điều kiện Tiên quyết	Điều kiện Đồng hành	Cơ sở Đánh giá
Không	Không	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (R) <input type="checkbox"/> Tự chọn theo cụm (SE) <input type="checkbox"/> Tự chọn (E)

NỘI DUNG ĐỀ MỤC & THỜI KHÓA

Thứ tự Nội dung Đề mục	Thời lượng	Chủ đề	Nội dung Đọc	Ghi chú
CONT. 1	2	Truyền thông là gì	[TEXT 1] tr. 13-16: Media Literacy	
CONT. 2	3	- Phim, truyền hình và video - Quảng cáo và tiếp thị	[TEXT 1] tr. 17-20- Film, Television and Video [TEXT 1] tr. 21-25: Advertising, Marketing	
CONT. 3	5	Kịch bản và kịch bản phân cảnh	[REF 1] tr. 19-32: From Script to Storyboard	
CONT. 4	5	Kỹ thuật biên tập và tạo hiệu ứng phim	[REF 2] tr. 2 -12: Life Filming Techniques Stories From Behind The Scenes	
CONT. 5	30	Thực hành làm phim	[TEXT 1] tr. 29-33: Final Project [REF 3] tr. 181 -187: Motion	Phần thực hành sẽ được thực hiện xen kẽ với thời gian học từng phần lý thuyết

CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Hình Thức Đánh Giá	% điểm
Chuyên cần	15%
Kiểm tra giữa kỳ	30%

Kiểm tra cuối kỳ	55%
Tổng:	100%

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC

Ngay khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

CLO.1 : Ghi nhớ khái quát về truyền thông đa phương tiện. Các khái niệm về điện ảnh và truyền hình.

CLO.2 : Phân biệt được phim, truyền hình và video. Các hình thức quảng cáo tiếp thị

CLO.3 : Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng kịch bản và kịch bản phân cảnh

CLO.4: Có khả năng **ứng dụng các phần mềm**, biên tập phim

CLO.5: Có khả năng **thiết kế**, ra những tác phẩm phim, phim quảng cáo, MV ca nhạc...

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (CLOs)

VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH (SOs)

Chuẩn Đầu ra Môn học	Chủ đề trong Môn học	Hình thức Giảng Dạy	Hình Thức Đánh Giá	Mức Độ Bao quát	Chuẩn đầu ra chương trình	Chuẩn kiểm định (nếu có)
CLO.1	Truyền thông là gì	- Giảng bài trên lớp - Bài đọc	- Quiz	L	SO6	
CLO.2	- Phim, truyền hình và video - Quảng cáo và tiếp thị	- Giảng bài trên lớp - Bài đọc	- Quiz	M	SO6	
CLO.3	Kịch bản và kịch bản phân cảnh	- Giảng bài trên lớp - Thực hành - Thảo luận - Bài đọc	- Bài tập cá nhân	H	SO7	
CLO.4	Kỹ thuật biên tập và tạo hiệu ứng phim	- Giảng bài trên lớp - Thảo luận - Bài đọc	- Bài tập cá nhân	L	SO7	
CLO.5	Thực hành làm phim	- Thực hành - Thảo luận	- Bài tập cá nhân	M	SO7	

Ghi chú:

Có các mức độ liên hệ giữa Mục Tiêu Môn Học với Chuẩn Đầu Ra như sau: *L = Low (Thấp)*, *M = Medium (Trung bình)*, và *H = High (Cao)*.